



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

ĐIỂM SÁNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TẬP II



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA DÂN TỘC

ĐIỂM SÁNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẬP II

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

NHIỀU TÁC GIẢ

ĐIỂM SÁNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẬP II



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HOÁ DÂN TỘC

HÀ NỘI - 2014

NHÓM THỰC HIỆN

- TỰÊ MINH
- ĐƠN THƯƠNG
- VŨ PHƯƠNG
- MINH ANH

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là một trong những nội dung, nhiệm vụ quan trọng để triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đây là một Chương trình tổng thể mang tính dài hạn về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng ở nông thôn. Việc thực hiện Chương trình có liên quan trực tiếp đến hoạt động và đời sống của hơn 70% dân số trong cả nước.

Sau gần 4 năm triển khai thực hiện Chương trình, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, bộ mặt nông thôn ở nhiều nơi được đổi mới, văn minh hơn, kết cấu hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao.

Trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới đã xuất hiện nhiều gương nông dân sản xuất giỏi; nhiều mô hình sản xuất hiệu quả. Đó là những điểm sáng góp phần làm nên thành công của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Hiện nay, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 đang được tiếp tục thực hiện. Để tuyên truyền và nhân rộng điển hình trong Phong trào xây dựng nông thôn mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc xuất bản bộ sách ***Điểm sáng xây dựng nông thôn mới***. Bộ sách gồm nhiều tập, mỗi tập có chủ đề riêng, bám sát Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Trong từng tập sách, đồng thời với việc giới thiệu một số “điểm sáng” trong Phong trào xây dựng nông thôn mới là việc cung cấp một cách nhìn khái quát về chủ đề tập sách đề cập.

Tập II của bộ sách cung cấp một cái nhìn khái quát về chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân; giới thiệu một số gương nông dân sản xuất giỏi và một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả ở một số địa phương nhằm tuyên truyền, cổ vũ việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế để xây dựng nông thôn mới.

Hy vọng qua tập sách này bạn đọc có thể tham khảo những điều bổ ích để áp dụng cho địa phương và gia đình mình.

Tháng 11 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÂNG CAO THU NHẬP CHO NGƯỜI DÂN VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 là nội dung quan trọng nhằm hiện thực hóa Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chương trình này được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010. Đây là một chương trình tổng thể mang tính dài hạn về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng ở nông thôn, bao gồm 11 nội dung cần triển khai, thực hiện đồng bộ, trong đó nội dung chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn là vấn đề vừa có tính cấp bách trước mắt, vừa lâu dài; là vấn đề trọng tâm có tính quyết định trong việc phát triển nông thôn bền vững. Chỉ có trên cơ sở phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của bà con nông dân mới có thể giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, xóa

đói, giảm nghèo bền vững, giảm các tệ nạn xã hội, nông dân yên tâm gắn bó với nông thôn và có tích lũy để đóng góp vào xây dựng hạ tầng nông thôn.

Phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân là nhiệm vụ khó khăn, nặng nề, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành. Và, trong điều kiện cư dân nông thôn còn nghèo, nguồn lực hỗ trợ đầu tư của Nhà nước có hạn, cơ chế, chính sách chung còn nhiều bất cập, để đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu (cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp và cơ cấu lao động), tăng nhanh và bền vững thu nhập cho cư dân nông thôn, các địa phương phải chủ động, sáng tạo; quyết tâm, kiên trì trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đồng thời các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp cần xây dựng chương trình, kế hoạch chung tay với địa phương, cơ sở và bà con nông dân mới có thể thực hiện thành công.

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4-6-2010 của Thủ tướng Chính phủ đã nêu lên năm nội dung cơ bản để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong giai đoạn 2010-2020:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao;

- Tăng cường công tác khuyến nông; đẩy nhanh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp;

- Cơ giới hóa nông nghiệp, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp;

- Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm “mỗi làng một sản phẩm”, phát triển ngành nghề theo thế mạnh của địa phương;

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, thúc đẩy đưa công nghiệp vào nông thôn, giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn.

Để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân các địa phương cần quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

- Các cấp ủy đảng, chính quyền cần quan tâm ban hành các chỉ thị, nghị quyết, đề án, kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất; phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ tổng kết, rút kinh nghiệm một cách kịp thời. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các mô hình hay, cách làm có hiệu quả để bà con nông dân áp dụng vào sản xuất.

- Xác định tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, kinh nghiệm truyền thống, kỹ năng, kỹ thuật của nhân dân địa phương, dự báo nhu cầu thị trường của từng loại sản phẩm hàng hóa địa phương có thể sản xuất. Trên cơ sở đó xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn có tính khả thi, thiết thực, hiệu quả phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, quyết tâm và tích cực chỉ đạo thực hiện bằng được các mục tiêu đã đề ra.

- Khai thác và phát huy tốt các tiềm năng lợi thế của địa phương trên từng ngành, lĩnh vực cụ thể trên cơ sở vận dụng có hiệu quả lợi thế so sánh; tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động; tích tụ ruộng đất hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa; phát triển các tổ hợp sản xuất, các loại hình hợp tác xã, các hình thức liên doanh, liên kết nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nghiên cứu du nhập các mô hình sản xuất, chăn nuôi, đưa các loại cây, con giống mới vào địa bàn, nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; áp dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, nhất là cải tạo đàn gia súc và giống lúa, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, phòng chống tốt dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ các dịch vụ vật tư nông nghiệp

cho nông dân; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tập huấn, tham quan học hỏi mô hình, đào tạo nghề cho nông dân theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển đổi đất nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp để gia tăng giá trị sản xuất.

- Cần xác định đầu tư cho sản xuất là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong đầu tư phát triển; huy động các nguồn vốn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là các công trình giao thông, thủy lợi nội đồng; đầu tư kinh phí để cải tạo đồng ruộng, cải tạo các diện tích đất hoang hóa đưa vào sản xuất.

- Có các cơ chế, chính sách về đất đai, thuế, cải cách thủ tục hành chính để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, nhất là nông nghiệp; tạo điều kiện để các doanh nghiệp hiện đang kinh doanh các mặt hàng nông sản mở rộng sản xuất kinh doanh để bao tiêu sản phẩm cho người dân; đặc biệt là khơi dậy nguồn vốn trong nhân dân để đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chăn nuôi, mở mang ngành nghề, dịch vụ,... Xây dựng các cơ chế, chính sách của huyện và của các xã để hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất. Đó là các cơ chế, chính sách

hỗ trợ người dân xây dựng mô hình sản xuất mới; chính sách hỗ trợ người dân khi mùa màng bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh; chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, cải tạo đồng ruộng; các cấp, các ngành cần quan tâm thăm hỏi, động viên, kịp thời sơ tổng kết các phong trào, các mô hình kinh tế, vinh danh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Trên thực tế, để nâng cao thu nhập, nếu chỉ dựa vào sản xuất nông nghiệp thuần túy thì không dễ đạt được, người dân cần phải có thêm nghề phụ để tăng thu nhập. Vì vậy, cần quan tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, đẩy mạnh xuất khẩu lao động để tạo thêm việc làm cho người dân.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn để tăng nhanh thu nhập, cải thiện đời sống cho dân cư nông thôn là nội dung trọng tâm xuyên suốt của quá trình xây dựng nông thôn mới, đòi hỏi các địa phương, các hộ gia đình phải chủ động, sáng tạo trong việc khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, nguồn vốn tự có, kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm truyền thống... để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tạo thêm ngành nghề, việc làm mới. Các cấp, các ngành, các cơ quan chuyên môn trong hệ thống chính trị có trách

nhệm hỗ trợ, hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, cung ứng, dịch vụ các loại giống cây trồng, vật nuôi, vật tư hàng hóa chất lượng tốt, tổ chức hệ thống chế biến, tiêu thụ nông sản hàng hóa kịp thời cho bà con nông dân. Rà soát lại các cơ chế, chính sách, lồng ghép các chương trình, dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương, cơ sở và nhân dân dễ dàng tiếp cận được các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để thâm canh, mở rộng sản xuất, phát triển các ngành nghề, dịch vụ mới.

Mục tiêu cuối cùng của việc xây dựng nông thôn mới là làm cho nông thôn phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng cải thiện. Đến nay, sau hơn 3 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trong cả nước, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện, xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tích cực. Nhiều địa phương đã có cách làm hay để đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho nông dân.

Cơ cấu ngành, nghề ở nông thôn chuyển dịch theo hướng tích cực, số lượng, tỷ trọng số hộ hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản ngày càng giảm, trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ ngày càng tăng. Theo kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy

sản năm 2011 của Tổng cục Thống kê, năm 2011, số hộ hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản là 9,53 triệu hộ (chiếm 62,2%), giảm 248 nghìn hộ so với năm 2006 (chiếm 71,1%); số hộ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ: 5,13 triệu hộ, tăng 1,67 triệu hộ so với năm 2006. Tính chung trong giai đoạn 2001-2011, số hộ nông, lâm, thủy sản cứ qua 5 năm lại giảm đi khoảng từ 9% đến 10%. Đến năm 2011, đã có 13/63 tỉnh, thành phố có tỷ trọng hộ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm trên 40% tổng số hộ nông thôn, trong khi năm 2006 con số này chỉ có ở 5/63 tỉnh, thành phố. Tính theo vùng, tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành, nghề hộ nông thôn từ nông, lâm, thủy sản sang các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ rõ nét nhất là ở vùng Đông Nam Bộ và sau đó là vùng đồng bằng sông Hồng.

Chính từ chuyển dịch cơ cấu ngành, nghề theo hướng công nghiệp hóa đã dẫn tới sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. Năm 2011, trong tổng số 32 triệu người trong độ tuổi có khả năng lao động ở khu vực nông thôn, có 59,6% lao động hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, giảm mạnh so với mức 70,4% của năm 2006; 18,4% tổng số lao động hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, tăng khá

nh nhanh so với mức 12,5% của năm 2006 và 20,5% là lao động trong lĩnh vực dịch vụ (năm 2006, tỷ lệ này là 11,9%). Còn lại là lao động hoạt động trong các lĩnh vực khác.

Trình độ chuyên môn của lao động nông thôn cũng từng bước được nâng cao. Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên năm 2011 chiếm tỷ lệ 11,2% (năm 2006 chỉ đạt 8,2%), trong đó, trình độ trung cấp lần lượt ở các năm 2011, 2006 là 4,3% và 3%; trình độ đại học là 2,2% và 1,1%.

Do cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, trình độ của người lao động nông thôn được nâng cao nên thu nhập và tích lũy của hộ gia đình nông thôn ngày càng tăng lên. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tại thời điểm ngày 1-7-2011, vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn đạt 17,4 triệu đồng, gấp 2,6 lần so với thời điểm ngày 1-7-2006. Nếu loại trừ yếu tố trượt giá thì vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn năm 2011 tăng khoảng 41% so với năm 2006, tăng cao hơn so với mức tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời kỳ 2006-2011 (gần 40%).

Sản xuất ngày càng đa dạng cả về cơ cấu sản phẩm và loại hình tổ chức. Tuy sản xuất nông hộ nhỏ vẫn chiếm tỷ trọng lớn, nhưng hệ thống

sản xuất quy mô vừa và lớn đang hình thành, đặc biệt trong chăn nuôi, trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và trồng cây lâu năm. Tổng số trang trại đăng ký năm 2010 đã tăng 2,5 lần so với năm 2000.

Đáng chú ý, xu thế đa dạng hóa tổ chức sản xuất cũng phát triển, song song với hình thức truyền thống như hợp tác xã, tổ hợp tác, các nhóm kinh tế phi chính thức, dựa trên nguyên tắc liên kết kinh tế tự nguyện giữa các nông hộ đã trở nên phổ biến hơn. Những năm gần đây, hình thức hợp đồng tiêu thụ nông sản đang phát triển, gắn kết nông dân sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến và thương mại.

Nhiều mô hình tổ chức sản xuất mới xuất hiện. Đáng chú ý, mô hình Cánh đồng mẫu lớn hay “Cánh đồng liên kết” thời gian qua đã dần phát huy hiệu quả và đang được nhân rộng. Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2012, mỗi héc-ta lúa tham gia trong Cánh đồng mẫu lớn, người sản xuất có thể thu lời thêm từ 2,2 đến 7,5 triệu đồng. Chi phí sản xuất giảm được từ 10% đến 15%, trong khi giá trị sản lượng tăng 20% - 25%. Có thể nói, Cánh đồng mẫu lớn là một trong những lời giải cho câu hỏi làm thế nào để giúp nông dân có thể tiếp cận các loại phân bón, vật tư nông nghiệp đầu vào phục vụ sản xuất với giá cả ổn

định và chất lượng bảo đảm, đồng thời tăng giá bán nông sản ở đầu ra, giúp nâng cao thu nhập cho người nông dân. Nhiều chuyên gia cho rằng đây là hướng đi tất yếu, cũng là giải pháp thiết thực nhất để tiến tới nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn trong tương lai.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, nếu diện tích lúa đăng ký sản xuất theo mô hình Cánh đồng mẫu lớn, đầu năm 2011 chỉ có khoảng 7.200 ha, thì đến vụ đông xuân năm 2012 diện tích này nâng lên 20.000 ha và đến năm 2013 dự kiến đạt 100.000 - 200.000 ha, trung bình mỗi tỉnh đạt 10.000 - 20.000 ha (số liệu của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Hiện nay, mô hình Cánh đồng mẫu lớn không chỉ giới hạn ở các tỉnh Nam Bộ mà đã bắt đầu phát triển ở các vùng, miền trong cả nước. Mô hình Cánh đồng mẫu lớn không chỉ giới hạn ở sản xuất lúa mà đang được áp dụng sáng tạo sang các lĩnh vực sản xuất khác như mía đường, cà phê, điều, chè, chăn nuôi thủy sản và rau quả an toàn. Xu hướng sắp tới, từ cánh đồng mẫu lớn, các địa phương sẽ xây dựng các vùng nguyên liệu lúa gạo hàng hoá và xây dựng thương hiệu lúa gạo từ các vùng nguyên liệu sản xuất theo VietGAP.

Bên cạnh đó, mô hình chuỗi sản xuất, thương mại, chế biến và phân phối sản phẩm khép kín

cũng đang dần phổ biến. Điển hình như các mô hình tổ chức chăn nuôi lợn và gia cầm ở Công ty Cổ phần chăn nuôi Việt Nam; mô hình tổ chức vùng nguyên liệu sản xuất chế biến cá tra thuộc Công ty Cổ phần thủy sản Hùng Vương và Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Giang... Trong mô hình này, doanh nghiệp đóng vai trò nhà đầu tư, người tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cả vai trò bảo đảm thị trường tiêu thụ. Nông dân nhận khoán theo định mức chi phí và được hỗ trợ một phần chi phí xây dựng cơ bản ban đầu, chi phí lao động và sản xuất trên đất của họ. Mô hình sẽ thành công hơn khi doanh nghiệp có vốn lớn, có thị trường tiêu thụ ổn định.

Ngoài ra, còn mô hình nông dân góp cổ phần với doanh nghiệp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Theo đó, người nông dân góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp và trở thành những cổ đông, được chia cổ tức hoặc được tuyển dụng thành người lao động làm công ăn lương, nông dân tham gia vào các công đoạn sản xuất và nhận tiền lương khi lao động. Hình thức này xuất hiện nhiều trong ngành sản xuất cao su ở Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Bà Rịa - Vũng Tàu và ngành mía đường ở Thanh Hóa. Tính đến năm 2012, diện tích đất góp tại các tỉnh trồng cao su ở Tây Bắc đã đạt xấp xỉ 20.000 ha.

Dự kiến đến năm 2020 là khoảng 50.000 ha. Điểm mạnh của hình thức liên kết này là có tính hợp tác và chia sẻ rủi ro cao giữa nông dân và doanh nghiệp. Góp cổ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất nhưng về mặt pháp lý, nông dân vẫn là chủ sở hữu tư liệu sản xuất. Đất đai của họ không bị thu hồi hay bị buộc phải bán đất cho doanh nghiệp như các dự án khác.

Cùng với đó, thời gian gần đây còn có hàng trăm mô hình các hợp tác xã kiểu mới được hình thành và phát triển, đang sản xuất và kinh doanh khá hiệu quả, hỗ trợ tốt cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình xã viên. Đặc biệt, hiện nay, đã xuất hiện mô hình doanh nghiệp công nghệ cao trong nông nghiệp. Đại diện cho hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh này phải kể đến những mô hình như mô hình sản xuất và kinh doanh sữa của Công ty cổ phần TH True Milk, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sữa Mộc Châu; Công ty cổ phần công nghệ sinh học rừng hoa Đà Lạt. Đây là những doanh nghiệp đi đầu trong áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Một số địa phương đã hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch ở nông thôn, du lịch kết hợp với phát triển làng nghề truyền thống.

Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự ra đời và phát triển của các mô hình tổ chức sản xuất mới trong nông nghiệp là rất phong phú, đa dạng, hợp với điều kiện cụ thể ở các vùng, miền, điều kiện sản xuất đặc thù của mỗi loại sản phẩm.

Qua những năm xây dựng nông thôn mới, người dân phấn khởi trước những thay đổi trên quê hương. Những gương nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả xuất hiện ngày càng nhiều ở các địa phương cho thấy một khi năng lực sáng tạo của người dân trong phong trào xây dựng nông thôn mới được phát huy thì sẽ tạo nên sức mạnh đưa đến những thành công lớn cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

GƯƠNG NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỎI

NGƯỜI PHỤ NỮ THÁI VỚI NGHỀ DỆT THỔ CẨM



Chị Đèo Thị Hạnh bên sản phẩm và khung dệt

“Người Thái chúng em có nhiều nét văn hóa độc đáo, trong đó trang phục dân tộc được rất nhiều người yêu thích. Em rất tự hào với bản sắc văn hoá của dân tộc mình và quyết tâm góp phần làm nó đẹp hơn. Dù ngày nay hiện đại, có nhiều hàng hoá đẹp với chất lượng tốt nhưng

những mặt hàng thổ cẩm của chúng em vẫn chiếm lĩnh được thị trường trong và ngoài nước ” - đó là lời tâm sự từ đáy lòng của chị Đèo Thị Hạnh. Nghe lời tâm sự của chị - người phụ nữ Thái đang ngày đêm tính toán, suy nghĩ để tìm cách bảo lưu và duy trì bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời tìm hướng đi mới cho nghề dệt truyền thống của ông cha, không mấy ai biết được vợ chồng chị đã từng có một thời gian lao đao vì ước muốn giữ nghề.

Bên tiếng thoi đưa lách cách, chị Đèo Thị Hạnh - Chủ nhiệm Hợp tác xã Trường Sinh - chuyên sản xuất vải, chăn, gối, đệm và những mặt hàng thổ cẩm ở Lai Châu tâm sự về niềm đam mê sắc màu thổ cẩm và những năm tháng khó khăn khi mới bước chân vào nghề. Theo chị Hạnh thì từ thuở ấu thơ, khi được khoác trên mình bộ áo côm, khăn piêu với những hoa văn, sắc màu rực rỡ, chị đã cảm thấy hãnh diện và tự hào vô cùng. Ngắm nghía kỹ trang phục mình đang mang trên người, chị không thể tưởng tượng nổi tại sao nó lại đẹp như vậy. Hoa văn màu sắc kết hợp rất khéo léo, hài hòa, trông rực rỡ như những bông hoa rừng. Chị Hạnh đã nhiều lần tự hỏi: Sao bà mình, mẹ mình giỏi thế? Từ những nụ bông, quả gạo, lá cây, sáo ong rừng mà họ có thể làm nên những tấm áo, tấm khăn, cái chăn, cái đệm đẹp như tranh vẽ. Cứ

thế chị bị những tấm thổ cẩm hút hồn. Chị mê mẩn đến nỗi quên ăn quên ngủ, thậm chí quên cả học hành mỗi khi nhìn thấy cảnh các bà, các mẹ, các chị ngồi bên khung cửi.

Cũng vì quá mê mải với những tấm thổ cẩm mà không ít lần chị đã bị mắng vì dám bỏ ôn bài, lén đi xem người lớn làm vải, nhuộm màu, thêu khăn piêu. Lúc ấy, đứa trẻ thơ trong chị thầm ước mong sao mình mau lớn để được tự tay cầm kim khâu chỉ, xe sợi, thêu hoa. Thế rồi tranh thủ những lúc cha mẹ không để ý, chị thường lén lấy kim chỉ học thêu theo như những gì đã học được sau mỗi lần ngồi nhìn người lớn thêu. Mặc dù không được chỉ bảo, lại làm lén lút nhưng những sản phẩm mà chị thêu ra rất đẹp, đến nỗi nhiều người đã cầm kim thêu đến mấy chục năm trời cũng không có được sự mềm mại, hài hòa, uyển chuyển như bức thêu của chị. Cứ thế bên cạnh thời gian đi học, giúp đỡ cha mẹ, mỗi khi rảnh rỗi chị Hạnh lại miệt mài với đường kim mũi chỉ. Khi đến tuổi thiếu nữ, chị Hạnh đã là cô gái có tài thêu hoa, dệt vải đẹp nhất đất Mường So. Chị Hạnh chia sẻ: "Đất Mường So chúng em có nghề dệt truyền thống. Đã là gái Mường So mà không biết thêu, biết dệt coi như "mất điểm lớn"". Theo quan niệm truyền thống của người Thái trắng: "Con gái Thái trắng khi đi lấy chồng chỉ cần cha mẹ để

cho mang theo mình chiếc khum câu (lược máy dệt vải) là coi như hồn ma của mình, nghề sống của mình đã theo về nhà chồng. Nhà trai khi thấy con dâu mang theo khum câu về là cũng yên tâm vì có được cô con dâu toàn tâm, toàn ý”. Đẹp người, đẹp nết, lại có tài thêu dệt, không ít đám trai tráng trong bản ngày đêm rập rình bên cửa nhà chị tính chuyện hỏi cưới, nhưng vì quá say mê với nghề mà chị Hạnh quên luôn cả chuyện chồng con. Trong khi những người bạn cùng trang lứa đã lần lượt vác khum câu về nhà chồng và con bồng con bế, thì chị Hạnh vẫn say sưa với những chiếc khăn piêu và những bông hoa rừng. Chỉ đến khi có một người đàn ông cũng toàn tâm toàn ý và có niềm đam mê thực sự với nghề dệt tìm đến mới làm siêu lòng người thiếu nữ bên khung cửi. Chị tâm sự hài hước: “Em sinh năm 1974, tuổi Hổ, khó tìm chồng nên tới 20 tuổi mới có người rước. Con gái Thái vùng cao mà 20 tuổi mới có chồng là muộn đấy”.

Sau những chia sẻ về đời tư lại là những trăn trở về nghề: “Nhưng lấy được chồng rồi em cũng vẫn chỉ đam mê mỗi nghề thêu dệt của cha ông, và cũng chỉ biết bám vào nghề đó để kiếm sống. Được cái, chồng em cũng là người hiểu biết và say mê nghề dệt. Vậy là chúng em tặc lưỡi: Biết nghề nào thì làm bằng nghề đó, sướng - sống sướng, khổ - sống khổ”. Cũng từ đó hai vợ chồng

chị bắt đầu với công cuộc mưu sinh từ những tấm thổ cẩm.

Thời điểm vợ chồng chị Hạnh làm nghề thổ cẩm cũng là thời điểm "xuống dốc" tột độ của mặt hàng thổ cẩm. Thanh niên, người già, con trẻ trong bản hầu như ai cũng sử dụng quần áo may sẵn. Những bộ quần áo may sẵn tràn ngập các bản làng. Những chiếc váy, áo bắt mắt của phụ nữ Thái cứ thưa dần trong những buổi chợ phiên, trên nương rẫy. Chỉ còn một số phụ nữ hoài niệm với nét đẹp truyền thống là cố giữ cho mình một bộ "bản sắc" phòng khi lễ hội, tiếp tân. Các cô gái trẻ không còn quen với khung dệt, với những đường kim khâu. Các điểm sản xuất hàng thổ cẩm trên địa bàn, các máy dệt gia đình cũng bị "xóa tên". Vì thế, mấy năm đầu, cuộc sống của vợ chồng chị Hạnh rất khó khăn, nhiều khi chỉ là nhận làm giúp dân bản những đồ dùng nhỏ để duy trì nghề, giữ khách... Đói ăn là một chuyện nhưng điều đau lòng hơn là phải chứng kiến nghề truyền thống của ông cha đang dần mai một trên chính quê hương mình trong khi du khách lại rất thích những tấm dệt thổ cẩm do người dân tộc thiểu số ở đây làm ra.

Năm 1996, thấy bông của nông dân làm ra không bán được, trong khi nhiều phụ nữ rất giỏi nghề dệt trước đây nay rồi rã, thiếu việc làm; chứng kiến sự mất dần của nghề truyền thống,

lại thấy sự đói nghèo của dân bản vì không có nghề mưu sinh, chị quyết tâm phải khôi phục lại nghề truyền thống của cha ông để vừa giữ nghề vừa tạo công ăn việc làm cho chị em phụ nữ trong bản. Chị chia sẻ: “Trước tình cảnh đau lòng đó, mình luôn day dứt, phải làm gì đó để nghề truyền thống đã gắn bó với người dân tộc Thái từ bao đời nay không biến mất, cũng là góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mình. Qua đó cũng cần phải tìm một hướng làm ăn mới, giúp chị em dân bản đỡ vất vả hơn”.

Qua tìm hiểu thị trường Trung Quốc, thấy hàng thổ cẩm ở bên đó tiêu thụ được, chị Hạnh bàn với chồng "thủ" kêu gọi chị em trong bản lập thành một nhóm sản xuất thổ cẩm. Lúc đầu chồng chị không đồng ý, anh vẫn băn khoăn bởi vốn đầu tư nhiều, hai vợ chồng không có tiền. Hơn nữa, bây giờ rất ít người còn có hứng thú với nghề này nên sợ lại mang của bỏ đi. Cân nhắc mãi, vợ chồng chị quyết định đánh liều một phen xem sao. Vợ chồng chị đi tìm mua lại những máy dệt, máy xe sợi còn sót lại trong dân và huy động những ai tâm huyết với nghề, tranh thủ lúc rỗi rãi đến xưởng làm thêm. "Vậy mà không ngờ có tới cả chục người nhận tham gia, lại được Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, chính quyền ủng hộ, thế là chúng em thành lập hợp tác xã. Nghề thổ cẩm ở đây cũng đi lên từ đó.

Bây giờ làm không hết việc, doanh thu một năm tới hàng tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 10 công nhân và 60 lao động không chuyên nghiệp trong huyện".

Bằng sự tỉ mỉ, kiên nhẫn và khéo léo đến lạ thường, những người phụ nữ trong hợp tác xã của chị đã sáng tạo ra những nét đẹp riêng với sự pha trộn tinh tế giữa các sắc màu, các họa tiết hoa văn tinh xảo đến từng đường nét nhỏ. Vì thế mà các sản phẩm dệt do hợp tác xã của chị làm ra có sức hút lớn với những đối tác ở nhiều nước trên thế giới.

Trong những lần giao dịch với khách hàng, chị nhận thấy, nếu chỉ bán hàng dệt thổ cẩm thôi thì giá trị kinh tế chưa cao. Sau khi tìm hiểu và nghiên cứu kỹ thị trường, chị chuyển hướng sang làm các sản phẩm thổ cẩm thêu tay như: khăn trải bàn, túi xách tay, ví đựng tiền... đang được khách hàng ưa chuộng.

Bằng lòng yêu nghề, sự nhanh nhạy trong làm ăn kinh tế, vợ chồng chị Hạnh đã thúc đẩy nghề dệt thổ cẩm của địa phương đi lên, từng bước đứng vững trên thị trường. Qua đó không những phát triển được nghề truyền thống của cha ông mà chị đã giải quyết được công ăn việc làm cho hàng trăm lao động nữ trong bản. Thậm chí có những lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, chị còn tạo điều kiện cả chỗ ăn, chỗ ở như

trường hợp của bà Tào Thị So, 75 tuổi - một người già đơn thân trong bản. Bên chiếc guồng xe tơ cũ kỹ, bà So vừa khéo léo biểu diễn nhịp điệu xe tơ thành thạo như một nghệ sĩ, vừa tâm sự: “nghề dệt thổ cẩm ở đất Lai Châu đang mất dần nhưng nhờ vợ chồng chị Hạnh lưu giữ và đầu tư nên nó mới phát triển trở lại. Nhiều nông dân ở đây có thêm thu nhập từ hợp tác xã này đấy. Như tôi, đến già chẳng có con cái chăm nom, chị Hạnh đón về ở luôn trong xưởng, lại có việc làm, mỗi tháng thu nhập cũng được gần 1 triệu. Những thợ dệt trẻ hơn thì dù làm không đủ tháng cũng được gần 2 triệu đồng. Tôi cũng như những người ở đây sẽ sống với nghề thổ cẩm này thôi”.

Khó khăn lớn nhất với chị Hạnh lúc này là đồng vốn để tiếp tục mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh. Một đối tác đến từ Trung Quốc rất chuộng hàng do hợp tác xã của chị làm ra và đặt hàng với một số lượng lớn, nhưng vì không có máy nên hợp tác xã của chị chỉ đáp ứng được một số lượng hạn chế. Hơn nữa, hiện nay bà con nông dân lại trồng một loại bông mới là bông cao sản cho năng suất và thu nhập cao hơn trước, chất lượng cũng tốt hơn bông cũ rất nhiều. Tuy nhiên, do máy xe sợi thủ công nên đã hạn rất nhiều về năng suất cũng như hiệu quả công việc. Ước mơ lớn nhất của chị là vay

được khoảng 1 đến 2 tỷ đồng để đầu tư máy móc, mở rộng nhà xưởng, tuyển thêm lao động đưa đi đào tạo nghề, nhằm nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và cho công nhân

Khó khăn là vậy, nhưng chị vẫn không lùi bước, vẫn tiếp tục nỗ lực trên con đường gìn giữ và phát triển nghề. Hợp tác xã dệt thổ cẩm Trường Sinh (Pa So, Phong Thổ, Lai Châu) của chị ngày ngày vẫn nhộn nhịp khách ra, vào trao đổi, mua bán. Tiếng thoi đưa lách cách, tiếng máy xe sợi chạy rì rào, những bước chân hối hả của các nhân công và sắc màu rực rỡ của hoa văn trên các mặt hàng thổ cẩm... dễ làm người ta tưởng như đang đứng trước hội chợ hàng thổ cẩm dân tộc Thái. Chị phấn khởi nói: “Em nghĩ một ngày không xa, các mặt hàng thổ cẩm lại trở về với thời hoàng kim như xưa”.

Từ chỗ nghề dệt thổ cẩm truyền thống của cha ông có nguy cơ bị biến mất, chị Hạnh đã làm “sống lại” làng nghề bằng niềm đam mê với nghề, bằng tình yêu với dân bản. Bây giờ, tiếng khung dệt lại vang lên rộn rã khắp các bản làng trên đất Mường So.

Chia tay với những xã viên Hợp tác xã Trường Sinh, tôi thầm cảm ơn chị Đào Thị Hạnh và những con người nơi đây đã cùng nhau vượt khó, giữ gìn lại cho mai sau nghề thổ cẩm - nét văn hoá truyền thống của dân tộc. Những sản

phẩm của Trường Sinh hôm nay không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn vượt qua biên giới đến với nhiều dân tộc khác trên thế giới như lời quảng bá văn hóa Việt Nam của dân tộc Thái Mường So.

(Theo *ĐT*)

THU NHẬP HÀNG TRĂM TRIỆU ĐỒNG MỘT NĂM TỪ CHĂN NUÔI

Xã hội hiện đại có rất nhiều gương phụ nữ vươn lên làm giàu, các chị vừa đảm việc nhà lại còn giỏi việc nước. Các chị không chỉ thành công trong sự nghiệp nuôi dạy con cái, giữ lửa cho tổ ấm gia đình, mà trong lĩnh vực làm kinh tế, các chị cũng thu được rất nhiều thành quả đáng khâm phục. Chị Lò Thị Toàn là một trong những tấm gương ấy.

Chị Lò Thị Toàn, sinh năm 1960 - người con dân tộc Thái ở bản Hiệu, xã Chiềng Sinh huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Chị là cán bộ Hội Phụ nữ xã. Vốn là một người ham học hỏi, lại là người dám nghĩ dám làm, luôn sáng tạo trong lao động sản xuất, vì thế chị không ngừng nỗ lực sản xuất, từng bước vươn lên làm kinh tế, đưa gia đình thoát khỏi tình trạng đói nghèo. Chị đã đạt được nhiều kết quả trong lao động sản xuất nông nghiệp, đưa mức thu nhập của gia đình lên tới hàng trăm triệu đồng/năm trong những năm gần đây.

Nói về chuyện làm kinh tế của gia đình mình, chị Toàn chia sẻ: “Trước đây gia đình tôi cũng nghèo lắm. Sống chủ yếu nhờ nguồn thu từ trồng trọt, chăn nuôi theo thói quen, tập quán sản xuất truyền thống của cha ông, dựa vào thiên nhiên là chủ yếu. Thiếu vốn, thiếu giống, lại chưa biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất thấp, đời sống gặp nhiều khó khăn. Mấy năm gần đây nhờ một số chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước, cộng thêm sự giúp đỡ của các anh, chị ở Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và cán bộ làm công tác khuyến nông cầm tay chỉ việc, cho đi xem một số mô hình trang trại, mô hình sản xuất kinh doanh ở xã bạn, cộng với sự học hỏi kinh nghiệm của anh em, bạn bè, từ đó tôi đã mạnh dạn cùng chồng con làm theo”.

Nói thì ngắn gọn như vậy nhưng quá trình chuyển đổi sản xuất của gia đình chị kéo dài tới vài năm trời vì "nó phải qua một quá trình chuyển đổi nhận thức. Biết cách làm ăn mới rồi nhưng mọi người cũng phải yêu, phải thích mới làm được". Bắt tay vào sản xuất theo phương thức mới không phải đã thuận lợi ngay từ đầu. Với diện tích đất để trồng lúa của gia đình chỉ vón vện có 0,3 ha, tuy gia đình chị đã đổi mới cấy 2 vụ mỗi năm, nhưng cũng chỉ thu hoạch được khoảng 4 tấn thóc/năm, chỉ đủ cho 5 nhân khẩu trong nhà dùng. Trăn trở nhiều đêm, nghĩ

đến 4 ha đất rừng vẫn chưa được sử dụng đúng mục đích, chị quyết định chuyển đổi 3 ha sang để trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ và chăn nuôi. Khi đó nguồn vốn của gia đình ít ỏi, chị phải vay thêm của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện 20 triệu đồng, huy động thêm vốn của bạn bè, người thân; tập trung vào chăn nuôi đại gia súc. Bắt tay vào chăn nuôi khó khăn không kể hết. Từ cách chăm sóc, làm chuồng trại chăn nuôi, nguồn thức ăn cung cấp cho vật nuôi đều bỏ ngõ với chị. Thời gian đầu do chị chưa biết cách phòng dịch nên gia súc bị bệnh, gây yếu phải nhờ đến sự hỗ trợ của cán bộ thú y. Được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của cán bộ cộng với sự ham học hỏi qua sách báo, khi áp dụng vào thực tế chăn nuôi đem lại hiệu quả rõ nét. Trâu, bò nhà chị đã vượt qua được dịch bệnh, phát triển tốt, sớm sinh sản. Những con giống trong lứa sinh sản đầu tiên, chị giữ lại, mở rộng diện tích chuồng trại để nhân đàn. 5 năm qua, từ 4 con trâu, bò giống, đến nay gia đình chị đã nhân đàn và mua thêm được 35 con trâu, bò. Hằng năm, đàn trâu, bò đẻ thêm được từ 9 đến 10 con, sau khi bán con giống, trừ chi phí, bình quân mỗi năm gia đình chị thu được khoảng 40 đến 50 triệu đồng.

Cái lợi từ chăn nuôi trâu bò hàng hóa đã rõ. Những thành công bước đầu đã khích lệ chị nỗ

lực vươn lên làm giàu. Để có thêm miếng ăn, của để, chị tiếp tục mạnh dạn đầu tư nuôi thêm 20 con lợn nái cùng nhiều gà, vịt. Hằng năm thu nhập từ nguồn này được khoảng từ 20 đến 30 triệu đồng. Có tiền, chị đào đắp, cải tạo thêm 5.000 m² ao để thả cá, thu thêm được từ 4 đến 5 triệu đồng/năm, lại vừa chủ động trong việc cải thiện bữa ăn gia đình. Còn 1 ha diện tích đất trồng rừng, chị góp vốn với Công ty cổ phần cao su Điện Biên để trồng cây cao su.

Trước sự "đổi đời" của mình, chị Toàn chia sẻ: "Cũng nhờ chịu khó học hỏi mà thôi. Bà con vùng cao chúng tôi có lợi thế về đất đai và lao động, nếu chịu học, chịu làm, lại được Nhà nước quan tâm thì chẳng mấy mà hết nghèo". Không chỉ hết nghèo, chị Toàn còn trở thành một cán bộ Hội Phụ nữ giỏi, được nhiều hội viên trong và ngoài xã kính nể, tin yêu vì chị rất sẵn lòng giúp mọi người giống, vốn, kinh nghiệm làm ăn. Kinh tế khá giả, chị đã có điều kiện tốt để nuôi các con ăn học đầy đủ. Chị bảo: "Ba con của tôi hiện cháu lớn đang theo học tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, cháu thứ hai đang học nghề lái xe ô tô, cháu thứ ba đang học trung học phổ thông, không cháu nào mắc phải tệ nạn xã hội. Đó là điều làm vợ chồng tôi vui nhất".

Mỗi người có một cách làm giàu riêng, dựa vào đặc điểm tự nhiên của địa phương, khả năng

lao động và kinh tế của từng gia đình. Điều quan trọng là cần phải có nghị lực và ý chí vượt khó đi lên. Khi đã có tinh thần quyết tâm thì mọi việc sẽ thuận lợi hơn rất nhiều (*ĐT*).

(Theo *ĐT*)

TRANG TRẠI TRÊN ĐỈNH ĐÈO MÂY

Vùng đất Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên bạt bồng mây phủ được nhiều người biết đến với địa danh đèo Pha Đin. Nơi tiếp giáp của đất - trời ngay bên Quốc lộ 6 là bản doanh của tỹ phú Mùa Dững Dưa - một nông dân nghèo vượt khó. Hiện nay trong tay anh đang sở hữu khoảng 23 ha rừng thông tự trồng, mấy hecta cây ăn quả, cây lương thực và rất nhiều vật nuôi có giá trị.

Sinh ra trong một gia đình nghèo ăn còn chưa đủ no nói chi đến chuyện học hành, vì thế Mùa Dững Dưa sớm phải nghỉ học cùng bố mẹ tham gia sản xuất. Anh bảo: “Ngày xưa nhà anh nghèo lắm”.

Tuy mới học hết cấp II, nhưng với bản tính nhanh nhẹn, tháo vát, Mùa Dững Dưa trở thành xã viên Hợp tác xã chăn nuôi bò xã Tỏa Tình và được cử giữ vị trí kế toán. Mấy năm sau do hiệu quả thu được ngày càng giảm, hợp tác xã giải thể. Dồn hết số tiền tích góp của cả gia đình cộng với số tiền vay thêm của anh em, bạn

bè, Mùa Dững Dua mua lại 5 con bò cái do hợp tác xã bán thuộc diện thanh lý thu hồi vốn. 5 con bò này thuộc loại thịt cũng không bỏ vì gây trơ xương. Anh em, bạn bè ai cũng khuyên Dua nếu ít tiền thì chỉ chọn mua lấy 1 hoặc 2 con nhưng phải béo tốt, chứ mua về những cái khung xương di động này thì nuôi thế nào được. Vì đã từng có một thời gian làm ở hợp tác xã có được kinh nghiệm về chăn nuôi nên anh Dua biết với 5 con bò này nếu chăm sóc tốt thì chỉ mấy tháng sau anh sẽ có đàn bò đẹp.

Lần đầu tiên có tới 5 con bò là tài sản riêng, vợ chồng Mùa Dững Dua mừng lắm. Ngày ngày anh chăm sóc đàn bò như chăm sóc những đứa con của mình. Anh đi tìm những bãi cỏ tốt, xanh non giàu dưỡng chất để cắt về cho bò ăn. Ngoài ra, anh còn trồng thêm một số loại cỏ như cỏ voi có hàm lượng dinh dưỡng cao, rau muống, rau lang dọc các bờ suối để cung cấp thêm thức ăn cho bò. Để bò không bị thiếu thức ăn, anh còn trữ thêm cả cỏ khô, rơm khô. Đặc biệt, anh còn chế biến rơm thành thức ăn chua bằng cách dùng phân urê để ủ rơm, vừa giúp bò tiêu hóa tốt vừa bảo đảm dinh dưỡng cho bò. Nhờ sự chăm sóc chu đáo của vợ chồng anh, chỉ sau vài tháng 5 con bò trong chuồng nhà anh con nào con nấy béo nung núc. 6 tháng sau, con bò cái lớn nhất trong đàn đã sinh thêm cho anh 1 con

bê và anh đã giữ lại để tiếp tục nhân đàn. Đàn bò trong chuồng nhà anh theo thời gian mỗi năm mỗi tăng. Nhìn thấy thành quả mà mình đạt được, anh mãn nguyện vô cùng và càng chú ý chăm sóc cẩn thận hơn. Chuồng trại được anh xây cất sạch đẹp, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông. Định kỳ hàng tuần anh tiến hành tiêu độc và dọn dẹp phân, bảo đảm chuồng nuôi luôn khô thoáng. Đặc biệt anh thường xuyên dùng dịch sát trùng để khử độc chuồng nuôi. Thời gian cứ tiếp nối trôi đi, không phụ công người chăm sóc, 5 năm sau, đàn bò của anh Dưa đã lên tới gần 30 con, bà con, anh em chòm xóm ai cũng mừng cho vợ chồng anh. Nhiều người thấy Dưa có thu nhập tốt nhờ chăn nuôi bò nên kéo đến để học hỏi kinh nghiệm. Ai đến cũng đều được Dưa hướng dẫn chu đáo.

Khi phong trào nuôi trâu thương phẩm nở rộ ở một số vùng quê khác, tìm hiểu thấy nuôi trâu lãi hơn nuôi bò, bởi trâu ít bệnh, giá tương đối ổn định, trâu lại là giống phàm ăn, không vất vả công chăm sóc. Ngoài rơm, cỏ, người nuôi không cần mua thêm thức ăn cho trâu, hơn nữa lại không tốn công lao động, một người có thể chăn được cả một đàn lớn. Sau nhiều đắn đo và tìm hiểu, vợ chồng anh Dưa quyết định bán đi hơn 20 con bò trong chuồng để lấy tiền mua thêm 5 con trâu nái về nuôi. Số tiền còn lại anh

dùng vào việc tu sửa nhà cửa cho vững chãi hơn. Đã có kinh nghiệm từ chăn nuôi bò nên việc nuôi trâu của gia đình anh không quá khó khăn, lại sẵn có đồng cỏ cho bò nên khoản thức ăn cho trâu không đến nỗi quá vất vả, không mất công chăn dắt mà đàn trâu vẫn lớn nhanh.

Cũng như đàn bò, đàn trâu của Dưa sinh sôi đều đều nên chỉ khoảng 5 năm sau, từ 5 con trâu giống ban đầu, bây giờ đã lên tới hơn 20 con. Mỗi con trâu bán đi anh cũng thu lãi cả chục triệu đồng. Nhờ sự nhạy bén, dám nghĩ dám làm, tinh thần quyết tâm vượt khó, chẳng mấy chốc Mùa Dưng Dưa đã trở thành ông chủ trâu, bò trên đỉnh Pha Đin.

Hưởng ứng chủ trương xóa bỏ cây thuốc phiện, chuyển đổi cơ cấu cây trồng của Đảng và Nhà nước, anh Dưa cùng gia đình đã nhận hơn hai chục héc-ta đất trồng rừng, trồng cây ăn quả, tổ chức sản xuất đa dạng các loại cây trồng để làm giàu.

Trong tổng quỹ đất được nhận, Dưa dành hơn 2 ha đất cho việc trồng lúa nương, trồng ngô và bí đỏ để bảo đảm nguồn lương thực hàng ngày cho gia đình và làm chỗ chăn thả trâu bò. Nhận thấy quả táo mèo ở một số nơi bán được giá mà lại dễ trồng, phù hợp với khí hậu lạnh như Pha Đin, anh Dưa đã mày mò tìm hiểu và đi kiếm hạt giống về ương, trồng trên diện tích

hơn 1 ha đất. Còn lại trên 20 ha đất rừng đã nhận, anh tức tức đào hố trồng thông đuôi ngựa.

Xác định đi lên từ nghề nông nên anh Dua rất chịu khó học hỏi, suy nghĩ để tìm ra những phương pháp sản xuất hàng hoá đem lại lợi nhuận cao. Những năm gần đây, vườn táo mèo của gia đình anh đã cho thu hoạch với mức bình quân 1 triệu đồng/ngày hái quả.

Ngoài chăn nuôi trâu, bò, gia đình anh còn kết hợp nuôi thêm lợn, gà Mông, sóc, gà lôi, gà gô. Vào thăm trang trại của gia đình anh thấy rất nhiều khu chuồng chăn nuôi được xây dựng riêng biệt. Chỉ tay về phía khu vực chăn nuôi gia súc, gia cầm, anh bảo: “Mấy trăm con gà Mông thuần chủng này có giá tới 60 đến 70 triệu đồng đấy. Còn cặp gà lôi kia tuy mới nhân giống nhưng đã có người trả tới gần 6 triệu đồng. Con sóc, con don bây giờ thành đặc sản, nếu nuôi được thì cũng cho thu tiền triệu hàng ngày dễ như chơi”.

(Theo *ĐT*)

TRIỆU PHÚ Ở NOONG LÀO

Đi giữa màu xanh ngút ngàn của chè, cà phê nằm trải dài dưới sườn non của hai dãy Pu Ta Cao và Pu Tếnh Hươn, ông Lò Văn Bun kể lại quãng đời cơ cực và những năm tháng vươn lên làm giàu của mình. Để có một rừng cây công nghiệp xanh trù phú như ngày hôm nay là cả một sự quặn thắt và vật vã đấu tranh tư tưởng để ông đi đến quyết định trồng cây chè và cà phê. Bản thân ông rất muốn trồng thử để tìm cơ hội thoát nghèo, nhưng lại lo nếu phá bỏ hết cây lương thực chuyển sang trồng cây công nghiệp, không may thất bại thì vợ con ông ngay đến bữa ăn cũng không có nói gì đến chuyện thoát nghèo. Cuối cùng ông tặc lưỡi thử một lần xem sao và cơ hội đã đến với gia đình ông cũng như rất nhiều bà con khác trên đất Noong Lào, một vùng đất nằm tận cùng phía tây của Chiềng Pha, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Ông Lò Văn Bun sinh ra và lớn lên giữa mảnh đất Noong Lào hiểm trở bởi sự “cùm kẹp” của hai dãy núi có tên là Pu Ta Cao và Pu Tếnh Hươn. Nghiệt ngã hơn nữa là mùa hạ thì

gió Lào cú thông thốc thổi ở miền tây về, còn mùa đông thì gió lạnh thổi buốt rạt đến muông thú cũng phải bỏ đi. Thiên nhiên khắc nghiệt đã kìm hãm cuộc sống của gia đình ông và những người dân nơi đây trong sự đói nghèo và lạc hậu. Mặc dù ngày ngày cần cù, chịu thương chịu khó, nỗ lực cày cuốc trồng trọt chăn nuôi mong một cuộc đời no ấm nhưng thiên nhiên vẫn không chiều lòng người. Năm nào mưa thuận gió hòa thì gia đình ông cũng như bà con trong bản có được lương thực ăn cầm cự trong nửa năm, còn năm nào thiên nhiên khắc nghiệt thì chỉ có củ sắn, củ mài, củ nâu ăn qua bữa. Đói khát giày xéo tâm can ông. Nhìn cảnh vợ con nheo nhóc ông thấy quặn thắt trong lòng. Nhưng giữa đôi đất rộng lớn bao la đến cây cỏ cũng không mọc nổi này thì biết làm gì mà sống?

Đang đau đầu một nỗi niềm trần trở, cơ may đã đến với ông và bà con dân bản dưới chân Pu Ta Cao. Và rồi cũng có ngày tương lai bừng sáng giữa bản làng heo hút. Theo như ông Lò Văn Bun kể thì gia đình ông chính thức có cơ hội để đi lên ấy là từ khi tỉnh, huyện thấy xót xa cho hơn trăm hécta đất Noong Lào bị hoang hóa, trong khi bà con thì lại phải ăn củ mài, củ nâu qua bữa. Sau khi đội ngũ kỹ sư nông nghiệp đến khảo sát khí hậu, thổ nhưỡng, đất đai ở đây,

chương trình đưa cây chè và cây cà phê về trồng đã được triển khai. Lúc đầu mới nghe về dự án, ông và nhiều bà con nơi đây vẫn không tin vào sự đổi đời từ việc trồng cây chè và cà phê. Tuy biết có tiền, được hỗ trợ lương thực ban đầu nhưng ông nghĩ: Cây ngô, cây lúa sau khi trồng 6 tháng là có ăn còn không sống nổi, huống chi mấy cái cây lạ lắm kia, sau khi trồng phải chờ đến 5 năm sau mới cho thu hoạch thì sống sao nổi. Cũng giống như ông, tất cả bà con dân bản đều không dám chuyển sang canh tác theo hướng mới.

Dân chưa ưng bụng, cán bộ đi và đến nhiều lần, tập trung vào nói chuyện với dân. Thấy cán bộ chịu khó vượt đèo dốc đến với mình, “nói” với mình nhiều quá nên “nể lời cán bộ” ông đã mạnh dạn “xui” vợ dành vài nghìn mét vuông đất canh tác của gia đình để trồng thử chè và cà phê. Và khi đã cưỡi trên lưng cọp rồi có xuống cũng không được, vì vậy ông quyết tâm đầu tư toàn bộ công sức vào việc chăm sóc cây cà phê với ước mong hai giống cây này sẽ giúp gia đình mình đổi đời. Ông thường xuyên xuống núi tìm mua những cuốn sách dạy về cách chăm sóc cây công nghiệp để tham khảo, có gì không hiểu ông lại trực tiếp tìm gặp cán bộ khuyến nông để hỏi cho cặn kẽ. Được sự chăm sóc kỹ lưỡng của ông, lại cộng thêm cây chè và cà phê thích hợp với khí

hậu thổ nhượng ở Noong Lào, nên chỉ một thời gian ngắn cây đã bám đất phát triển nhanh chóng. Mới đầu ông Bun cùng gia đình còn dè dặt. Sau nhận thấy hai thứ cây này phát triển nhanh, ông nghĩ ở mảnh đất khô cằn này, đến trâu bò cũng chẳng bao giờ “nghĩ” có thể kiếm cho mình một bụi cỏ hoặc khóm cây, thế nhưng cây chè và cây cà phê ở đây lại xanh tốt, chứng tỏ sẽ hứa hẹn nhiều điều. Suy nghĩ thông suốt, ông quyết định phủ kín 5 ha đất canh tác nhà mình bằng cây chè và cà phê. Ngày ngày ông say sưa đầu tư vốn và công sức để chăm sóc chúng. Đất không phụ công người, chẳng bao lâu, màu xanh của chè, cà phê đã phủ xanh đất cằn một thời của Noong Lào. Hiện tại với 5 ha diện tích chè và cà phê của gia đình ông đều đều năm nào cũng cho thu nhập trên dưới 100 triệu đồng.

Khi đã có thu nhập từ cây chè và cà phê, ông Bun lại tiếp tục phát triển rộng sang chăn nuôi. Ông làm chuồng trại theo một chu trình khép kín, nhưng vẫn giữ được sự thoáng mát để vừa tránh được gió Lào và rét buốt gây chết vật nuôi, vừa để cho vật nuôi có không gian thoáng để sinh trưởng và phát triển. Thiên nhiên khắc nghiệt cũng không cản được ý chí và sự quyết tâm của con người. Đàn gia súc của ông ngày một sinh sôi nảy nở trên vùng đất khô cằn.



Từ vài nghìn mét vuông đất trồng chè và cà phê ban đầu, đến nay toàn bộ quỹ đất đai của gia đình ông đã được phủ xanh bởi màu chè và cà phê. Vườn nhỏ tuổi nhất cũng đã được gia đình ông trồng cách đây khoảng 3 đến 5 năm, còn vườn lớn tuổi đã được trồng cách đây cả chục năm. Hiện tại với gần 5 ha chè và cà phê kết hợp với chăn nuôi gia súc, mỗi năm gia đình ông được thu lãi đến vài trăm triệu. Cuộc sống sinh hoạt trong gia đình ông được cải thiện, bên mâm cơm, ngoài nồi cơm trắng như niềm khao khát của ông bấy lâu nay còn có thêm rau quả, thức ăn tươi từ chính nguồn gia súc của gia đình. Ông còn xây cất được một ngôi nhà ngói 7 gian khang trang với tiện nghi sinh hoạt đầy đủ, hiện đại giữa bạt ngàn màu xanh của chè và cà phê.

Cũng giống như gia đình ông Bun, nhiều gia đình khác ở Noong Lào làm theo dự án trồng chè và cà phê của Nhà nước như gia đình ông Lò Văn Chum, Lò Văn Thương... Hiện nay họ cũng đang sở hữu những đồi chè, cà phê bạt ngàn. Một nhà trồng, hai nhà trồng, chẳng bao lâu màu xanh của chè, cà phê đã phủ xanh đất đai một thời của Noong Lào.

Đến Noong Lào hôm nay, khác xa với Noong Lào mấy năm về trước, ai cũng phải ngạc nhiên về sự cải tiến trong sản xuất của bà con dân bản nơi đây. Cùng với màu xanh của chè, cà phê và tiếng mõ trâu lóc cóc, tiếng chuông bò rình rang là sự xuất hiện ngày một nhiều của các gia đình triệu phú.

(Theo *ĐT*)

NỮ TRIỆU PHÚ TRÊN ĐỈNH PHA ĐIN

Sinh ra trong một gia đình có tới 11 người con trên đỉnh Pha Đin, cũng giống như bao đứa trẻ khác trong vùng, chị Mùa Thị Rùa ở xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên lớn lên trong đói khổ.

Trên đỉnh đèo Pha Đin, đói nghèo, thất học và lạc hậu không chỉ là nỗi ám ảnh của riêng gia đình chị Rùa mà là tình trạng chung, phổ biến của hầu hết các hộ đồng bào Mông ở đây. Cái bụng còn chưa no thì nói gì đến chuyện học hành. Hằng ngày, chị Rùa và lũ trẻ trong bản lên núi tìm củ rừng về giúp gia đình qua bữa. Nỗi khát khao lớn nhất của chị và những đứa trẻ trong bản là có được bát cơm trắng để ăn, nhưng cũng khó vô cùng. Càng lớn lên, chị Rùa càng thấm thía nỗi nhọc nhằn của cảnh nghèo đói, cơ hàn. Không cam chịu phận nghèo, sau khi lập gia đình vợ chồng chị cùng chung ý chí, quyết tâm vượt lên gian khó. Vợ chồng đồng cam cộng khổ bảo ban nhau làm ăn. Nhờ vậy, chẳng mấy chốc gia đình chị đã thoát nghèo, từng bước vươn lên làm giàu.

Năm 1992, chị Rùa lấy chồng. Tình cảnh gia đình nhà chồng cũng không khá hơn là mấy, cơm vẫn không đủ ăn. Nghĩ đến tương lai mà lòng chị chua xót. Chị không muốn những đứa con của mình sinh ra lại nối tiếp vòng luẩn quẩn của đói nghèo như bố mẹ chúng. Chị càng không muốn chúng cứ mãi thất học không được biết tới sự kỳ diệu của cái chữ như mình. Nhiều đêm nằm ngủ, hai vợ chồng thao thức bàn tính: Nếu cứ xoay sở làm 3.000m² nương rẫy như bố mẹ thì cho dù có làm hết cả đời hai vợ chồng thì vẫn không thể xóa được cái đói, cái nghèo. Muốn thoát nghèo thì vợ chồng phải nghĩ cách làm kinh tế mới. Nhưng nghĩ cách gì khi đói nghèo là tình trạng chung của bà con nơi đây? Và giữa rừng núi bạt ngàn này thì làm gì để thoát khỏi đói nghèo? Vợ chồng chị trăn trở, loay hoay thử rất nhiều cách để làm kinh tế nhưng đều chưa thành công. Càng thất bại chị càng nung nấu quyết tâm phải vươn lên làm giàu bằng mọi cách. Đồi đất bao la này sẽ có cách để sinh tồn.

Trời không phụ công người khó, trong một dịp tình cờ, một người bạn đã cho chị 30 cây sa nhân giống. Họ bảo, cây sa nhân này khá phù hợp với đồng đất, thời tiết khí hậu vùng Pha Đin, trồng sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao. Như vớ được vàng, vợ chồng chị bắt tay ngay vào việc

trồng sa nhân. Đầu tiên anh chị tìm hiểu kinh nghiệm trồng, rồi đi mượn những sách báo có hướng dẫn cách trồng sa nhân về để đọc, áp dụng. Khi đã nắm vững được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật trồng, anh chị bắt tay vào chặt phát bỏ toàn bộ những cây bụi, cây dây leo trong vườn, chỉ để lại một số cây lấy gỗ, để làm bóng che cho cây giống. Sau đó bổ hố sâu 10 đến 15 cm, cự ly 1x1m/hố, vun phân, đặt cây giống. Anh chị thường xuyên nhặt cỏ, chăm sóc, giữ độ ẩm cần thiết để cây sinh trưởng và phát triển tốt. Khi cây con lớn, bắt đầu ra chồi, anh chị tiến hành tỉa bớt nhánh vừa giúp cho cây phát triển tốt. Vừa trồng, vừa nhân giống, cứ thế vườn sa nhân của gia đình anh chị ngày càng được mở rộng. Chẳng bao lâu, anh chị đã phủ kín toàn bộ cây sa nhân trên diện tích đất mà bố mẹ hai bên cho khi mới lập gia đình. Ngoài ra vợ chồng chị còn thầu thêm đồi của Nhà nước để tiếp tục nhân giống cây sa nhân. Trồng sa nhân năm 1994, đến năm 1997 gia đình chị được thu hoạch vụ đầu tiên. Năm đầu tiên do trồng ít nên chỉ thu được 20 kg quả sa nhân khô, bán được 1 triệu đồng. Đến nay, vợ chồng chị đã phát triển được 2 ha diện tích sa nhân, mỗi năm thu 100 kg quả khô, bán được hơn 20 triệu đồng. Cây sa nhân đã giúp gia đình chị từng bước thoát khỏi đói nghèo, ổn định cuộc

sống. Ngoài ra chị cũng vẫn trồng các cây lương thực như lúa, ngô, sắn để cung cấp lương thực cho gia đình.

Thành tích đáng nể nhất của chị Rùa là trồng dưa mè trái vụ. Người Mông thường trồng dưa mè vào đầu tháng 3, đến tháng 6, tháng 7 thì thu hoạch. Chị nghĩ nếu trồng chính vụ thì đến lúc thu hoạch, lượng dưa nhiều nên bán sẽ không được giá. Chị nghĩ, mình cần phải có cách làm riêng. Nếu trồng sớm hơn, có thể sẽ gặp khó khăn do không hợp thời tiết, nhưng nếu biết cách chăm bón và bảo vệ tốt thì không những vẫn được thu hoạch mà giá cả lại cao gấp đôi gấp ba dưa đúng mùa. Thế là chị tiến hành trồng dưa từ tháng 1 và đến tháng 3 khi bà con mới bắt đầu xuống giống thì chị đã có dưa để bán. Với việc trồng dưa trái vụ đó, chỉ với 5 tấn dưa/vụ chị đã thu được 25 đến 32 triệu đồng, hiệu quả lớn hơn gấp nhiều lần so với trồng dưa chính vụ.

Từ trồng sa nhân, dưa trái vụ..., đến nay hề cứ nghe thấy ở đâu có giống cây gì, giống con gì mang lại hiệu quả kinh tế cao là vợ chồng chị lại đèo nhau đi tìm mua bằng được để về thử nghiệm. Hiện vợ chồng chị Rùa đã là chủ trang trại rộng 5 đến 6 ha, trong đó trồng chủ yếu là các loại cây lúa, ngô, sắn, sa nhân, dưa mè,

thảo quả ..., bên cạnh đó vợ chồng chị còn chăn nuôi trâu, bò, nhímTính ra, nhờ trang trại trồng trọt, chăn nuôi của gia đình chị mỗi năm thu nhập được khoảng gần 200 triệu đồng. Ngoài kinh tế trang trại của gia đình, vợ chồng chị còn nhận khoán nuôi, bảo vệ 8 ha rừng. Từ hiệu quả của mô hình kinh tế trang trại trồng trọt kết hợp với chăn nuôi, vợ chồng chị đã dư giả vốn liếng, xây được nhà ngói to, thoáng mát, rộng rãi giữa bản với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt. Tự vận động để thoát nghèo, có một cuộc sống no đủ, con cái được đến trường. Niềm vui lớn nhất của anh chị là khi nhìn thấy con cái dần trưởng thành, có kiến thức và được tiếp thu với những tri thức mới với một tương lai tươi sáng, điều mà anh chị không có được do cái đói, cái khổ vây kín.

Thoát nghèo, trở thành triệu phú, vợ chồng chị Rùa lập quyết tâm phải giúp đỡ những người cùng cảnh ngộ như mình trước đây vươn lên trong phát triển kinh tế gia đình cũng như nuôi con ăn học. Với 10 hộ anh em trong nhà không có trâu để cày ruộng nương, vợ chồng chị đã giúp mỗi hộ 500.000 đồng để họ mua trâu. Với những bà con thiếu tiền nuôi con ăn học, chị cho vay 3 đến 5 triệu đồng. Nhà nào khó khăn quá thì vợ chồng chị giúp luôn.

Từ kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi của chị Rùa, đến nay hầu hết các hộ trong bản đều làm theo cách làm kinh tế của vợ chồng chị. Cả bản đã trồng dưa trái vụ, nhiều hộ còn biết trồng sa nhân, nuôi trâu, bò....

(Theo *ĐT*)

TRIỆU PHÚ MIỀN RỪNG

Mường Do vốn là vùng xa của huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Đến Mường Do, hỏi thăm đường vào nhà anh Lường Văn Vương ở bản Han 2, bà con dân bản ai cũng biết. Theo như người dân ở Mường Do cho biết: “Nó làm giàu đến cán bộ xã, cán bộ huyện còn biết cơ mà. Tên “nó” còn được ghi cả vào tờ giấy, có cái dấu đỏ của cán bộ đóng rồi gửi đi để đồng bào chỗ khác học hỏi đấy”. Từ một hộ gia đình nghèo, cơm không đủ ăn, no đói pháp phù, nhờ chính sách hỗ trợ vốn của Nhà nước và quyết tâm vươn lên thoát nghèo mà anh Vương từng bước vươn lên vực dậy kinh tế gia đình, làm giàu từ chính ruộng đất quê hương. Hiện nay anh đang sở hữu trong tay hơn 300 con trâu bò, mấy hécta đất trồng đỗ tương.

Bản Han 2, nơi có triệu phú Lường Văn Vương ở là một trong 5 bản nằm ở khu Suối Han, hình thành do những người Mường mạn Hòa Bình di dân về tái định cư để nhường đất cho thủy điện Sông Đà hơn 20 năm về trước. Anh Vương tâm sự: “Trước đây, cũng như đồng bào Mường trên đây, gia đình tôi cũng khó

khăn, bữa no bữa đói phập phều lắm. Quanh năm đầu tắt mặt tối vẫn không đủ ăn”. Cũng như bà con dân bản, anh chỉ biết trồng lúa, trồng ngô theo kiểu quảng canh. Trồng nhiều nhưng do không có kỹ thuật, không có vốn đầu tư chăm sóc, đất đai bạc màu không đủ dinh dưỡng nuôi cây nên vụ mùa thu về không được là bao. Đó là chưa kể đến những năm mưa ít, ruộng nương nứt nẻ thì gần như là mất trắng.

Đói ăn kéo dài, nhiều lần anh nghĩ phải thay đổi cách làm ăn, thử trồng một vài loại cây khác xem đời sống có được cải thiện hơn không. Ấp ủ khát vọng đổi đời từ bao năm nay nhưng “cái khó bó cái khôn”, anh biết làm gì để thay đổi cuộc sống bây giờ? Bởi khi đó đường sá chưa được thông, Mường Do bị ngăn cách với bên ngoài, biết học hỏi ai kinh nghiệm làm ăn? Đó là chưa kể có nghĩ ra cách làm mới hay được hướng dẫn cách làm thì lấy đâu ra vốn để đầu tư? Cứ thế anh rơi vào vòng luẩn quẩn. Cái nghèo cái đói cứ suốt ngày rình rập khiến anh không đêm nào được yên giấc.

Thế rồi cơ may đã đến với anh và bà con dân bản nơi đây khi Đảng và Nhà nước đưa ra các dự án hỗ trợ nhân dân miền núi vùng sâu vùng xa phát triển kinh tế. Các chương trình 134, 135 đồng loạt ra đời đã hỗ trợ người dân rất nhiều trong phát triển sản xuất. Sau điện, đường,

trường, trạm, chợ thì các nguồn vốn khác như vốn cho Chương trình 167, vốn Chương trình 30a tiếp tục được triển khai để hỗ trợ cho người dân đã giúp anh Vương cũng như nhiều hộ dân nơi đây tự tin phát triển kinh tế. Cùng với vốn, các chương trình làm ăn, các kinh nghiệm kỹ thuật, chăn nuôi và gieo trồng cũng đã được định hình, theo chân cán bộ lên đến với từng hộ dân. Ngoài lúa thì cái cơ bản nhất là việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã tạo ra một cuộc cách mạng lớn về cái ăn và thu nhập cho dân. Sau một thời gian thử nghiệm, cây đỗ tương được đưa vào trồng đại trà ở Mường Do đã đem lại nguồn thu lớn cho dân. Như nắng hạn gặp mưa rào, sau bao năm chờ đợi, giờ đây anh Vương đã có cơ hội được thỏa nguyện ước mong. Anh bắt tay ngay vào tập trung sản xuất. Bên cạnh việc trồng cây lương thực để duy trì sự ổn định bữa ăn trong gia đình, anh mạnh dạn mở rộng chuồng trại để chăn nuôi đại gia súc.

Để có đàn đại gia súc như hiện nay, ngoài việc tận dụng trâu, bò gia đình, bà con để nhân đàn, anh còn cùng vợ con mạnh dạn vay vốn để mua thêm, mở rộng chuồng trại chăn nuôi. Với một trọng tâm được xác định, từ chuồng trại đến nguồn thức ăn và việc vệ sinh phòng dịch bệnh đều được chuẩn bị chu đáo, lại thêm kỹ thuật chăn nuôi được tiếp cận nên đàn trâu, bò

của anh đã vượt qua mọi bệnh tật, giá rét để phát triển. Hiện số lượng đàn trâu, bò nhà anh đã lên tới con số hơn 300 con, đó là những con đã trưởng thành chứ chưa kể đến rất nhiều những con bê, nghé mới sinh. Theo như tính toán sơ qua, chỉ cần bán với giá rẻ là 5 triệu đồng một con, thì với số lượng đại gia súc như hiện nay anh cũng đã sở hữu trong tay ước chừng 1,5 tỷ đồng.

Bên cạnh việc chăn nuôi đại gia súc, anh cùng với vợ con tiếp tục tăng gia sản xuất lương thực. Sau khi được cán bộ kỹ thuật nông nghiệp hướng dẫn trồng đỗ tương để thay thế cho cây ngô, lúa kém năng suất anh đã tiến hành trồng đỗ tương. Được sự hướng dẫn kỹ thuật tận tình của cán bộ nông nghiệp lại thêm cây đỗ tương dễ trồng mà không đòi hỏi quá nhiều công chăm sóc, chẳng mấy chốc đồng đất nhà anh bạt ngàn màu xanh của đỗ tương. Vào mùa đỗ tương được thu hoạch, đến thăm quan trang trại sản xuất nhà anh, một không khí rộn ràng lan tỏa khắp bản làng. Một màu vàng hanh của đỗ tương chín trải rộng khắp cánh đồng. Hình ảnh triệu phú Vương đang cúi húi cùng vợ con thu hoạch đỗ tương trông thật đẹp mắt. Vợ chồng con cái đi trước nhỏ đỗ tương xếp đống, sau đó là hàng trăm con trâu, bò đang đứng đỉnh “tận thu” cỏ, loang khắp một sườn đồi. Trông khung cảnh hết

như một nông trang mà người ta đã từng chứng kiến trên phim ảnh ở một nơi nào đó.

Đến nhà anh lúc này không còn thấy bóng dáng của cái đói cái khát rình rập nữa. Anh chia sẻ: “Năm nay ngoài ngô thì đỗ tương ở Mường Do cũng khá được mùa. Ước chừng năm nay, toàn vụ, gia đình tôi cũng thu được khoảng 25 đến 30 triệu đồng. So với người nông dân miền núi như thế là cao”, nhưng theo anh Vương “So với gia đình tôi, số tiền thu ấy chỉ đủ dùng cho vợ đi chợ thôi”. Nguồn thu lớn nhất của gia đình anh hiện nay vẫn là chăn nuôi đại gia súc mà lớn nhất là trâu và bò.

Để có được thành công như hôm nay chính là nhờ sự nỗ lực lao động không mệt mỏi, sự nhạy bén, biết tính toán và quan trọng là sự hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và những cán bộ nông nghiệp đã không quản ngại khó khăn băng đèo vượt núi đến mảnh đất Mường Do hướng dẫn bà con cách làm ăn. Mỗi năm học một ít, mỗi năm thay đổi một ít, thế là cuộc sống dần được cải thiện.

Với số tiền lợi nhuận thu được từ chăn nuôi đại gia súc, anh Vương không những đã đưa gia đình mình thoát khỏi đói nghèo mà còn xây dựng được nhà cửa khang trang và mua sắm vật dụng sinh hoạt cần thiết trong gia đình. Bát cơm của gia đình anh bây giờ không còn phải

độn củ khoai, củ dầy nữa mà thay vào đó đã là nồi cơm trắng thơm lừng mùi lúa nướng và thức ăn đầy đủ.

Giờ đây lên Mường Do không chỉ riêng gia đình anh Vương đã có của ăn của để, mà số người giàu trên đất Mường Do không thể kể hết. Lấp ló bên vệ đường những quán hàng đã được mở ra, có thể thấy các hình thức dịch vụ cũng bắt đầu có điều kiện phát triển ở nơi đây. Hiện tại vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, nhưng chỉ một thời gian nữa, theo đà phát triển, các quán hàng này sẽ là các đại lý bày bán các mặt hàng cần thiết và là nơi thu gom nông phẩm của nông dân. Có được sự đổi thay như trên phải kể đến vốn của Chương trình 30a. Nhờ nguồn vốn này mà hệ thống các tuyến đường vừa thiếu, vừa yếu của xã đã được cải thiện một cách kiên cố. Từ đó tạo điều kiện cho việc thông thương trao đổi mua bán nông, lâm sản của người dân. Đồng thời phương tiện truyền thông, khoa học kỹ thuật cũng được cập nhật thường xuyên giúp bà con luôn tiếp cận với những phương pháp sản xuất mới, hiệu quả. Qua đó đời sống của nhân dân Mường Do dần dần được cải thiện rõ rệt, cái đói, cái khát đang lùi bước cho sự no ấm, hạnh phúc.

Đường lên Mường Do có xa, đá núi có gập ghềnh, nhưng bù lại cũng dễ đi vì tuyến đường

liên xã này đã được kiên cố hóa. Đường tốt, phương tiện đi lại nhiều nên cảm giác trống vắng vốn có mà người ta hay gặp ở các miền rừng đã vợi đi rất nhiều. Lại thêm khung cảnh đồi núi êm đềm, xanh ngắt cây, với những ngôi nhà sàn đặc trưng của người Mường dường như làm cho con đường gần như ngừng lại.

Từ tấm gương lao động cần cù vươn lên thoát khỏi đói nghèo, nhanh chóng trở thành ty phú giữa chốn rừng sâu của Lường Văn Vương, có thể thấy bên cạnh ý chí và nghị lực của người dân còn đòi hỏi phải có sự chung tay, chung sức chung lòng cùng giúp nhau phát triển của đồng bào cả nước. Đất đai nơi đâu cũng là đồng vàng nếu chúng ta biết khai thác một cách hợp lý và biết sử dụng đúng mục đích. Vẫn còn rất nhiều giấc mơ giữa chốn rừng sâu hay những nơi tận cùng của Tổ quốc đang mong mỗi một vòng tay chia sẻ của bà con trên khắp mọi miền đất nước, vì vậy hãy dang rộng vòng tay nhân ái, và nhân rộng tấm gương sáng của những con người vượt đói nghèo đi lên như anh Lường Văn Vương để khích lệ tinh thần trong họ.

(Theo *ĐT*)

TỶ PHÚ Ở ĐẤT NGHÈO

Chiềng Khay vốn là xã heo hút của huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Sở dĩ Chiềng Khay cách biệt hẳn với bên ngoài là do bị dãy núi Nong Trạng án ngữ.

Những năm trước, cũng do dãy Nong Trạng án ngữ mà người dân nơi đây nếu muốn ra trung tâm để mua bán hay trao đổi sản vật do mình làm ra thì phải đi mất cả ngày đường. Họ không dám vượt qua dãy Nong Trạng mà phải gánh gồng nông lâm sản của mình vòng qua Mường Chiên, Mường Giôn với hàng trăm đèo, dốc, vì thế quãng đường đi dài thêm đến vài chục cây số. Ngay từ khi trời còn tờ mờ sáng người dân đã phải quẩy quả ra chợ, vậy mà đến tối nhọ mặt người họ mới về đến bản. Sự cơ nhọc về đường sá này làm cho Chiềng Khay đói nghèo và tụt hậu hơn hẳn so với những vùng xung quanh.

Nhận thấy những bất cập trên con đường phát triển kinh tế của vùng đất này là do bị cô lập trong núi sâu rừng thẳm. Để tạo cơ hội cho người dân nơi đây từng bước thoát nghèo, phát

triển kinh tế, việc đầu tiên cần phải làm là mở một con đường lớn từ trung tâm vào tới tận bản. Dưới sự chỉ đạo của các cấp, các ngành trong xã, cộng thêm vốn hỗ trợ và tinh thần tự nguyện đóng góp của người dân, toàn xã Chiềng Khay đã trở thành đại công trường cùng nhau khai núi mở đường. Nhà nước quan tâm, lòng dân đã thấu, chỉ non nửa năm trời nỗ lực “phá sơn, động địa” để mở đường, con đường vào với Chiềng Khay đã hình thành với 13 cây số. Giờ trên con đường ấy xe đã bon bon chạy. Hàng hóa vận chuyển ngược xuôi tấp nập, thêm vào đó là sự mở mang giao lưu của người dân, các mô hình kinh tế hộ đã bắt đầu được hình thành.

Con đường mở ra, không những cái đói, cái nghèo bị xua đuổi nhanh chóng ở từng hộ dân mà trong xã đã bắt đầu xuất hiện những tỷ phú. Dĩ nhiên cấp bậc tỷ phú ở đây chưa đạt “ai rõ” so với toàn quốc nhưng nó đã làm ấm lòng người đến và tạo thêm sự hứng khởi cho người dân, đem đến cho người dân những hy vọng về sự thoát nghèo của mình.

Trong hàng chục những người dân đã biết kiếm no cái bụng mình, biết vươn lên để thoát nghèo thì ông Tẩn Câu Kiên là người được nhắc đến nhiều nhất. Ông Kiên vốn là người dân tộc Dao. Cũng như các gia đình khác trong vùng, gia đình ông xưa kia cũng rất đói khổ, ăn bữa

nay lo bữa mai, nhiều khi không có hạt gạo mà ăn. Đói khổ triền miên, ráo rắt, giày vò tâm can ông. Nỗi buồn ấy cứ như con suối hết cạn lại đầy phía đầu bản. Thế nhưng ngày nay gia đình ông Kiên đã khác. Ông đã làm được nhà, mua sắm được nhiều vật dụng để phục vụ cho cuộc sống và ông là một trong những gương tiêu biểu để nhiều người dân trong bản học theo. Có được những thành công đó một phần do sự nỗ lực vươn lên thoát nghèo của ông, một phần do sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt là sự hình thành của con đường dẫn từ trung tâm vào bản.

Có đường, dân có giao lưu, thấy đói khổ là tủi hổ. Họ đã dần loại bỏ những tư tưởng tự ty cố hữu. Nhận thức tự mình phải biết cứu mình, làm no cái bụng mình đã trở thành mục tiêu phấn đấu của nhiều người dân Chiềng Khay. Gia đình ông Kiên cũng không ngoại lệ. Theo ông Kiên, khi có giao lưu học hỏi, ông biết được rằng, ông cũng như bà con nơi đây bị nghèo đói triền miên là do không biết cách sử dụng khiến đất đai bạc màu, cho năng suất thấp. Đồng thời một phần cũng là do ông không biết sản xuất những loại cây thích hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, vì thế sản lượng thu hoạch không cao. Do đó việc đầu tiên cần phải làm để tăng gia sản xuất xóa đói, giảm nghèo là cải tạo đất và tiến hành sản xuất thâm canh trên chính ruộng

nường sẵn có. Cái chân và cái tay không được nhàn rỗi; nường ruộng đất đai phải được tận dụng. Hết mùa lại cày lại cuốc, “không cho đất nghỉ, không ngừng tay ta”. Cùng với đó là các loại cây trồng cho năng suất cao được đưa vào. Trong suốt quá trình gieo trồng, ông Kiên cùng gia đình thường xuyên đi tìm hiểu cách thức sản xuất, học hỏi khoa học kỹ thuật, cách chăm bón từ trên các phương tiện truyền thông đại chúng và các xã, thôn lân cận. Nhờ sự chăm chỉ, cần mẫn, cần cù chịu khó, biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất mà năng suất thu hoạch của gia đình ông trong mỗi vụ luôn đứng đầu bản. Thấm thoát năm tháng qua đi, từ sự chăm chỉ và biết thâm canh của mình mà gia đình ông Kiên đã không còn phải “vác rá” chạy sang hàng xóm mỗi khi đến bữa hay mỗi mùa giáp hạt.

Lúa gạo đủ ăn, bắt đầu có cái để bán. Với mong muốn kiếm được nhiều tiền hơn để sắm sửa những vật dụng cần thiết trong gia đình, ông Kiên bắt đầu tìm tòi, thử nghiệm các phương thức làm ăn mới. Trong khi ông đang vắt óc suy nghĩ tìm hướng sản xuất kinh doanh thích hợp thì một suy nghĩ lóe lên trong đầu. Nhìn thấy đồng cỏ rộng bao la mà không được tận dụng, ông liền nghĩ đến việc chăn nuôi đại gia súc. Tuy nhiên để có được trang trại chăn

nuôi đại gia súc đòi hỏi phải có một nguồn vốn rất lớn và phải nắm vững khoa học kỹ thuật thì mới mong đem lại thu nhập cao. Với phương châm lấy ngắn nuôi dài, bằng tiền bán lúa ngô dư thừa mỗi vụ, ông Kiên gom góp tất cả lại rồi đi mua về hai cặp trâu, bò giống. Hai cặp trâu, bò ấy là cả một khối tài sản lớn của cả gia đình, vì vậy ông chăm sóc rất cẩn thận. Ngày dắt lên nương, tối dắt về, chuồng trại được ông xây dựng thoáng mát, sạch sẽ. Ông còn mua thêm một số giống cỏ tốt có giá trị dinh dưỡng cao về trồng để cung cấp thêm dinh dưỡng cho trâu, bò. Bên cạnh nguồn thức ăn có trong tự nhiên ông còn ủ rơm chua cho bò ăn nhanh lớn. Ngoài ra, ông còn thường xuyên dọn rửa chuồng nuôi, tiêu trùng khử độc và tiêm phòng dịch bệnh cho trâu, bò. Nhờ công chăm sóc của gia đình ông Kiên mà hai cặp trâu, bò nhà ông lớn nhanh, không bị dịch bệnh. Thời gian thấm thoắt thoi đưa, sau một năm thả nuôi, đàn trâu, bò nhà ông Kiên đã sinh sản. Ông mở rộng thêm diện tích chuồng trại và giữ lại lúa trâu, bò giống đầu tiên để nuôi nhân đàn. Cứ thế với cặp trâu, bò giống đó ngoài việc cung cấp sức kéo và nguồn phân, hàng năm chúng còn sinh sản làm cho số lượng đàn trâu, bò trong chuồng của gia đình ông ngày càng sinh sôi. Hiện nay, gia đình ông Kiên đã có tổng thể tới 300 con trâu, bò, mỗi

năm mang lại cho gia đình một nguồn thu đáng kể. Mỗi sáng mở đóng chuồng, trâu, bò nhà ông tỏa ra gặm cỏ vàng ruộm một sườn núi.

Ông Kiên cho biết đã có người Kinh dưới xuôi lên trả ông hơn hai tỷ cho đàn trâu, bò này. Hiện tại ông vẫn chưa muốn bán, nhưng trước sau ông cũng bán chúng đi để chuyển sang một hướng làm ăn mới. Ông còn nói, sau khi bán số trâu, bò này ông sẽ dùng số tiền ấy vào việc mở một cửa hàng dịch vụ bán buôn các loại hàng hóa trong đó chủ yếu là các loại phân bón, giống cây trồng mới và các vật dụng nông nghiệp cho người dân trong vùng. Như vậy, có thể thấy, người dân ở đây đã bắt đầu biết đến các mô hình dịch vụ khác tiên tiến hơn sau khi đã làm no cái bụng. Theo đà này, chẳng bao lâu nữa, trên mảnh đất Chiềng Khay đói kém năm nào người ta sẽ dễ dàng gặp thêm một tỷ phú người Dao mang tên Tẩn Câu Kiên. Ông không chỉ nổi danh về trồng trọt, chăn nuôi mà còn nổi danh vì sở hữu một cửa hàng bê thế tại một xã vùng cao mà cái đói cái nghèo đã đeo đẳng con người ở đây suốt bao nhiêu năm nay. Từ trong sản xuất, kinh doanh, ông Kiên không những đã ổn định cuộc sống, xây dựng nhà cửa khang trang mà còn có của ăn của để. Nội thất bên trong ngôi nhà của ông đầy đủ không kém các gia đình người Kinh khá giả ở dưới xuôi.

Ông Kiên chia sẻ: “Mọi thứ đều do con đường mà ra cả. Không có con đường, dân lười ra trung tâm. Không ra trung tâm, không được giao lưu nên cái đầu nó tằm tối. Không vượt dốc vượt núi ra được nên không biết thiên hạ làm cái gì, có cái gì, nên mình cứ tự hào về mình. Thậm chí, mấy năm trước chúng tôi còn lấy sự nghèo đói của mình ra làm “niềm tự hào” và suốt ngày kêu gào hỗ trợ của Nhà nước mà không biết xấu hổ. Đến nay chúng tôi đã hiểu ra để thoát khỏi đói nghèo không có cách gì khác ngoài cách tự mình phải cứu lấy mình”.

Đến Chiềng Khay ngày nay, đi trong màu xanh ngút ngàn của cây trái, qua các thôn như Nậm Phong, Huổi Nấm, Nà Mùn, Ta Bót, Che Pao đâu đâu cũng thấy hiển hiện sự no đủ. Khi đủ ăn, người dân sẽ chú ý được nhiều hơn đến đời sống tinh thần của mình làm cho đời sống thêm phong phú, có bản sắc hơn. Ngoài phong trào xóa đói nghèo tại chỗ, hiện Chiềng Khay đã có 520/959 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, 98% số hộ được ngôi hóa và tỷ lệ hộ nghèo trong toàn xã chỉ còn 392 hộ.

(Theo *ĐT*)

NHỮNG TRIỆU PHÚ Ở HỒNG NGÀI

Xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La là nơi mà nhà văn Tô Hoài đã từng đến và viết nên truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*. Từ tập truyện này nên từ lâu xã Hồng Ngải đã được nhiều người gọi là “Quê của A Phủ”. Sau hơn 60 năm truyện ngắn ra đời, xuất hiện những “A Phủ” biết làm giàu, không thua kém gì người Kinh trên đất Hồng Ngải.

Theo lãnh đạo xã ở Hồng Ngải cho biết: “Mấy năm nay lấy số liệu về hộ giàu ở Hồng Ngải còn khó hơn lấy số liệu hộ nghèo vì số liệu hộ giàu ở đây nhiều bởi dân ở đây đang đua nhau làm giàu. Nguyên nhân của sự giàu có ở đây rất đơn giản: Do dân chăm chỉ và biết chất chiu”. Trong không gian yên ả, tiếng khèn dứ dất của người Mông chợt bị tiếng gầm gừ của chiếc xe tải phá nát. Tiếng phanh ken két vang lên, chiếc xe khục khặc rồi im ỉm tắt máy. Một tài xế người Mông, phong phanh với chiếc áo mỏng và chiếc quần lá tọa màu chàm nhảy xuống toe toét cười rồi bắc loa tay dùng tiếng Mông gọi âm vang vách núi. Chiếc xe mang biển kiểm soát 33H 9722,

ngoài cửa ghi rõ: Mùa Chua - chuyên chở vật liệu xây dựng, rồi cả số điện thoại di động kèm theo để khách hàng tiện liên hệ. Phụ nữ và trẻ em ở Hồng Ngải thật khỏe, chưa đầy nửa tiếng, chiếc xe tải gần chục tấn ngần ngật hàng đã được những chiếc gùi khuân hết về nhà, tỏa đi khắp các xóm. Mấy người đứng bên đường bảo: Nó là một trong những “A Phủ” giàu nhất xã này đấy.

Quả thật, nhà Chua là một ngôi nhà gỗ lợp ngói bể thế ngay trung tâm Bản Mới - Hồng Ngải, nền được lát bởi những viên gạch chỉ, trông rất cổ kính và sạch sẽ. Chỉ cần nhìn ngôi nhà và các vật dụng bày biện trong căn nhà thôi cũng phải nể cái chàng “A Phủ” có tên Chua này. Cái gì cũng có, giò, bánh, thịt lợn cheo lủng lẳng trên gác bếp đó còn chưa kể đến đàn gà thiến chừng chục con béo ngật. “Ăn Mông, ngủ Thái”, dân gian nói không sai.

Chua bảo, mấy năm nay những thanh niên người Mông như Chua ở Hồng Ngải nô nức làm giàu bằng việc chăm chỉ canh tác theo kinh nghiệm sản xuất mới ở các lớp tập huấn. Đầu tiên mọi nhà trong xã đều nghèo, sau thấy một số nhà chăm làm và biết làm giàu, có tiền muốn cái gì cũng mua được nên thấy thích. Thế là không ai bảo ai, lớp thanh niên trẻ ở đây đua nhau làm giàu. Nhà Chua mỗi năm gieo được

90kg ngô giống. Ruộng và nương đã cho đủ thóc ăn và chăn nuôi nên ngô được đem bán để lấy tiền mua sắm đồ dùng. 90kg ngô giống nhà Chua mỗi năm cho thu 30tấn, bán được 4triệu/tấn nên mỗi vụ được trên 100 triệu đồng. Số tiền này dùng mua sắm vật dụng cho gia đình và cho vợ đi chợ. Hai năm trước, tổng số tiền từ bán ngô nhà Chua đã mua đủ đồ dùng, trong đó có cả xe máy và còn dư trên 100 triệu đồng. Để tiếp tục làm giàu Chua đã xuống tận Hà Tây (trước đây) mua một chiếc xe vận tải với giá gần 300 triệu đồng. Ngoài nhận chở ngô và các loại nông lâm sản khác ra huyện bán Chua còn nhận chở thêm vật liệu xây dựng cho các công trình mà người Kinh đang thi công trong xã. Mỗi chuyến vật liệu từ huyện vào đến Hồng Ngải họ trả cho Chua 4 triệu đồng, mỗi tháng ít nhất xe 4 lần lăn bánh ra và vào đã cho nhà Chua thêm một nguồn thu nữa gần 20 triệu đồng.

Chuyện làm giàu ở Hồng Ngải khiến người nghe đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác và hấp dẫn nhất vẫn là chuyện làm giàu ngay trên đất quê mình của những chàng “A Phủ” trẻ tại đây. Trong hàng trăm chàng “A Phủ” triệu phú ở Hồng Ngải thì “A Phủ” Mùa A Lênh hay được nhắc đến nhất. Tôi tìm đến nhà Lênh. Ông Mùa A Lầu là cha đẻ của Lênh kể: Ông có 10 người

con, 6 trai, 4 gái. Các con trai ông, tuy xa thị trấn nhưng đều được ông cho học hết lớp 12. Có thằng A Sủ, con thứ năm còn ra thị xã học cả kế toán, được Nhà nước cấp bằng hân hoi, đang làm ở thi hành án của huyện. 6 đứa con trai của ông ai cũng biết làm giàu từ ruộng và nương. Chúng đều mua sắm được xe máy và các vật dụng đắt tiền cho gia đình. Ông Lâu, năm nay tuy đã 60 tuổi nhưng vẫn “thích” làm giàu như các con. Mỗi năm hai vợ chồng già nhà ông cũng gieo đến 90 kg ngô, có thu nhập đến cả trăm triệu đồng.

Những chàng “A Phủ” ngày nay ở Hồng Ngải làm giàu bằng chính năng lực của mình, bằng nguồn thu từ ruộng đồng của mình. Họ làm được điều ấy vì thế hệ họ ngày nay đã chăm hơn, đã có kiến thức và thấy giàu là cái đáng quý. Họ đang cùng nhau lao vào một cuộc đua mà cái đích là: Giàu có, văn minh. Trong các chàng “A Phủ” ở Hồng Ngải ngày nay còn một người được nhắc đến, đó là Mùa A Sênh. Tuy tuổi mới hơn 30 nhưng Sênh đã làm nhà và mua sắm vật dụng khang trang cho gia đình. Từ tiền bán ngô, bán bò chắt chiu được, cũng như Mùa A Chua, Sênh mua một máy xúc gần 400 triệu đồng và đã đi học, được cấp bằng và đang cùng chiếc máy ấy tung tẩy khắp huyện để kiếm tiền tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Ông Giàng A Tú bảo: Địa phương đang phấn đấu sao cho hộ nghèo nhanh chóng không “còn có mặt” ở Hồng Ngài được nữa. Phải làm cho cái xã có chàng “A Phủ” của ông Tô Hoài không chỉ nổi tiếng trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà còn phải nổi tiếng trong thời bình vì sự giàu có.

(Theo *ĐT*)

THU NHẬP 400 TRIỆU ĐỒNG MỖI NĂM TỪ BÍ ĐAO

Sau hơn 10 năm cùng đồng đội tham gia kháng chiến chống Mỹ rồi tiếp tục những năm tháng tham gia quân tình nguyện bảo vệ các nước bạn Lào, Campuchia, Bùi Văn Kiêm - người con của dân tộc Mường sinh ra và lớn lên ở xã Ngổ Luông - một xã vùng cao, vùng sâu của huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình rồi quân ngũ. Như bao đồng đội khác, khi ra quân do sức khỏe đã giảm sút, lại bị ảnh hưởng chất độc hóa học trong chiến tranh nên khi trở về quê hương anh đã phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong cuộc sống. Tuy vậy, với bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” đã qua rèn luyện, thử thách trong chiến tranh nay về với đời thường lại tiếp tục được anh phát huy và trở thành động lực để anh phấn đấu vươn lên làm giàu.

Xuất ngũ về địa phương, cuộc sống của anh cũng giống như bà con nơi đây, chủ yếu dựa vào kinh tế đồi rừng. Sản phẩm làm ra chủ yếu là sắn, dong giềng, bương, tre, luồng, các loại rau như su su, dưa chuột và chăn nuôi trâu, bò, dê,

gà, lợn. Tuy nhiên, do đường giao thông không thuận tiện, xa thị trường tiêu thụ nên sản phẩm làm ra dù nhiều vẫn không có mấy giá trị. Đời sống của gia đình anh và bà con vì thế vẫn túng thiếu, nhất là những ngày giáp hạt.

Gánh nặng kinh tế càng đè lên đôi vai gầy sau khi anh lập gia đình vào năm 1984. Sau ngày cưới, niềm vui chưa trọn vẹn thì nỗi đau liên tiếp đổ xuống đầu anh khi vợ anh sinh con. Cũng bởi thứ chất độc màu da cam Dioxin anh nhiễm phải trong thời gian tham gia quân ngũ nên không chỉ sức khỏe bản thân anh suy yếu mà đến các con do vợ chồng anh sinh ra cũng không được lành lặn và bình thường như những đứa trẻ khác. Cháu đầu khi sinh ra người mềm như bún, đặt đâu nằm đấy, chân tay không cử động được, sau 18 tháng tuổi bị chết yểu. Cháu thứ hai thì bị thiếu năng tuần hoàn não. Nỗi đau đè nặng trái tim người lính xuất ngũ lại cộng thêm cái đói rình rập khiến anh luôn mất ăn mất ngủ. Đói nghèo túng quẫn và hình ảnh những đứa con tội nghiệp quằn quại trong đau đớn bệnh tật theo vợ chồng anh cả những lúc lên nương, rẫy khiến anh chỉ buồn phiền, già trước tuổi.

Chán nản, đã có lúc vợ chồng anh có ý định dắt díu nhau vào miền Nam sinh sống. Nhưng sau khi suy tính lại, anh thấy đâu cũng là đất quê, nếu chăm chỉ, chịu khó làm ăn thì sẽ cải thiện được cuộc sống. Nhận thấy không thể sống mãi

trong cảnh bấp bênh, đói ăn triền miên nơi mảnh đất Ngổ Luông. Năm 1991, anh Kiêm đưa gia đình về định cư tại xóm Định 1, xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc để ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế. Về đây, thấy mọi người trồng mía tím, ngô, khoai, sắn có hiệu quả nên vợ chồng anh học hỏi và làm theo. Ngoài việc trồng lúa nương, cấy lúa nước, anh còn trồng thử nghiệm gần 3.000 m² mía tím và ngô giống mới trên đất bãi, kết hợp với chăn nuôi lợn. Cuộc sống gia đình anh dần thay đổi. Từ cây mía tím, thấy cây mía trắng có hiệu quả cao hơn nên anh đã nhanh chóng chuyển sang trồng loại cây này để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy sản xuất đường. Không sợ bí “đầu ra” bởi đã có nhà máy ký hợp đồng tiêu thụ.

Ngoài mía, anh còn mạnh dạn trồng thử nghiệm ngô giống mới NK66 và trồng dưa hấu. Từ hai giống cây này mỗi vụ mang lại cho gia đình anh trên dưới 30 triệu đồng tiền lãi. Bên cạnh đó, anh còn kết hợp trồng rau xanh, bầu, bí, dưa chuột, ngô, đậu để tận dụng nguồn đất trống. Sau khi trồng thử đem lại kết quả khả quan, anh lại vận động, hướng dẫn bà con cùng làm.

Dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, đó là đức tính tốt của người cựu chiến binh đã từng xông pha trận mạc này. Trong một lần đi thăm bạn ở dưới xuôi, thấy trồng bí đao mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn. Nhận thấy trồng bí đao không cần đầu tư nhiều mà cho thu

hoạch năng suất cao, lãi nhiều, thế là anh mày mò tìm hiểu và trồng thử. Mỗi năm trồng hai vụ, bình quân mỗi hécta đất anh trồng được hơn 8.000 dây bí đao. Sau một thời gian ngắn, khi bí đao ra vôi anh làm giàn leo, thường xuyên chăm sóc và dọn cỏ sạch sẽ. Nhờ công chăm sóc tốt của gia đình nên từ giàn bí đao cho anh thu 40 tấn/ha. Với giá bán trung bình 1 kg khoảng 5.000 đồng, mỗi hécta bí đao đã cho anh thu nhập khoảng 400 triệu đồng. Thành công, anh tiếp tục vận động, hướng dẫn bà con chòm xóm cùng làm để nâng cao thu nhập.

Từ cách làm và sự chỉ bảo của anh, nhiều hộ gia đình như: gia đình anh Bùi Văn Chuẩn, Bùi Văn Thu, Bùi Văn Hiên mỗi vụ cũng thu bình quân trên 4 tấn bí đao với thu nhập khoảng 40 triệu đồng. Giờ đây, tại vùng Mãn Đức, trồng bí đao đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể. Anh Kiêm tâm sự: “Tính ra một quả bí đao tôi đã đạt được ba mục đích. Một là có tiền để nuôi con ăn học. Hai là đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Ba là vận động được bà con dân bản cùng làm theo”. Gia đình cựu chiến binh Bùi Văn Kiêm đã trở thành một trong những hộ đồng bào dân tộc thiểu số làm kinh tế giỏi điển hình của xã Mãn Đức nói riêng và tỉnh Hòa Bình nói chung.

(Theo Đức Tuyền)

XUỐNG ĐÓNG TÀU Ở VÙNG LÒNG HỒ

Sau khi công trình Thủy điện Hòa Bình hoàn thành, cuộc sống của những hộ dân sống xung quanh vùng lòng hồ sông Đà gặp nhiều khó khăn. Nhiều hộ chuyển vào miền Nam làm ăn sinh sống. Trong khi đó, anh Đinh Văn Nga ở xóm Mực xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình đã vận động bà con ở lại trồng luồng và bày cách cho họ đánh cá trên vùng hồ.

Năm 1978, như bao gia đình ở vùng ven sông Đà, gia đình anh Nga khai hoang đất trồng lúa, ngô và chăn nuôi. Tuy không khá giả nhưng nhờ vùng đất ven sông màu mỡ nên việc trồng trọt gặp nhiều thuận lợi, cuộc sống ổn định. Năm 1983, thực hiện chủ trương xây dựng công trình Thủy điện Hòa Bình, gia đình anh cũng như rất nhiều hộ gia đình khác trong xóm đã nhường đất đai, nhà cửa cho vùng lòng hồ để phục vụ cho công cuộc kiến thiết đất nước. Không còn ruộng đất để trồng cây, anh nghĩ phải chuyển nghề để sống.

Trên diện tích đất đồi rừng được giao, anh vận động bà con trồng luồng. Luồng là loại cây

dễ trồng phù hợp với đất đồi, chỉ cần trồng một lần, những năm tiếp theo sẽ có măng hoặc cây thu hoạch. Để bà con tin tưởng, gia đình anh trồng thử trước với diện tích hơn 2 ha. Khi luồng được thu hoạch, bà con thấy hướng sản xuất của anh hiệu quả đã chuyển hướng làm theo. Đồng thời anh cũng mở rộng quy mô sản xuất, trồng thêm 3 ha diện tích luồng nữa. Tận dụng mặt nước hồ sông Đà, anh còn tìm cách đánh bắt cá để cải thiện bữa ăn và đem bán tăng thêm thu nhập cho gia đình. Sau hơn 4 năm, có chút vốn liếng thu được từ tiền bán cá, anh mua tàu, mua lưới bắt cá. Có tàu, có lưới anh có thể đi đánh cá xa hơn và được nhiều cá hơn. Nhờ thế, kinh tế gia đình anh cũng đỡ chật vật.

Ở vùng lòng hồ không có thợ sửa chữa máy nổ. Mỗi lần máy hỏng hóc người dân lại phải xuống tận thành phố Hòa Bình để sửa. Thấy bà con đi lại vất vả, anh nghĩ: Người ta đã làm ra được cái máy, chỉ có việc sửa mỗi khi bị trục trặc mà tại sao mình không làm được. Nghĩ là làm, anh mua đồ nghề về rồi tự mày mò sửa chữa trong hoàn cảnh không có thầy dạy, không có sách vở hướng dẫn. Rồi anh cũng thành công. Từ đó anh nhận tất cả các loại máy móc hỏng của bà con về sửa, vừa giúp đỡ bà con và cũng kiếm thêm được một nguồn thu nữa cho gia đình.

Do sống quanh lòng hồ nên phương tiện đi lại của các hộ dân vùng lòng hồ chủ yếu là tàu chạy máy nổ. Để mua được một chiếc tàu chạy máy nổ các hộ phải xuống tận thành phố Hòa Bình mới có. Giá vừa cao mà đường đi lại xa. Thế là anh Nga lại nghĩ đến nghề đóng tàu để bán. Không biết nghề hàn, anh tự mua máy về tập hàn thử bằng cách nhìn những mối hàn cũ. Anh dỡ tất cả những mối hàn cũ đó ra rồi sau đó hàn lại theo. Đầu tiên những mối hàn còn xấu, nhưng dần dần nhờ sự kiên trì mà anh đã thành thạo trong nghề. Đến nay gia đình anh đã có một xưởng đóng tàu nhỏ, mỗi năm xuất xưởng khoảng trên 20 chiếc, mang lại một nguồn thu lớn cho gia đình. Ngoài ra cũng từ xưởng sản xuất này, anh đã tạo thêm việc làm cho 5 lao động địa phương, mỗi tháng thu nhập khoảng 2 triệu đồng/người. Thêm vào đó là hơn 5 ha luồng, mấy chục con dê, mấy lồng cá mỗi năm cho gia đình anh thu nhập trên 100 triệu đồng.

Khi kinh tế gia đình không còn khó khăn, anh luôn sẵn lòng giúp đỡ những hộ nghèo trong xóm. Gia đình nào không có tiền mua lưới anh cho vay không tính lãi. Gia đình nào không có tiền mua tàu, anh bán chịu hoặc cho trả góp dần. Nhờ sự giúp đỡ của anh, đến nay nhiều hộ gia đình ở xóm Mực đã thoát được nghèo đói.



Anh Nga bên xưởng đóng tàu của mình

Không chỉ gia đình anh thoát nghèo mà rất nhiều gia đình trong xã nhờ sự hỗ trợ, giúp đỡ, sẻ chia của anh mà đã vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

Nhờ cần cù lao động, dám nghĩ dám làm, có tinh thần học tập mà từ hộ khó khăn đến nay gia đình anh Nga đã có kinh tế khá giả, có của ăn của để.

(Theo Đức Tuyên)

LÀM GIÀU TRÊN DỐC MÈNG

Là người con dân tộc Tày sống giữa núi đồi bạt ngàn, kiến thức chưa qua lớp 4 nhưng bằng ý chí, nghị lực và sự sáng tạo trong lao động, ông Trương Văn Kim ở xã Ngọc Linh, huyện Linh Hồ, tỉnh Hà Giang đã nhanh chóng trở nên giàu có bằng chính sức lao động và sự tính toán của mình. Không chỉ giàu, ông Kim còn được mọi người biết đến bởi cái sự biết lo và chăm chút tới những người xung quanh.

Sau xuất ngũ, phục viên về địa phương, ông Trương Văn Kim cùng gia đình làm nông nghiệp. Mặc dù rất chăm chỉ làm lụng nhưng đói vẫn hoàn đói. Nhiều khi nhìn đàn con nheo nhóc thêm một bát cơm trắng mà không có được cho con, ông nuốt nước mắt vào trong. Là người dân tộc thiểu số, kiến thức ít, đông con, sống ở một xã vùng khó khăn, như bao người khác, ông luôn trăn trở phải làm sao để có được bát cơm cho các con qua bữa. Thử hết cách này đến cách khác nhưng vẫn không thoát khỏi cảnh nghèo. Chán nản, lại thêm tình trạng du canh, du cư bùng phát, mấy lần ông đã định bỏ

đất mà đi những mong thay đổi cuộc sống. Nhưng suy tính mãi, đi đâu bây giờ? Đất đai ở Hà Giang chỗ nào mà chẳng như nhau. Nếu không tích cực tăng gia sản xuất trên diện tích đất canh tác nhà mình, sống cuộc sống du canh, du cư thì cũng chỉ giải quyết được bữa ăn trước mắt nhưng tương lai sẽ còn đói khổ hơn. Nghèo khó là tại mình, là do mình chưa tìm được hướng phát triển kinh tế phù hợp nên mới ra nông nỗi này.

Để thực hiện ý định thoát nghèo, ông nghĩ đến chuyện phải thay đổi cung cách làm ăn. Bao đêm trăn trở, một tối, qua chiếc đài bán dẫn cũ, ông biết ở dưới xuôi đang thiếu trâu, bò để cày kéo và trâu, bò thịt. Một hướng làm ăn mới chợt lóe sáng trong đầu. Ông nghĩ, ở dưới xuôi họ thiếu trâu, bò là do đồng đất của họ ít, không có nhiều bãi để chăn thả, trong khi mình ở trên này đồi đất bao la, đồng cỏ rộng mênh mông, không trồng được cây lương thực thì mình chuyển sang nuôi trâu, bò để tận dụng nguồn cỏ tự nhiên. Trâu, bò lớn mình đem xuống dưới xuôi bán lấy tiền mua gạo, như vậy có phải đã thoát khỏi tình trạng đói nghèo rồi không. Nghĩ là làm, thế là ông bắt tay ngay vào hướng làm ăn kinh tế mới.

Bắt đầu chuyển hướng sản xuất kinh doanh với hai bàn tay trắng. Vốn không có, để có trâu,

bò chăn, ông đi mượn trâu, bò của người khác về nuôi rẽ. Nhà ai có trâu, có bò, không có điều kiện chăn dắt, ông mượn tất. Trời không phụ công người, ngoảnh đi ngoảnh lại, 5 năm sau đàn trâu, bò nhà ông đã có tới 30 con. Với số lượng đàn trâu, bò đã lên tới con số hàng chục, việc chăm sóc và chăn dắt không phải là điều đơn giản. Để có thể vừa sản xuất lương thực phục vụ cho nhu cầu trước mắt vừa tập trung chăn nuôi để phát triển đàn trâu, bò, mọi công việc trong gia đình được phân công sắp đặt lại. Công việc ruộng nương ông giao toàn bộ cho vợ và các con gái đảm nhận. Còn ông và cậu con trai duy nhất thì lặn xả vào chăm chút cho đàn trâu, bò.

Nhờ sự sắp đặt khoa học của ông nên công việc trong gia đình cứ thế quay theo một guồng đã định sẵn. Thóc lúa đã dần đầy kho, giải quyết được cái đói trong gia đình, đàn trâu, bò thì ngày càng đầy chuồng và béo tốt. Mười năm chóng vánh trôi qua, đàn trâu, bò của nhà ông đã lên tới hơn 300 con. Lúc này, ông nghĩ cần phải tiếp tục mở rộng sản xuất theo mô hình mới. Khác với ngày khởi đầu, lần này ông đã không phải vất vả trong khâu tìm nguồn vốn nữa bởi ông đã sẵn có đàn trâu, bò đầy bãi. Ông ra chợ huyện "tiếp thị" và đặt mối. Ba ngày sau, một đoàn lái buôn người Thổ Tang (Vĩnh Phúc)

tìm vào đặt mua. Để lại 50 con làm vốn, ông bán đàn trâu, bò ấy được gần 500 triệu. Có tiền trong tay, ông lại tính toán tìm hướng sản xuất mới nhằm tận dụng hết tiềm năng đồi đất quê nhà.

Đang bán khoán với cách làm kinh tế mới thì cũng là lúc một đơn vị bộ đội đóng quân gần đó phải chuyển đi làm nhiệm vụ mới tìm đến muốn nhượng lại cho ông 6 ha hồ. Thoạt nghe ông cũng đắn đo, bởi người miền núi xưa nay vốn chỉ biết đến đồng bãi không biết đến ao hồ. Với diện tích ao hồ rộng lớn như vậy ông phải làm gì để ra tiền, không khéo lại mang của thả xuống sông xuống biển? Sau ông chợt nghĩ, người Kinh có câu "thả cá, rá bạc", hơn nữa hồ ấy sẽ trở thành nguồn nước tưới cho vài chục hécta đất hoang chưa được khai phá bên dưới mương thoát của nó. Nghĩ vậy, ông quyết định mua lại diện tích hồ đó, rồi cho dọn lại hồ, củng cố lại đập và mua cá về thả. Thế là vừa sử dụng được hồ để nuôi thả cá, ông vừa tận dụng được diện tích đất hoang bên dưới mương thoát để tăng gia sản xuất. Hằng ngày, ông tận dụng đồng cỏ trên đồi và một số loại rau màu, lương thực nhà tự sản xuất được cho cá ăn. Hai năm sau có khách ở huyện vào đặt mua với giá 50 triệu đồng.

Người đời có câu: "Giàu sang quên bạn", thế nhưng với tỷ phú Trương Văn Kim thì câu nói ấy hoàn toàn vô nghĩa và xa lạ. Tất cả những việc làm hướng thiện của ông đều xuất phát từ cái tâm sáng, rất thật lòng, không vì bất cứ một sức ép hay một động cơ nào. Điều khiến mọi người khâm phục ông nhất chính là ở chỗ, ông không những giúp mọi người miếng ăn để giải quyết cái đói trước mắt, mà ông còn hướng dẫn, bày cho họ cách làm ăn, để họ dùng chính sức lao động của mình mà cải thiện cuộc sống, hướng tới sự ấm no dài lâu. Anh Phúc - hàng xóm nhà ông trước kia nghèo nhất xóm. Trong một lần đến vay tiền đã than thở với ông và được ông bảo: "Mày nghèo là do mày không biết cách làm. Mày đói là do nhà mày ít đất. Đừng làm nương nữa. Làm ruộng nước như người Kinh ở dưới xuôi mới có nhiều thóc. Dưới bờ đập nhà tao còn cả mẫu đất đấy. Mày lấy trâu nhà tao xuống đấy mà vỡ đất, rồi lấy nước từ ao của tao về mà cấy lúa nước". Nhờ sự chỉ dẫn và những hỗ trợ ban đầu của ông, anh Phúc lao vào vỡ ruộng cấy lúa. Hai năm sau, anh đã có cả một mẫu ruộng màu mỡ phía dưới đập nhà ông Kim. Bằng số ruộng này, từ người thiếu ăn nay anh Phúc đã trở thành người có kinh tế khá ở xã.

Câu: “Bàn tay ta làm nên tất cả/ Có sức người sỏi đá cũng thành cơm” rất đúng với trường hợp ông Trương Văn Kim. Đi lên từ hai bàn tay trắng, ông Trương Văn Kim đã nhanh chóng trở thành một trong những người giàu có trong vùng bởi chính nghị lực và ý chí vươn lên của một người lính. Thiên nhiên sẽ là vô tận nếu con người biết yêu mến và sử dụng nó một cách hợp lý.

(Theo *Đức Tuyên*)

LÀM GIÀU TỪ SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG

Đến xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, ai cũng biết Châu Văn Chung - ông chủ trẻ của một xưởng sản xuất gạch không nung nổi tiếng. Ngoài công việc kinh doanh, anh còn nhiệt tình tham gia công tác xã hội tại địa phương. Với vai trò là Phó Bí thư Đoàn xã, anh luôn đi đầu trong phong trào tuổi trẻ tích cực hưởng ứng Chương trình xây dựng nông thôn mới do Đảng và Chính Phủ phát động. Từ những cống hiến đó, năm 2012 Châu Văn Chung vinh dự được nhận giải thưởng Lương Định Của dành cho “Nhà nông trẻ xuất sắc” do Trung ương Đoàn trao tặng.

Châu Văn Chung sinh ra trong một gia đình đông con, dân tộc Giáy. Nhà nghèo, bố mẹ Chung chắt vật ngược xuôi kiếm tiền nhưng cũng không thể nuôi được mấy anh em Chung ăn học đến nơi đến chốn. Hiểu được hoàn cảnh gia đình, thương bố mẹ vất vả, năm 2008, sau khi tốt nghiệp lớp 12, Chung ngậm ngùi từ bỏ

ước mơ học đại học để tham gia làm kinh tế phụ giúp bố mẹ nuôi các em.

Ngày ngày anh cùng bố mẹ lặn lội trồng lúa, ngô lo cho bữa ăn gia đình. Thời gian rảnh rỗi anh xin vào làm công nhân tại một xưởng sản xuất gạch thủ công trong xã để kiếm thêm thu nhập đóng tiền học cho các em. Công việc tại xưởng vất vả, nặng nhọc lại độc hại, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn, Chung và nhiều thanh niên khác trong xã vẫn phải bám lấy lò gạch để kiếm thêm thu nhập phụ giúp gia đình.

Làm trong xưởng gạch được một thời gian thì anh phải nghỉ việc, bởi từ đầu năm 2009, xã Quang Kim được Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai lựa chọn làm xã điểm trong phong trào xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện tiêu chí môi trường tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định yêu cầu xóa bỏ các lò gạch thủ công không bảo đảm vệ sinh môi trường trong xã. Đây là một tin vui đối với nhân dân vì sẽ không còn phải hít khói độc hại thải ra từ lò gạch nữa, nhưng cũng kéo theo nhiều nỗi lo vì khi xưởng gạch không còn, hàng trăm lao động địa phương trong đó có Chung sẽ thiếu việc làm và nguồn vật liệu cho xây dựng của địa phương cũng sẽ bị hạn chế. Trước thực tế đó Chung nghĩ, nghề đóng gạch đã nuôi sống biết bao gia đình nơi đây, nếu giờ xóa bỏ đồng nghĩa với việc

anh cũng như rất nhiều gia đình khác ở đây sẽ gặp khó khăn. Điều đó khiến Chung suy nghĩ rất nhiều, anh tìm tòi, thử nghiệm mọi giải pháp để có thể duy trì được nghề đóng gạch truyền thống của quê hương mà vẫn bảo vệ được môi trường. Một niềm hy vọng vụt lóe lên trong đầu anh. Anh nghe nói, rất nhiều địa phương dưới xuôi đang sản xuất gạch không nung rất thành công, vừa bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao lại không quá vất vả và độc hại như sản xuất gạch thủ công. Từ đó chàng trai trẻ Châu Văn Chung ấp ủ ý tưởng mở một cơ sở sản xuất gạch không nung để cung cấp nguyên vật liệu xây dựng cho địa phương mà vẫn duy trì được sự trong sạch của môi trường. Đặc biệt là vẫn có thể tăng thêm thu nhập cho bản thân và tạo được việc làm ổn định cho nhiều lao động địa phương.

Để thực hiện ước mơ của mình, Chung rời quê lên tàu xuống xuôi học nghề. Anh tìm đến Nam Định - nơi nổi tiếng cả nước với sự thành công trong sản xuất gạch không nung. Khi đặt chân đến Nam Định, anh xin vào học và phụ nghề ở nhiều xưởng sản xuất gạch khác nhau để vừa tích lũy kinh nghiệm sản xuất vừa học hỏi kinh nghiệm kinh doanh. Mấy tháng lặn lội làm thuê và học nghề, Châu Văn Chung đã nắm được những kỹ năng cơ bản của công nghệ sản

xuất gạch không nung. Khi tay nghề đã vững, anh quyết định quay trở về quê hương để thực hiện lý tưởng của mình.

Làm thủ thì dễ, làm thật mới khó. Bắt tay vào mở xưởng sản xuất, anh gặp rất nhiều khó khăn. Đầu tiên là nguồn vốn để làm nhà xưởng, mua sắm máy móc, trang thiết bị, thuê lao động, rồi đất mở xưởng, đầu ra cho sản phẩm. Tất cả mọi việc đều dồn lên đôi vai nhỏ bé của anh. Anh đã phải chạy vạy khắp nơi để vay tiền, liên hệ với các cơ sở sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng khác như xi măng, đá, cát để đặt vấn đề mua nguyên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất gạch, nhưng do số tiền anh vay mượn được từ người thân và bạn bè không nhiều nên không đủ để trang trải cho những chi phí ban đầu. Vì vậy công việc bị đình trệ. Đang một mình vật lộn với khó khăn thì cơ may đã đến với Chung khi anh được Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Bát Xát cho vay 38 triệu đồng tiền vốn để sản xuất kinh doanh. Với số vốn ít ỏi đó, anh mua sắm được những trang thiết bị cần thiết nhất để phục vụ sản xuất.

Tiền đề cơ bản đã đủ, đầu tháng 9-2009, cơ sở sản xuất gạch không nung đầu tiên tại xã Quang Kim mang tên Thành Chung chính thức ra đời và đi vào hoạt động. Mỗi ngày, xưởng gạch của anh Chung cho ra lò khoảng 4.000

viên gạch không nung. Những tưởng mọi việc từ đây sẽ xuôi chèo mát mái, nhưng khó khăn lại một lần nữa thử thách ý chí và nghị lực kiên cường của chàng trai trẻ. Do mỗi bước chân vào sản xuất kinh doanh, lại là một loại mặt hàng mới nên thời gian đầu không mấy người chú ý đến sản phẩm gạch do xưởng của anh sản xuất. Gạch không xuất đi được, xếp đống đầy xưởng trong khi đủ thứ tiền cần phải chi trả vẫn ngày ngày gõ cửa như: tiền lãi ngân hàng, tiền lương của công nhân, rồi tiền vốn để tiếp tục quay vòng sản xuất... Các loại tiền ấy cứ ngày đêm thôi thúc khiến đầu óc anh quay cuồng. Anh rơi vào tình trạng bí bức. Nhiều lúc chán nản anh đã định buông xuôi nhưng khi nhìn thấy sản phẩm mình làm ra, anh lại cố gắng kiên trì, suy nghĩ tìm cách khắc phục.

Anh đã kiên trì đi đến từng cơ sở xây dựng trong thôn, xã và các vùng lân cận để tiếp thị, giới thiệu về sản phẩm của mình. Thậm chí để khách hàng tin tưởng vào sản phẩm do xưởng của anh sản xuất, anh còn bảo đảm bằng cách xuất gạch cho khách hàng dùng thử trước nếu không tốt không lấy tiền. Trời không phụ công người khó. Sau một thời gian sử dụng gạch không nung do xưởng của anh sản xuất để xây nhà và làm các công trình xây dựng khác, khách hàng thấy sản phẩm gạch không nung

do xưởng của Chung làm ra có chất lượng không kém gạch thủ công, giá cả lại hợp lý nên rất tin dùng, đến tận nơi đặt hàng. Với ưu điểm là chi phí sản xuất thấp, quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, chất lượng không thua kém gạch đốt bằng lò thủ công, giá cả lại hợp lý nên gạch do xưởng của anh sản xuất ra tới đâu tiêu thụ hết tới đó. Sau hơn 1 năm đưa vào hoạt động, cơ sở sản xuất gạch của anh đã thu hồi được vốn đầu tư ban đầu và có một phần lãi thu về. Thành công ban đầu đã thúc đẩy mạnh mẽ niềm đam mê, anh lại tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất. Bên cạnh sản xuất gạch, anh còn kết hợp kinh doanh thêm một số mặt hàng vật liệu xây dựng khác như xi măng, tấm lợp và thu mua, xuất khẩu nông sản để nâng cao thu nhập. Sau hai năm khởi nghiệp, chỉ tính riêng nguồn thu từ xưởng gạch, mỗi năm anh đã thu được khoảng 900 triệu đồng. Trừ mọi chi phí, anh thu về khoảng 360 triệu đồng tiền lãi. Với số đó anh không những đã trả hết nợ mà còn mua được 3 xe ô tô tải để phục vụ cho công việc kinh doanh. Điều đáng nói là cơ sở sản xuất gạch không nung Thành Chung do anh làm chủ còn tạo được việc làm thường xuyên cho 8 đoàn viên thanh niên và nhiều lao động nhân rỗi tại địa phương, với mức thu nhập 3,6 triệu đồng/tháng.

Từ mô hình sản xuất gạch không nung đầu tiên của Chung, hiện nay, xã Quang Kim đã xuất hiện thêm nhiều cơ sở sản xuất gạch không nung mới góp phần cung ứng vật liệu xây dựng ra thị trường, giải quyết vấn đề thiếu nguyên vật liệu xây dựng ở địa phương và các vùng lân cận. Đặc biệt, sự ra đời của các cơ sở sản xuất gạch không nung đã xóa hết dấu vết của những xưởng sản xuất gạch theo phương thức thủ công cũ, góp phần giữ gìn môi trường trong lành.



Xưởng sản xuất gạch không nung Thành Chung

Vừa qua, một tin vui nữa đến với Chung khi anh được bầu làm Chủ nhiệm Hợp tác xã Quang Kim. Châu Văn Chung không chỉ là điển hình thanh niên dân tộc thiểu số làm kinh tế giỏi mà điểm đặc biệt đáng quý ở Chung là

tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách. Anh luôn biết sẻ chia, giúp đỡ các thanh niên khác cùng vươn lên làm giàu. Là người đầu tiên đưa công nghệ sản xuất mới về địa phương nhưng anh không giấu nghề mà tích cực chuyển giao kinh nghiệm và vận động thanh niên trong thôn, xã mạnh dạn học hỏi kinh nghiệm làm ăn mới để phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, lập thân, lập nghiệp. Vì vậy các thanh niên là người dân tộc thiểu số làm kinh tế giỏi xuất hiện ngày càng nhiều trên địa bàn xã Quang Kim.

Không chỉ thành công trong kinh doanh, Châu Văn Chung còn tích cực tham gia công tác đoàn thể tại địa phương. Mặc dù công việc kinh doanh bận rộn nhưng anh vẫn cố gắng hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao. Anh cùng các đoàn viên trong xã tích cực tuyên truyền, vận động các đoàn viên thanh niên cùng nhau góp sức trẻ để xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, Chi đoàn của anh còn huy động các ban ngành, đoàn thể và bà con trong thôn, xã góp công, góp của để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội như: cầu bắc qua suối, nhà tiêu hợp vệ sinh, đào hố đựng rác. Có nhiều công trình được xây dựng bằng chính sản phẩm gạch không nung do xưởng của anh đóng góp. Ngoài ra, anh còn là Đội trưởng đội thanh niên gồm 30

thành viên hằng tháng thường xuyên dọn vệ sinh, thu gom rác thải, làm sạch 2 km tỉnh lộ 156, đoạn qua trung tâm xã Quang Kim.

Hiện nay nhân dân xã Quang Kim đã quá quen thuộc với màu áo xanh, dáng gầy gầy, nét mặt thư sinh đầy sức trẻ và khát vọng của chàng Phó Bí thư Đoàn xã Châu Văn Chung - một người thanh niên đi lên từ nghèo khó. Tấm lòng hiếu thảo và nghị lực vượt khó của Chung đã được trả công xứng đáng. Cánh cửa tương lai đang rộng mở chào đón người thanh niên trẻ giàu ước mơ và nhiệt huyết ấy. Anh là tấm gương sáng trong phong trào Thanh niên làm theo lời Bác.

(Theo Tuấn Ngọc)

THÀNH TỶ PHÚ NHỜ MÔ HÌNH SẢN XUẤT HIỆU QUẢ

Bằng sự nhạy bén, năng động, mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và xây dựng mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương, anh Nguyễn Văn Sinh ở thôn Đồng Vật, xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã vươn lên làm giàu ngay trên chính mảnh đất quê hương.

Cách đây 5 năm, ở An Thịnh mỗi gia đình chỉ dám nuôi vài chục con gà, 4-5 con lợn, vì sợ nuôi nhiều nếu chẳng may bị dịch bệnh sẽ mất trắng. Nhưng nếu cứ như vậy biết khi nào mới khá giả được. Vợ chồng tôi quyết định đầu tư mở trang trại chăn nuôi - anh Sinh tâm sự.

Ngày mới mở trang trại không có một đồng vốn trong tay, vợ chồng anh bắt tay vào khai hoang, trồng lúa và cây hoa màu. Sau một thời gian, anh chuyển đổi từ trồng lúa sang nuôi gà. Ban đầu nuôi 100 con rồi tăng dần số lượng. Lúa gà đầu tiên thắng lợi, vợ chồng anh mạnh dạn vay vốn của Hội Nông dân xã, Ngân hàng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để mua thêm gà giống về nuôi với quy mô lớn.

Không dừng lại ở đó, với phương châm lấy ngắn nuôi dài, anh Sinh mua thêm 100 con lợn về nuôi bán giống. Anh cho biết, nhu cầu lợn giống của người dân trong xã và các xã lân cận rất lớn nên sẽ cố gắng làm nguồn cung cấp lợn giống chất lượng và ổn định cho bà con.

Bên cạnh chăn nuôi, anh Sinh và gia đình còn trồng 600 ha quế. Theo anh Sinh, quế gần 20 năm mới cho thu hoạch nhưng hằng năm anh vẫn thu được tiền từ việc tỉa cành quế và bán lá quế.

Khi hỏi về thất bại đã gặp, anh Sinh tâm sự: “Năm 2008, dịch bệnh xảy ra, đàn gà nhà tôi lần ra chết, một ngày chết tới 400 con. Bê từng bao tải gà đi chôn mà tôi rớt nước mắt. Nhưng không vì thế mà tôi bỏ cuộc. Tôi tìm đọc sách báo, tham gia các buổi tập huấn chăn nuôi của địa phương tổ chức. Trong quá trình nuôi, tôi ghi chép cẩn thận về tình trạng, chế độ ăn uống để theo dõi sức khỏe của đàn gà”.

Trời không phụ công người, giờ đây anh Sinh đã có trong tay một gia tài trị giá hàng tỷ đồng, với 600 ha quế, hàng ngàn con gà thịt và hàng trăm con lợn nái. Mỗi năm, trừ tất cả chi phí, gia đình anh Sinh thu về hơn 400 triệu đồng.

(Nguồn: danviet)

ÔNG CHỦ NƠI ĐÈO GIÓ

Sau nhiều năm tha hương đi đào vàng nơi xứ người với ước mơ “ngồi mát ăn bát vàng” nhưng cuộc sống vẫn lao đao, khốn khó, anh Nguyễn Văn Quế xác định, chỉ có bằng sức lao động chính đáng mới đem lại cho con người cuộc sống bền vững. Với nghị lực và ý chí vươn lên trong lao động, anh đã trở thành ông chủ của một trang trại bề thế nơi đỉnh đèo Pác Á thuộc huyện Nà Phặc, tỉnh Bắc Kạn. Không chỉ có tiền tỷ mà cái quan trọng hơn là anh còn giải quyết được công ăn việc làm cho rất nhiều lao động là người dân tộc thiểu số ở đây.

Sinh ra ở làng quê nghèo quanh năm ngập úng thuộc xã Liên Hải, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, tuổi thơ của Nguyễn Văn Quế cơ cực, bữa no bữa đói cùng gia đình, bở mảnh đất quê anh giáp biển, ngập úng quanh năm, cả năm chỉ cấy được một vụ lúa chiêm. Lớn lên với ước vọng đổi đời, đưa gia đình qua cơn bĩ cực, Nguyễn Văn Quế lang thang khắp nơi tìm miền đất hứa. Khi đó là cuối thập niên 90 của thế kỷ XX,

Bắc Kạn đang “nổi danh” với cả nước bởi đây là nơi bùng phát của các mỏ vàng. Đi đến đâu cũng nghe người ta nói đến chuyện đào vàng. Phong trào đi đào vàng lúc ấy đã ăn sâu vào tiềm thức mọi người và ai cũng xem đó là hướng thoát nghèo nhanh nhất. Đang lang thang chưa tìm được chốn dừng chân, nghe theo lời đồn, anh Quế đã tìm lên Bắc Kạn với ước mong về một tương lai xán lạn. Nhưng thực tế khác xa với những gì anh nghĩ. Những ngày trên bãi vàng là những ngày cùng cực nhất của anh, làm quần quật cả ngày còn không đủ nuôi mồm chứ đừng nói đến chuyện làm giàu.

Từ Khau Âu, “cơn sốt” đào bới vàng đã kéo anh sang Ma Lu rồi Tốc Lù. Đâu đâu anh cũng đều không may mắn. Nhìn lại đồi núi nơi đầu nguồn Pác Á, anh nghĩ không thể làm giàu từ con đường này được. Nhưng đi đâu và làm gì để có được miếng ăn đây? Càng không thể trở về quê hương với hai bàn tay trắng, lại không có nghề trong tay? Một ước mơ bám đất, làm trang trại vụt sáng trong đầu anh. Anh quyết định sẽ bám trụ trên mảnh đất Bắc Kạn để làm kinh tế. Anh quyết định nhận thầu những quả đồi, quả núi hoang nơi đầu nguồn Pác Á để trồng cây ăn trái với phương châm dùng sức người để cải tạo đất.



Ngày ngày anh Quế lam lũ làm lụng, lao tâm khổ tứ với những quả đồi, quả núi hoang thông thốc gió nơi đầu nguồn Pắc Á. Người có công, đất không phụ người. Chẳng mấy chốc những quả đồi hoang heo hút ấy đã được cuộc xói tơi xộp. Anh gom góp tiền bạc mua giống cây về trồng, có tiền đến đâu anh đầu tư đến đó. Đầu tiên chỉ một vài hécta cây trái được trồng, dần dần anh nhân giống và phát triển rộng khắp ra tất cả các quả đồi. Anh còn ngày đêm mày mò nghiên cứu, đọc sách báo, nghe đài để học hỏi kinh nghiệm chăm bón cho các giống cây trồng mới. Từ việc không biết gì về phương pháp trồng và chăm sóc cây, giờ đây anh đã thuộc lòng từng đặc điểm của mỗi loại cây trồng. Vào mỗi giai đoạn cụ thể anh đều có những phương pháp chăm bón, vun tưới, đốn tỉa phù hợp. Quay đi

quay lại, 24 ha đất bạc màu đã được anh tận tảo phủ xanh cây trái. Các loại cây trái anh trồng chủ yếu là cam, quýt đặc sản, hồng, sả và anh còn trồng kết hợp cả cỏ AB06. Đến mùa thu hoạch, những loại cây trái trên đồi đã mang lại cho anh một nguồn thu đáng kể. Bên cạnh việc duy trì cuộc sống sinh hoạt trong gia đình, anh đã bước đầu tích lũy được một số vốn khá. Theo năm tháng, số tiền mà nguồn cây trái mang lại cho anh ngày càng cao. Từ đó anh lại tiếp tục nhân rộng và phát triển sản xuất kinh tế theo hướng trang trại nhằm tận dụng tối đa nguồn đất đai hiện có. Nhìn thấy diện tích đất dưới các gốc cây có thể sử dụng được, anh nghĩ ngay đến việc kết hợp chăn nuôi đà điểu và làm nấm sò, nấm mỡ.

Bắt đầu mô hình kinh tế mới với nhiều bề bộn, thời gian đầu anh gặp rất nhiều khó khăn trong chăn nuôi và trồng nấm. Quyết tâm phải đi học hỏi kinh nghiệm từ những người đi trước, anh gom góp tiền xuôi về mạn dưới, tìm đến Trung tâm giống gia cầm để học hỏi kinh nghiệm và mua sách hướng dẫn về nhà tự mày mò học tập. Khi kinh nghiệm chăn nuôi đã thông, anh bỏ tiền ra mua được hai con đà điểu về nuôi, ít nấm sò, nấm mỡ về trồng. Nấm lớn bán, có tiền anh lại dồn vào mua đà điểu. Năng nhặt chặt bị, quy đổi từ nấm sang đà điểu, chẳng bao lâu sau anh đã có 100 con đà điểu

trong tay. Nhà xưởng, chuồng trại chăn nuôi cũng dần được định hình.

Kinh doanh thuận lợi, anh bắt đầu nghĩ tới việc giải quyết nhu cầu lao động cho bà con trong xã. Bên cạnh việc hướng dẫn bà con tăng gia sản xuất, anh còn dạy nghề và thuê lao động về làm việc trực tiếp trong trang trại của mình. Trong phương châm tuyển lựa lao động anh chú tâm chọn lao động là người dân tộc thiểu số. Những lao động được anh ký hợp đồng như Bàn Văn Hiến, Đặng Thị Xuân, Đặng Thị Liên ngoài cơm ăn ngày ba bữa, mỗi tháng nhận được 2 triệu đồng tiền công, 3 tháng được nghỉ 7 ngày và vẫn hưởng lương 100%.

Từ cây đến con, từ nuôi đà điểu hiện nay anh đã tiến tiếp đến chăn nuôi bò và lợn rừng. 100 con bò thịt cao sản cũng đã được mua, cùng đó là 20 con lợn rừng bắt đầu sinh sản. Ước tính với khoảng 24 ha cây ăn quả, 110 con đà điểu, 100 con bò và 20 con lợn rừng thì hiện tại anh Quế đã có vài chục tỷ đồng trong tay.

(Theo Đức Tuyên)

NGƯỜI SỞ HỮU TRANG TRẠI TIỀN TỶ

Từ miền quê Vĩnh Phúc xa xôi, ông Nguyễn Văn Thạc dắt díu cả gia đình vào miền đất mới thuộc xã Lộc Quảng huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng lập nghiệp. Trải qua bao gian truân cực nhọc, thất bại, vấp ngã nhưng không nản lòng, đến nay ông và gia đình đã sở hữu một trang trại rộng lớn với thu nhập mỗi năm dao động từ 1 đến 1,5 tỷ đồng.

Sinh ra và lớn lên tại tỉnh Vĩnh Phúc, sau khi lập gia đình, mặc dù vợ chồng ông Thạc nai lưng ra làm, tay cày tay cuốc quanh năm nhưng cũng không đủ kinh tế để nuôi lớn 4 người con. Cảnh cơ hàn nhọc nhằn đã thúc đẩy ông tìm đến miền đất mới lập nghiệp. Bán tất cả gia tài, ruộng vườn, gom góp được một ít tiền để làm vốn làm ăn, ông Thạc cùng vợ dắt các con từ Vĩnh Phúc vào Lâm Đồng kiếm kế sinh nhai. Không có nhiều tiền để mua vé tàu xe, lại sợ ăn mòn vào số tiền dành dụm làm vốn, trên suốt chặng đường dài từ Vĩnh Phúc vào Lâm Đồng cả nhà ông vừa đi vừa làm thuê lấy tiền ăn qua bữa.

Năm 1985, khi vào tới huyện Bảo Lâm, do số tiền mang theo ít ỏi không đủ để mua đất ngoài phường 2 nên vợ chồng ông phải vào tận thôn 5 xã Lộc Quảng huyện Bảo Lâm mua đất, khai hoang với diện tích hơn 2 ha để trồng cà phê. Thời gian đầu lập nghiệp, khó khăn không kể hết. Từ tập quán, thói quen sinh hoạt đến cách chăm sóc cây cà phê, tất cả đều mới đối với gia đình ông Thạc, chính vì thế nên vợ chồng ông làm ăn không hiệu quả. Thêm nữa, người dân nơi đây thấy vợ chồng ông là người lạ nên không tin tưởng, luôn tỏ thái độ xa cách, cô lập gia đình ông. Nhiều lúc vợ chồng ông nản tính chuyện khăn gói dắt díu nhau về quê. Nhưng với suy nghĩ, dân ở đâu cũng chung một nguồn gốc là con dân đất Việt, vì thế ông động viên vợ con chịu khó nhẫn nại, sống thân tình, hài hòa, gần gũi và chia sẻ với bà con xung quanh. Ông bảo vợ, con: “Mình cứ sống chân tình, trước sau rồi họ cũng sẽ hiểu”. Và đúng như những điều ông nói, dần dần bà con nơi đây hiểu được bản chất thuần nông thật thà, chất phác cũng như ý chí và nghị lực của vợ chồng ông, họ sẵn sàng giúp đỡ và chia sẻ kinh nghiệm làm ăn với gia đình ông. Nhờ việc tích lũy, học tập thêm kinh nghiệm, cuộc sống gia đình ông dần đi vào ổn định. Thành công, ông tiếp tục mở rộng diện

tích sản xuất nhằm nâng cao thu nhập tạo đà cho con cái ăn học và tích lũy.

Ông Thạc chia sẻ: “Trồng cà phê không khó. Cơ bản là mình phải cần cù, chịu khó và nắm được kỹ thuật. Ngay sau khi trồng xong cần tiến hành tủ gốc cho cà phê. Việc dùng các loại rơm rạ, cỏ khô, cây phân xanh... tủ gốc với độ dày 5 đến 10 cm, cách gốc 5 đến 10 cm sẽ tránh được mối mọt làm hại cây. Đồng thời việc tủ gốc còn có tác dụng giữ ẩm cho đất, giúp cây cà phê vừa đứng vững vừa giảm được công tưới nước, công làm cỏ và giữ cho đất luôn tơi xốp. Đối với vườn cây trồng mới thường hay gặp hạn, vì thế cần phải che tarp để bảo vệ cho cây. Việc che tarp này có tác dụng giúp cây cà phê chống chịu lại được với gió, hạn hán và rét muối. Sau khi trồng khoảng 15 đến 20 ngày phải kiểm tra và trồng dặm kịp thời. Trong suốt thời kỳ sinh trưởng của cây cà phê, đặc biệt ở giai đoạn này cần phải diệt sạch cỏ dại, bảo đảm cho cây không bị cỏ lấn át. Trong giai đoạn đầu do cây cà phê còn thấp, vì thế nên trồng xen một số loại cây trồng ngắn ngày khác để bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất và giúp cải thiện cuộc sống. Các cây trồng xen có thể là lạc, đậu, đỗ các loại. Sau khi thu hoạch, cây, cành, lá của cây trồng xen được dùng làm nguyên liệu để tủ gốc cho cây cà phê”. Nhờ sự kiên trì, ham học hỏi và áp dụng

tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc chăm sóc cây cà phê mà vườn cà phê nhà ông luôn xanh tốt, ít bị sâu bệnh, gỉ sắt, khô cành, bó rễ hay các loại rệp, mọt đục quả. Sau khoảng 3 năm, vườn cà phê của gia đình ông đã cho thu hoạch vụ quả đầu tiên. Số tiền lãi thu được từ cây cà phê, ông Thạc lại tiếp tục đầu tư vào chăn nuôi.

Nhận thấy heo là loại gia súc được tiêu thụ phổ biến trên thị trường, nuôi heo nhanh được xuất chuồng, vốn lại ít. Sau khi cân nhắc, ông quyết định bắt tay vào làm chuồng trại chăn nuôi heo thương phẩm. Lúc đầu ít vốn, chưa có kinh nghiệm, nhà lại ở xa trung tâm, đi lại khó khăn nên ông chỉ mua 2 con heo về gây nái. Lứa heo con đầu tiên do 2 con heo nái sinh ra, ông giữ lại hết để nuôi làm heo thịt. Nhờ sự nỗ lực và công chăm sóc không quản đêm ngày của ông và gia đình, đàn heo trong chuồng nhà ông sinh trưởng và phát triển tốt, không bị ốm đau, dịch bệnh. Cứ thế lứa nọ gối lứa kia, theo thời gian đàn heo ngày càng tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Những kết quả đạt được ban đầu đã khích lệ ông cùng gia đình tích cực hăng say lao động sản xuất hơn nữa. Từ 2 con heo giống ban đầu, ông Thạc đã cùng gia đình tiếp tục mở rộng quy mô chuồng trại chăn nuôi và tiến hành nhân đàn heo giống. Hiện nay ông đã xây dựng được hơn 2.000 m² chuồng trại với hệ thống

chăn nuôi hiện đại và thả nuôi hơn 2.000 con heo cả thịt lẫn nái, mỗi tháng cho xuất chuồng từ 15 đến 20 tấn heo thịt.

Thời gian gần đây, việc chăn nuôi heo gặp nhiều khó khăn do heo thường bị mắc dịch bệnh như lở mồm long móng, tai xanh... Gia đình ông cũng không tránh khỏi. Mặc dù nhiều lần bị thất bại, thậm chí gần như mất hết cả vốn do thị trường tẩy chay thịt heo trong một thời gian dài, song ông không nản chí, vẫn kiên trì học hỏi kinh nghiệm, kiến thức qua các phương tiện thông tin đại chúng và từ thực tế để tiếp tục với công việc chăn nuôi của mình.

Để giảm chi phí trong chăn nuôi, ngoài các loại thức ăn công nghiệp mua từ các công ty, ông Thạc còn tự mua nguyên liệu tại địa phương về tinh chế để cho heo ăn thêm và trồng xen canh các cây lương thực họ đậu dưới những gốc cà phê để làm thức ăn nuôi heo. Ngoài ra, ông còn nấu rượu lấy bã và nhập thêm bã đậu tương từ những xưởng sản xuất đậu phụ về để chăn nuôi, vì thế đàn heo nhà ông nhanh lớn, lại cho thịt thơm ngon do ít dùng thức ăn tăng trọng. Nhờ đó giá bán cũng cao hơn so với giá trên thị trường.

Số lượng heo nhiều, chất phân thải ra hàng ngày cũng rất lớn. Để giữ gìn môi trường và tiết kiệm chi phí chăn nuôi, ông xây dựng hệ thống

biogas vừa xử lý được nguồn phân thải vừa lấy nguyên liệu sử dụng trong sinh hoạt. Ngoài ra, phân heo cũng được tận dụng để bón cho cà phê. Nhận thức được những bất cập do chăn nuôi đem lại cho môi trường, đồng thời cũng để giảm công lao động, chi phí đầu tư về lâu dài, ông Thạch có hướng xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo trên đệm lót sinh thái. Ông dự kiến sẽ chuyển hơn 2.000 m² chuồng trại chăn nuôi heo truyền thống sang mô hình đệm lót sinh thái trong thời gian sớm nhất.

Từ chăn nuôi, ông mở rộng diện tích trồng cây cà phê trên nguồn phân chuồng sẵn có, đào thêm gần 1 ha mặt nước vừa để nuôi các loại cá phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày vừa dự trữ nước để tưới tiêu cho vườn cà phê. Vì vậy, năm nào cà phê của gia đình ông cũng cho sản lượng đạt 20 tấn. Hiện nay, ông được xem như là điển hình nông dân làm kinh tế giỏi ở địa phương.

Sau gần 20 năm chăn nuôi heo, trồng cà phê, đến nay gia đình ông đã có được một cơ ngơi vững chắc, nhà cửa khang trang với đầy đủ tiện nghi sinh hoạt hiện đại. Các con ông cũng nhờ đó mà được ăn học đến nơi đến chốn. Đó là kết quả của sự cần cù, dám nghĩ, dám làm của người nông dân thời hiện đại, biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Khi đã có của ăn của để, cuộc sống không còn khó khăn như

trước, ông quay sang giúp đỡ người khác cùng làm giàu. Ông thường xuyên hướng dẫn các hộ trong thôn, xã cách trồng cà phê, chăn nuôi hiệu quả. Ông còn hỗ trợ cả giống và vốn cho những hộ gia đình khó khăn trong thời gian đầu làm kinh tế.

(Theo *Huyền - Thông*)

NGƯỜI NÔNG DÂN LÀM TRANG TRẠI GIỎI

Giữa mênh mông bạt ngàn rừng keo cạnh con đường đất đỏ là ngôi nhà gỗ ba gian khang trang của vợ chồng anh Đàm Thọ ở xã Lộc Yên huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh - một nông dân khởi nghiệp từ hai bàn tay trắng. Là một nông dân dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh, vợ chồng anh Thọ đã từng bước biến khu đồi hoang cằn, sỏi đá thành một khu trang trại trù phú với đủ các loại cây trồng như cam, chanh, bưởi, keo và tăng gia sản xuất một số loài vật như lợn, bò, trâu, gà... Vợ chồng anh là tấm gương điển hình trong phong trào nông dân xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng bằng chính sức lực của mình tại xã Lộc Yên.

Sinh ra và lớn lên tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, năm 1979 anh Thọ tạm biệt nơi chôn rau cắt rốn để vào xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh lập nghiệp. Tại đây anh đã gặp và kết duyên với chị Bùi Thị Hoa - một

thiếu nữ vùng sơn cước. Sau khi lập gia đình, mặc dù vợ chồng anh ngày đêm chăm chỉ, siêng năng làm lụng trên mấy sào đất lúa và hoa màu, nhưng do đất đai ít lại phụ thuộc nhiều vào thời tiết nên cuộc sống vợ chồng anh chị khi đó gặp vô vàn khó khăn, thiếu thốn. Khi nhìn thấy cả một quả đồi phía đông của xã không có người canh tác bỏ hoang hóa đã lâu năm, anh nghĩ từ quả đồi này có thể trồng được rất nhiều loại cây có giá trị mang lại hiệu quả kinh tế cao. Sau nhiều đắn đo, băn khoăn, năm 1989 anh mạnh dạn xin phép chính quyền địa phương được khai hoang, phục hóa đất để phát triển kinh tế gia đình.

Sau khi cải tạo được 3 ha đất đồi hoang hóa, anh quyết định trồng cam, bưởi, đào ao thả cá và chăn nuôi trâu, lợn, gà. Vì nguồn vốn ít lại chưa có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi, trồng trọt nên thời gian đầu anh chị gặp rất nhiều khó khăn. Anh Thọ tâm sự, có thời điểm để có tiền đóng gạo, ban ngày anh đào hố trồng cam, tối đến anh đập đuốc đi mai cá để sáng mai chị đi chợ bán lấy tiền đóng gạo. Khó khăn là thế, nhưng với đức tính siêng năng, cần cù, chịu khó và ý chí vươn lên thoát nghèo, anh chị đã từng bước biến khu đồi hoang hóa thành vườn cây xanh tốt và đàn lợn, đàn gà của anh cũng ngày càng phát triển. Kinh tế gia đình

khấm khá dần lên, từ chỗ thiếu ăn, gia đình anh chị đã đủ ăn và có của để dành. Năm 1993 anh mở rộng diện tích đất đồi lên 8 ha, lúc này ngoài cây ăn quả và chăn nuôi anh quyết định trồng keo nguyên liệu.

Chưa dừng lại ở đó, với khát vọng vươn lên làm giàu từ kinh tế trang trại, năm 1999 anh quyết định dốc hết vốn liếng đầu tư mở rộng quy mô ra toàn bộ vùng đồi phía trước. Mặc sự can ngăn quyết liệt của vợ con, với bản tính cứng cỏi, quyết đoán của mình, anh đã thuyết phục được vợ. Vợ chồng anh đã bán một đàn trâu 5 con, một chiếc xe máy và 3 cây vàng để đầu tư mở rộng khu trang trại. Tại khu đất mới này, anh quyết định trồng cam, chanh ghép, dó, trầm và tận dụng diện tích mặt nước để nuôi cá trắm, cá chép, cá mè. Ngoài ra, để tự cung tự cấp lương thực anh đã san lấp 1 ha đất để trồng lúa và hoa màu.

Mặc dù chưa có nhiều kinh nghiệm trong kỹ thuật chăn nuôi và trồng trọt nhưng nhờ quá trình tự học tập, tìm hiểu qua tài liệu, các phương tiện truyền thông, tham quan học tập kinh nghiệm từ các mô hình khác , trang trại tổng hợp của anh Đàm Thọ ngày càng phát triển và cho thu nhập cao. Năm 2012, tổng thu nhập từ trang trại gia của đình anh đạt trên 1 tỷ đồng.

Có thêm kinh nghiệm và vốn liếng trong tay, năm 2012 anh đã vay thêm 850 triệu đồng từ nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và liên kết với Công ty CIPI Thái Lan đầu tư xây dựng khu chuồng trại nuôi heo với quy mô 600 con/lúa theo quy trình hiện đại, khép kín, có hệ thống xử lý môi trường. Đây là một trong những mô hình chăn nuôi tập trung đầu tiên của huyện. Hiện nay, đàn lợn của anh chuẩn bị xuất chuồng, ước tính sẽ đạt 60 tấn, trừ chi phí anh sẽ thu về trên 200 triệu đồng. Cũng nằm trong quy trình xử lý môi trường trong chăn nuôi anh đã đào thêm 5 hồ chứa nước với diện tích gần 1 ha và tận dụng diện tích mặt nước này thả hơn 1 tạ cá giống bao gồm các loại mè, trắm, chép, rô phi đơn tính, ước tính gia đình anh sẽ thu về khoảng 1,5 đến 2 tấn cá thịt.

Trên cơ sở những thành công bước đầu trong chăn nuôi, gia đình anh Thọ đang dự định xây dựng thêm một khu chuồng trại quy mô lớn và đầu tư trồng khoảng 5 ha cao su tiểu điền.

Không chỉ chú tâm phát triển kinh tế gia đình, anh Thọ còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội do địa phương phát động; sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, trao đổi kinh nghiệm làm ăn với các hội viên Hội Nông dân và bà con lối xóm, được nhiều người trong thôn tin yêu, quý trọng. Vì thế,

nhiều năm liền hộ gia đình anh được công nhận là hộ sản xuất, kinh doanh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam tặng bằng khen cho hộ sản xuất kinh doanh giỏi giai đoạn 2007 - 2011. Anh là đại biểu tham dự Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh và tại Đại hội anh vinh dự được bầu vào Đoàn đại biểu tham dự Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI. Đặc biệt trong phong trào xây dựng nông thôn mới anh đã tích cực vận động nhân dân hiến đất, hiến cây, ngày công... để mở đường, riêng gia đình anh gương mẫu đi đầu, chuyển đổi cho xã 5 ha đất mặt đường để quy hoạch khu dân cư. Năm 2012 anh vinh dự được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh vinh danh là điển hình tiêu biểu cấp tỉnh trong xây dựng nông thôn mới.

(Theo *Thanh Hải*)

NGƯỜI NÔNG DÂN DÂN TỘC MA COONG LÀM KINH TẾ GIỎI

Thượng Trạch là một trong những xã vùng sâu “xa lắc xa lơ” đặc biệt khó khăn của huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đây là nơi cư trú chủ yếu của bà con dân tộc Ma Coong với khoảng 2.200 nhân khẩu. Cuộc sống của đồng bào chủ yếu vẫn dựa vào rừng núi, nương rẫy. Do miếng ăn còn chưa đủ nên hầu hết bà con dân bản vẫn còn rất nghèo nàn, lạc hậu, trong phương thức canh tác, sản xuất vẫn còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

Trong thời gian gần đây, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, được sự hỗ trợ của đồn biên phòng và chính sách xã hội của Nhà nước, người dân Ma Coong đang từng bước tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế, tích cực xóa đói, giảm nghèo. Đi tiên phong trong phong trào xóa đói, giảm nghèo ở địa phương phải kể đến ông Đinh Hợp - một cá nhân xuất sắc của xã Thượng Trạch. Không chỉ là một lãnh đạo uy tín mà còn thông qua việc “đi trước” để dân học hỏi, ông là “hạt nhân” tích

cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội ở xã vùng sâu vùng xa này.

Cũng giống như rất nhiều người Ma Coong ở xã Thượng Trạch, ông Đinh Hợp sinh ra không được học hành đến nơi đến chốn. Cuộc sống của ông và gia đình chủ yếu phụ thuộc vào tự nhiên. Theo thời gian, đặc biệt là khi con đường liên thôn, liên xã được mở ra, được tiếp xúc với thế giới bên ngoài, ông nhận thấy cái nghèo cái đói sẽ đeo bám mãi nếu như bản thân mỗi người không biết tự vươn lên. Nghĩ vậy nên ông luôn mày mò tìm hướng sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương để từng bước vươn lên làm giàu. Bà con Ma Coong ở Thượng Trạch cho biết, ngay từ hồi thanh niên, Đinh Hợp đã là người nhanh nhẹn của bản. Đối diện với sự nghèo khó của mình và người dân, ông không đành lòng chấp nhận. Ông luôn đặt câu hỏi: “Tại sao cùng sinh sống trên một lãnh thổ mà người dân ở những nơi khác có cuộc sống ấm no, trong khi cái đói, khổ lại cứ len lỏi mãi trong thôn bản mình?”. Nhìn thấy đồi đất rộng bao la, ông nghĩ không thể bỏ phí nguồn tài nguyên vô tận mà thiên nhiên ban tặng, cần phải tận dụng nó để mang lại cơm no áo ấm cho mình và dân bản. Xuất phát từ tư tưởng đó nên ông luôn nỗ lực tìm tòi, thử nghiệm các hướng canh tác mới với mong ước sử dụng hiệu quả của trời cho đó.

Đồng thời qua đó hình thành nên hướng sản xuất, canh tác phù hợp rồi từng bước nhân rộng và phát triển trên đôi đất quê hương.

Thượng Trạch là xã miền núi, có thể mạnh về rừng nên cái ông nghĩ đến đầu tiên là lập trang trại và chăn nuôi đại gia súc. Mới đầu thiếu vốn, ông đã mạnh dạn làm đơn xin vay vốn hỗ trợ từ Ngân hàng Chính sách xã hội. Một vài con trâu, bò được mua về, ông cùng gia đình chăm chút cẩn thận. Thăm thoát thoi đưa, chẳng mấy chốc số trâu, bò ông mua về đã đến tuổi sinh sản và cứ thế ông lại tiếp tục nhân giống đàn trâu, bò. Năm tháng qua đi, bằng việc áp dụng khoa học kỹ thuật và nhân đàn này, đàn trâu, bò của ông ngày càng sinh sôi nhiều lên. Hiện tại ông đã trở thành người đứng đầu trong xã với đàn gia súc lên đến 30 con. Năm ngoái, gia đình ông đã lựa bán bớt một số con gia súc, thu về 100 triệu đồng. Cứ thế, trên đà thắng lợi ông lại tiếp tục phát triển kinh tế trang trại chăn nuôi đại gia súc theo quy mô lớn hơn, chẳng mấy chốc mà gia đình ông thoát khỏi cảnh đói nghèo, chạy ăn từng bữa. Cuộc sống sinh hoạt trong gia đình được cải thiện rõ rệt.

Khi gia đình ông có của ăn của để thì cũng là lúc dự án trồng cây cao su được đưa về xã. Rất nhiều người dân nơi đây vẫn còn hoang

mang vì dự án bất khả thi này. Họ cho rằng quanh năm làm lụng trồng lúa, trồng ngô còn không đủ ăn, giờ lại chuyển sang trồng cây cao su thì cả bản chết đói. Qua tìm hiểu, thấy đây là loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, lại được Nhà nước hỗ trợ giống, phân bón và khoa học kỹ thuật. Nhận thấy đây mới là con đường làm ăn cho thu nhập cao và ổn định, cần phải thuyết phục bà con chuyển hướng canh tác mới mong thoát khỏi cảnh đói nghèo. Trước tiên để bà con dân bản tin và nghe theo dự án này của Nhà nước, ông mạnh dạn cùng gia đình nhận thầu tới 5 ha đất rừng của địa phương để trồng cây cao su. Thời gian đầu, do chưa hiểu hết về đặc tính và cách chăm sóc cho cây cao su nên gia đình ông cũng gặp phải một số khó khăn. Tuy nhiên cả nhà cùng đồng lòng, bảo ban nhau, hăng say lao động, tìm hiểu và áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc chăm sóc, tỉa cành vun đất cho cây, chẳng mấy chốc cây cao su đã ăn sâu bám rễ và xanh tốt trên đồi đất Thượng Trạch. Hiện giống cây cao su được đem từ miền Đồng Nai xa xôi về đang vươn lá, vươn cành, đón nắng gió trong khu trang trại của gia đình ông, hứa hẹn sẽ đem lại cho gia đình những nguồn thu lớn từ chính dòng nhựa trắng trong. Rất nhiều người dân Ma Coong thấy cách làm này của ông hiệu quả đã học tập và làm theo.

Nhờ đó cuộc sống của bà con nơi đây đã cải thiện rõ rệt. Đến Thượng Trạch ngày nay chúng ta sẽ không còn phải chứng kiến cảnh đói ăn, vác rá đi vay gạo những ngày giáp hạt nữa. Cuộc sống ấm no rộn vang khắp bản làng. Có được điều đó là nhờ người dân nơi đây đã biết chuyển đổi cơ cấu sản xuất.

Từ một người Ma Coong ít học nhưng nhờ nhanh nhẹn và đầu óc dám nghĩ, dám làm nên ông đã trở thành tấm gương để người Ma Coong đem ra làm niềm tự hào. Học tập cách làm ăn phát triển kinh tế của ông, rất nhiều bà con trong bản đã quy hoạch, tiến hành canh tác trên diện tích rừng đồi của mình, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhất là đại gia súc, tích cực tổ chức sản xuất xóa đói, giảm nghèo, từng bước vươn lên ổn định cuộc sống.

Ngày nay, nếu có tìm lên xã Thượng Trạch, vào nhà ông Đình Hợp, ngắm nhìn cơ ngơi khang trang của gia đình ông, ai cũng bất ngờ khi nghe kể ông vốn là một thanh niên xuất thân từ nghèo khó, đói khổ. Ngoài diện tích ruộng nương, mô hình chăn nuôi đại gia súc, làm trang trại, ông còn là hình mẫu để người Ma Coong ở 8 thôn bản trong xã học làm theo.

Nhờ việc đi trước làm gương của ông Hợp nên hiện tại, ngoài 500 ha đất canh tác, tổng đàn gia súc của xã cũng đã lên đến gần 3.000 con. Xã và

các thôn bản đã chấm dứt hoàn toàn việc trao đổi hàng hóa thông qua “hàng đổi hàng”.

Chưa đầy 30 năm sau khi “ra khỏi rừng”, với sự hỗ trợ, tự lực đi lên và thông qua tấm gương ông Đinh Hợp, hiện tại nhiều hộ gia đình người Ma Coong ở Thượng Trạch đã mua sắm được các phương tiện nghe nhìn để nắm bắt thông tin. Toàn xã đã có 32 hộ có ti vi, 50 hộ đã tự mua được xe máy để đi lại và vận chuyển hàng hóa.

(Theo *ĐT*)

NGƯỜI CỰU CHIẾN BINH LÀM KINH TẾ GIỎI

Với thu nhập khoảng 150 triệu đồng một năm là phần thưởng xứng đáng dành cho một người lính xuất ngũ, người nông dân năng động, dám nghĩ, dám làm. Bằng ý chí và nghị lực kiên cường của một người lính, ông Nguyễn Văn Ba đã từng bước vượt lên nghèo khó để trở thành ông chủ trang trại, là tấm gương tiêu biểu cho tinh thần vượt khó vươn lên làm giàu tại thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, cha lại mất sớm, mấy mẹ con dựa vào nhau để sống. Mấy năm sau anh trai lập gia đình và tách ra ăn riêng nên ông Ba phải một mình nuôi mẹ già với hai bàn tay trắng. Năm 1979, ông tình nguyện lên đường nhập ngũ và mong muốn ở lại phục vụ lâu dài trong quân đội. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình lúc đó gặp nhiều khó khăn, mẹ già ngày càng yếu đi nên ông phải từ bỏ ước mơ quân ngũ của mình. Năm 1989, ông xuất ngũ trở về địa phương và

lập gia đình. Tài sản của gia đình ông khi đó chỉ có 2 sào đất vườn. Ruộng đất bạc màu, thu nhập hằng năm không đủ để trang trải cho cuộc sống gia đình với 7 miệng ăn. Hằng ngày, ngoài làm mấy sào ruộng và chăn nuôi lợn, gà, vợ chồng ông xoay xở đủ nghề để kiếm kế sinh nhai. Nỗ lực, cố gắng là vậy nhưng gia đình ông vẫn không thoát khỏi cảnh ăn bữa sáng lo bữa tối.

Không nản lòng, với bản lĩnh kiên cường đã từng được tôi luyện trong quân ngũ cộng với bản chất cần cù, siêng năng, ông đã động viên vợ cùng nhau cố gắng vượt qua những khó khăn ban đầu và quyết tâm lao động sản xuất để vươn lên sao cho các con có được bữa ăn no và được cấp sách tới trường. Sau nhiều trăn trở, toan tính, giữa năm 2005, ông bàn với vợ phải chuyển đổi cơ cấu sản xuất, không thể chỉ bám vào đồng ruộng mãi được. Bởi chỉ có chuyển đổi mới mong thoát được nghèo đói, cải thiện đời sống gia đình. Hai vợ chồng bàn đi tính lại ngày này qua ngày khác vẫn chưa tìm ra được hướng sản xuất hiệu quả. Thế rồi ông nảy ra sáng kiến chuyển hướng từ sản xuất trồng trọt theo mùa vụ sang chăn nuôi với quy mô lớn. Tính là vậy, nhưng làm thì không dễ. Có thực mới vực được đạo. Muốn đầu tư làm ăn ngoài ý chí, nghị lực và tinh thần còn cần phải có vốn. Hoàn cảnh

nhà ông lúc này cơm còn chẳng đủ ăn thì lấy đâu ra tiền mà đầu tư. Ông lại suy nghĩ, tìm cách huy động nguồn vốn. Rất may, Ngân hàng Chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho gia đình ông vay với mức lãi suất thấp, vì vậy ông đã có vốn để phát triển kinh tế trang trại.

Được sự đồng ý hỗ trợ vốn từ ngân hàng, vợ chồng ông đã mạnh dạn làm đơn vay 100 triệu đồng để đầu tư xây dựng khu trang trại chăn nuôi. Có tiền ông bắt tay ngay vào xây dựng hệ thống chuồng trại khép kín để nuôi heo và mở rộng 200 m² diện tích mặt ao để thả cá. Đầu năm 2006, ông thả 20 ngàn con cá tràu lai, kết hợp nuôi heo thịt. Với quan điểm thiếu thì vay, không biết thì hỏi, ông đã mày mò tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm, cách chăm sóc, phòng dịch cho heo và cá qua sách báo, đài, tivi, những người bạn nghề nhằm bảo đảm cho heo và cá sinh trưởng, phát triển ổn định. Chuồng trại nuôi heo luôn được ông dọn rửa sạch sẽ, thoáng mát. Ao cá được kiểm tra thau rửa theo định kỳ. Nguồn thức ăn cho heo và cá luôn được ông chú trọng, pha trộn đúng tỷ lệ theo từng chu kỳ sinh trưởng và phát triển nhất định. Nhờ sự tận tụy, tinh thần hăng say lao động của cả gia đình ông, đàn cá và đàn heo luôn khỏe mạnh, sinh trưởng và phát triển tốt. Sau bốn tháng, cá và heo đã được xuất ao, chuồng. Trừ tất cả chi phí

giống, thức ăn chăn nuôi gia đình ông được thu về trên 40 triệu đồng tiền lãi.

Thành công, vợ chồng ông lại tiếp tục mở rộng quy mô chăn nuôi với 600 m² ao thả cá và nối thêm diện tích chuồng trại để nuôi lợn. Để bảo đảm cho công việc chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao, ông Ba còn tích cực tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật về chăn nuôi và thường xuyên cập nhật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình chăm sóc vật nuôi nhà mình. Do đó, đàn heo, đàn cá của ông luôn phát triển tốt, tránh được dịch bệnh.

Ngoài ra, ông Ba còn tận dụng diện tích mặt nước để nuôi vịt siêu thịt. Mỗi năm ông xuất bán trên 200 con với trọng lượng 3kg/con. Từ năm 2008 đến nay, vịt từ đàn vịt gia đình ông thu lãi trên 25 triệu đồng/năm sau khi đã trừ chi phí giống và thức ăn. Bên cạnh đó, với 3 sào ruộng, gia đình ông cũng thu hoạch được 1,5 tấn thóc/năm và các loại rau màu theo mùa vụ đủ để cung cấp lương thực và rau sạch cho gia đình, đồng thời bổ sung thêm thức ăn cho vịt, lợn, cá, góp phần giảm bớt chi phí trong đầu tư chăn nuôi.

Nhờ sự nỗ lực kiên trì và sự phấn đấu không mệt mỏi của cả gia đình, đến nay gia đình ông Ba không những đã đủ ăn, trả hết nợ nần, còn xây dựng được nhà cửa khang trang, mua sắm

tiện nghi sinh hoạt đầy đủ. Với diện tích 600m² ao thả cá được đắp bờ chắc chắn, thả chủ yếu là cá tràu lai, 50 con lợn thịt và 10 con lợn nái, mấy trăm con vịt đẻ đã mang lại cho gia đình ông một cuộc sống no đủ. Chuồng trại, ao nuôi luôn được cải tạo ngăn nắp, hợp vệ sinh, thậm chí từ nguồn thải của đàn lợn ông còn làm được thành chất đốt để cung cấp nhiên liệu cho việc đun nấu. Cơ sở chăn nuôi của ông được quy hoạch khang trang, ruộng, vườn, ao chuôm thường xuyên được nâng cấp. Trong 3 năm trở lại đây, mỗi năm gia đình ông thu lãi khoảng 150 triệu đồng.

Niềm vui lớn nhất mà ông đạt được đó là các con ông được cấp sách đến trường. Ông có bốn người con, các con ông đều chăm ngoan, học giỏi, hiện hai người đang theo học đại học và cao đẳng.

Để có được những thành công bước đầu như ngày nay, gia đình ông Ba đã trải qua biết bao khó khăn, gian nan, thậm chí là cả thất bại. Có những lúc vật nuôi bị bệnh, hay giá cả bấp bênh tưởng chừng như không thể vượt lên được. Thế nhưng bằng ý chí và nghị lực, không ngại khó, ngại khổ, từng bước vươn lên, ông đã tìm tòi những phương thức thức sản xuất thích hợp để phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

Thành công, ông đã đem kinh nghiệm của mình chia sẻ với bà con trong thôn xóm, bất cứ ai hỏi cũng được ông hướng dẫn cẩn thận. Đối với những hộ có hoàn cảnh khó khăn ông còn cho vay không tính lãi, giúp họ vươn lên làm kinh tế để thoát nghèo. Noi gương ông, nhiều hộ nông dân trong xã quyết tâm vươn lên làm ăn, thoát nghèo, trong đó có những hộ được ông định hướng giúp đỡ nay kinh tế còn khá giả hơn so với hộ gia đình ông. Tuy vậy, ông không lấy đó làm buồn mà rất vui mừng, phấn khởi vì bộ mặt thôn xóm quê hương ngày một đổi mới.

Bên cạnh đó, ông tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương do Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh phát động. Ông là hạt nhân nòng cốt trong các phong trào thi đua nông dân, cựu chiến binh làm kinh tế giỏi. Nhiều năm liền ông vinh dự được Hội Nông dân xã Duy Trung công nhận là nông dân giỏi cấp xã; gia đình ông được bình xét là hộ gia đình sản xuất kinh doanh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và được địa phương cử đi báo cáo điển hình về thành tích của bản thân tại các Hội nghị điển hình “Nông dân sản xuất giỏi” các cấp. Đặc biệt, tháng 3-2010, tại Hội nghị điển hình tiên tiến tỉnh Quảng Nam, ông được vinh dự nhận giấy khen của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh vì đã đạt được thành tích xuất sắc trong sản xuất

kinh doanh, phát triển kinh tế hộ, góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Ông tâm sự: “Có được kết quả hôm nay, bên cạnh sự phấn đấu không ngừng của hai vợ chồng tôi, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, chính quyền và sự giúp đỡ, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật của Hội Nông dân và Trung tâm Khuyến nông đã tạo động lực không nhỏ để tôi phấn đấu vươn lên”.

(Theo *Đặng Văn Tính*)

GUƠNG SẢN XUẤT GIỎI CỦA MỘT NÔNG DÂN Ở XÃ VÙNG CAO TÂY GIANG

Từ những hoạt động thiết thực và hiệu quả của phong trào sản xuất kinh doanh giỏi của nông dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, đến nay các mô hình kinh tế phát triển đa dạng và những tấm gương nông dân dám nghĩ, dám làm, cần cù, sáng tạo, từng bước vươn lên làm giàu chính đáng bằng chính đôi tay, khối óc của mình xuất hiện ngày càng nhiều, được nhân rộng, trong đó có hộ gia đình anh Hồ Thành Tâm ở thôn Thượng Giang 2, xã Tây Giang.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo thuộc xã vùng cao Tây Giang, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ là giáo viên trung học cơ sở rủi ro bị tai nạn thương tật 82% vĩnh viễn, con còn nhỏ đang đi học. Trong hoàn cảnh gia đình như vậy, là lao động chính trong gia đình, anh Hồ Thành Tâm nhiều đêm trăn trở làm thế nào để thoát khỏi cảnh khó khăn, vươn lên làm giàu bằng sức lao động và trí óc của

mình. Anh suy nghĩ, muốn thoát khó khăn thì không có cách nào khác là phải đổi mới cung cách làm ăn, không thể độc canh cây lúa mà phải thâm canh kết hợp với chăn nuôi và làm dịch vụ tổng hợp. Đây là cách làm có hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện như gia đình anh mà các nơi khác đã thực hiện thành công.

Từ suy nghĩ ấy anh Tâm quyết tâm thực hiện bằng cách mở rộng quy mô sản xuất và thực hành tiết kiệm để tạo vốn tích lũy vươn lên theo phương châm bằng số vốn ban đầu ít ỏi, làm sao giảm được vốn đầu tư thấp nhất, tìm ra cây trồng, vật nuôi, tìm ra các loại hình dịch vụ phù hợp với đồng vốn và nguồn nhân lực mà vẫn đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Theo đó, anh Tâm chọn cây ngô lai, cây thuốc lá, cây đậu phộng và cây lúa để sản xuất trên diện tích đất mà gia đình hiện có (13 sào lúa 3 vụ, 9 sào đất màu). Bình quân trong năm, tổng thu từ sản xuất trồng trọt là 25 triệu đồng, trừ chi phí còn thực lãi là 17 triệu đồng.

Để tăng thêm phần thu nhập, gia đình tổ chức nuôi heo thịt hướng nạc với quy mô ngày càng mở rộng, đến nay đàn lợn nhà anh có 100 con mỗi lứa, mỗi năm ba lứa. Trong chăn nuôi anh luôn tuân thủ quy trình kỹ thuật nuôi, nghiêm ngặt các khâu tiêm phòng, chăm sóc, đồng thời sử dụng bể khí Biogas (10 m³) để giảm

ảnh hưởng môi trường khu dân cư. Với kiến thức về nghề nuôi heo do tự học, tự nghiên cứu, kết hợp với kiến thức được hướng dẫn tập huấn do các cấp Hội Nông dân và ngành nông nghiệp chuyển giao, gia đình áp dụng các kỹ thuật mới như sử dụng nước thải khí sinh học Biogas được lọc trong để bổ sung dinh dưỡng cho vật nuôi, sử dụng quy trình lên men lỏng trong chăn nuôi heo, phối trộn thức ăn, nhờ vậy trọng lượng đàn heo tăng trưởng nhanh và có chất lượng cao được thị trường ưa chuộng. Bình quân 1 năm gia đình anh thu nhập từ nuôi heo khoảng 500 triệu đồng, trừ chi phí còn lãi ròng 88 triệu đồng.

Đồng thời với sản xuất trồng trọt và chăn nuôi, gia đình anh còn mở ra dịch vụ kinh doanh tổng hợp với các mặt hàng công nghiệp thực phẩm, nông sản và giống cây trồng ở chợ Đồng Phó, làm đại lý thức ăn gia súc. Tổng lãi ròng thu được từ dịch vụ này mỗi năm khoảng hơn 200 triệu đồng.

Đã từng nếm trải sự thiếu đói của chính mình trước đây nên anh Tâm rất thấu hiểu được nỗi khó khăn, vất vả của người khác. Anh luôn giúp đỡ, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, thông báo giá cả thị trường của các sản phẩm nông nghiệp trong từng thời điểm cho trên 400 hộ nông dân trong vùng.

Ngoài ra, anh còn dùng máy vi tính nối mạng của gia đình hướng dẫn cho các thành viên trong Câu lạc bộ Nông dân ứng dụng internet, cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật tiên tiến trên mọi lĩnh vực giúp cho các thành viên trong Câu lạc bộ và cho đông đảo nông dân ở địa phương ứng dụng để làm thế nào chi phí trong sản xuất thấp nhất, đem lại lợi nhuận cao nhất. Qua đó, anh em trong câu lạc bộ đã chuyển quy trình nuôi heo nội sang nuôi heo ngoại, đem lại hiệu quả kinh tế cao, trong đó nhiều hộ đã mở rộng quy mô nuôi từ 50-100 con/lúa.

Khi đã có của ăn của để, hằng năm gia đình anh trích một phần tiền của mình, số tiền khoảng 200 triệu đồng để giúp cho trên 20 hộ nghèo ở địa phương có vốn làm ăn. Từ năm 2010 số tiền này tăng lên 500 triệu đồng với mong muốn có thêm nhiều hộ nông dân nghèo được giúp đỡ vượt khó vươn lên. Hiện nay gia đình anh đầu tư giúp đỡ trên 50 hộ về giống cây trồng, vật tư nông nghiệp trong trồng trọt, con giống và thức ăn chăn nuôi tùy theo quy mô lớn nhỏ. Mức hỗ trợ cao nhất là 50 triệu đồng/hộ, thấp nhất là 2 triệu đồng/hộ, khi thu hoạch thì trả lại vốn mà không tính lãi. Ngoài ra, anh còn tạo việc làm cho lao động thường xuyên có thu nhập ổn định từ 1,8 triệu đồng đến 2 triệu đồng/người/tháng và

giúp đỡ hàng chục hộ vươn lên thoát nghèo, có hộ vươn lên làm giàu như hộ ông Trần Văn Tình, hộ ông Nguyễn Quang Bình, hộ ông Nguyễn Thọ cùng ở địa phương.

Là hội viên Hội Nông dân xã và với ý thức của một công dân ở địa phương, anh Tâm thường xuyên tham gia tích cực các hoạt động xã hội, luôn gương mẫu và vận động bà con nông dân thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội, tăng cường đoàn kết trong cộng đồng dân cư, thực hiện quy chế dân chủ nơi cư trú, góp phần xây dựng tổ chức Hội Nông dân, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Theo anh Tâm, có được kết quả như ngày hôm nay, trước hết là bản thân các thành viên trong hộ gia đình phải quyết tâm, dám nghĩ, dám làm; phải quản lý tốt lao động, thời gian, kỹ thuật, vật tư, tiền vốn; phải nắm bắt kịp thời các thông tin trên lĩnh vực khoa học mới, kỹ thuật tiên tiến; cộng vào đó là sự giúp đỡ của các cấp, ban ngành, đoàn thể địa phương, trong đó không thể thiếu sự giúp đỡ của Hội Nông dân tạo điều kiện học tập, tập huấn kỹ thuật, tập huấn quản lý kinh tế và tham khảo học hỏi các mô hình làm ăn kinh tế giỏi.

Năm 2000 anh Tâm vinh dự được Hội Nông dân huyện bầu đi dự Hội nghị Nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh, năm 2005 dự Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Bình Định lần thứ tư, năm 2007 dự Hội nghị đại biểu nông dân sản xuất giỏi toàn quốc lần thứ ba tại Hà Nội và được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam công nhận và tặng Bằng khen nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp quốc gia, năm 2010 dự Hội nghị biểu dương nông dân điển hình tiên tiến tỉnh Bình Định lần thứ III và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định tặng Bằng khen.

(Theo *Đào Minh Trung*)

TỶ PHÚ NƠI ĐẠI NGÀN

Theo Tỉnh lộ 8, từ huyện Cư M'ga để dẫn lên Ea Tul, hai bên vệ đường ngăn ngắt màu xanh của cà phê, cao su. Bộ mặt của Ea Tul đang thay đổi từng ngày.

Trước một Ea Tul sầm uất với rất nhiều những cá nhân, các hộ gia đình như Ysiem Nie, Ykhắt Nie, Ma Tiêu, Yjer Ktla được coi là những tỷ phú nếu lấy tiền tỷ ra làm mức để đánh giá. Hiện lên trước mắt chúng tôi là một ngôi nhà được xây theo kết cấu hiện đại mà chủ nhân của nó là một người Ê Đê thực thụ - anh Y'deh Ayun ở buôn Phong.

Một ngôi nhà đồ mái bằng rộng hàng trăm mét vuông nằm giữa một không gian xum xuê cây trái. Một chiếc xe hơi cỡ hơn nửa tỷ đồng đỗ chênh chếch trước sân, rồi hàng loạt những vật dụng đắt tiền được sắp xếp ngăn nắp trong nhà đã nói lên chủ nhân của nó là người như thế nào. Nhìn khung cảnh ấy ai cũng phải khẳng định Ayun là một tỷ phú. Nhưng không mấy ai biết được quá khứ đói nghèo và sự nỗ lực vươn lên làm giàu của anh. Bằng giọng hết sức vui

về, anh Ayun nói: “Mình mới đổi đời cách đây mấy năm thôi. Trước, cũng như lũ làng, mình nghèo đói lắm”.



Theo anh Ayun, trước khi bị vợ bắt về làm chồng, anh được gia đình nhà vợ chia cho 3 ha đất để mưu sinh. Vì lạc hậu về suy nghĩ, cũng như các cụ, anh dành toàn bộ 3 ha đất ấy vào chọc, chĩa mấy thứ cây nông nghiệp truyền thống như lúa, bắp và mì. Những thứ cây này thường phụ thuộc vào tự nhiên, lại thêm cách canh tác lạc hậu nữa nên gặp năm “trời chiều lòng” thì cho nó về nhà nhiều, năm bị “trời ghét” thì cho nó về nhà ít. Mà hầu như năm ít bao giờ cũng nhiều hơn năm nhiều nên gia đình anh thường xuyên bị đói ăn, đứt bữa.

Anh Ayun tâm sự: “Trước cái đói nghèo quay quắt này thì cán bộ đến bảo: Tây Nguyên trong

đó có Ea Tul của mình có thể mạnh về các cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu. Vậy nên nếu muốn đủ ăn, muốn giàu thì bà con phải chuyển đổi nhận thức, chuyển đổi cách thức canh tác. Nghĩa là phải chuyển lối trồng trọt từ trồng các loại cây nông nghiệp thông thường cho năng suất và thu nhập thấp như lúa, bắp, mì sang các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao lại phù hợp với đất đai, khí hậu ở đây như cà phê, cao su và hồ tiêu.

Khi nghe cán bộ nông nghiệp nói vậy không chỉ mình mà bà con dân bản ai cũng lo ngại. Vì nếu ưu tiên đất cho cái cây ấy thì lấy đâu ra thóc, bắp, mì để cho vào bụng nữa. Để giải tỏa thắc mắc, lo lắng cho bà con, cán bộ đưa ra lối trồng xen. Nghĩa là những năm đầu, các loại cây trên chưa có tán thì có thể trồng xen các loại cây lương thực trên cùng một diện tích đất trồng cà phê, cao su. Một công đôi việc, vừa làm cỏ, vừa chăm bón cho các cây lương thực như lúa, bắp, mì, đồng thời lại chăm sóc được cho các cây công nghiệp luôn. Để chúng tôi tin, cán bộ còn cấp tiền cho một số hộ dân ham học hỏi đi tham khảo các mô hình canh tác theo kiểu này trên địa bàn tỉnh. Được nhìn tận mắt cách làm của các địa phương khác, nhiều người đã nghe theo và về triển khai trên diện tích đất canh tác nhà mình. Một năm, hai năm qua đi,

thấy mô hình này hay, thế là nhiều hộ khác cũng học theo”.

Hộ gia đình anh Ayun cũng vậy, sau khi tham quan và học hỏi được kinh nghiệm, anh cảm thấy rất hứng thú, tin tưởng vào sự hướng dẫn của các cán bộ nông nghiệp. Trở về, anh truyền đạt lại, bàn bạc với vợ. Vợ chồng anh cùng thống nhất triển khai trồng đại trà cà phê trên toàn bộ diện tích 3 ha đất nhà mình. Năm tháng chuyên cần làm lụng, vợ chồng con cái chung sức, đồng lòng bảo ban nhau cùng vượt khó. Mọi trở ngại được đẩy lùi. Vườn cà phê nhà anh nhờ sự chăm bón, tỉa cành và biết cách áp dụng khoa học kỹ thuật cứ thế lớn nhanh, vươn cành, trổ hoa, đậu quả và cho thu hoạch đúng mùa vụ. Ngoài ra số cây lương thực trồng xen cũng cung cấp đủ lương thực cho cả gia đình no ấm. Chẳng mấy chốc gia đình anh đã thoát khỏi đói nghèo. Anh bắt đầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ khi vợ anh sinh đứa con thứ hai. Vậy là từ lúc lọt lòng đến khi cháu đủ tuổi đi mẫu giáo thì cả 3 ha đất nhà anh đã kín bung cà phê và cho thu hoạch đại trà. Với 3 ha đất trồng, từ ngày cây cà phê bước vào tuổi kinh doanh năm nào cũng cho thu nhập trung bình trên 1 tỷ đồng. Anh Ayun vui vẻ: “Cà phê nhà mình bước vào tuổi kinh doanh 3 năm rồi. Năm đầu, mình dùng tiền để xây nhà. Năm thứ 2 mình dùng

tiền để mua sắm vật dụng sinh hoạt và đầu tư cho con ăn học. Năm nay, tiền bán cà phê, ngoài dành cho sinh hoạt thì mình và vợ quyết định mua cái xe ô tô này để dùng cho việc đi lại”.

Nếu ai đã từng đến Đắk Lắk, đã từng có hành trình vượt Ea Tul mà lên Biển Hồ những năm trước theo Tỉnh lộ 8 thì hẳn sẽ có những kỷ niệm khó quên với tuyến đường này. Sập sệ, bụi mù và vất vả vô cùng nếu men theo tuyến đường này để đến với Ea Tul. Cách đây vài năm, không kể số hộ nghèo, riêng số hộ thiếu đói và dứt bữa ở đây đã chiếm tới gần 40%. Trước những con số thiếu đói nhức lòng này, bằng các văn bản đề xuất, bằng sự chú ý, trong 10 năm đã có 100 tỷ đồng thuộc các nguồn được đầu tư về đây.

Tiền về, 13 thôn, buôn của Ea Tul đã được đầu tư đường. Để dân chủ động nước cho sản xuất, 3 hồ thủy lợi cũng đã được đầu tư, cùng với đó là 4 trường học, 1 bệnh xá và 10 nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng cũng đã được xây dựng. Có trường, trẻ được khuyến khích đến lớp, học chữ, nâng cao dân trí. Có nhà sinh hoạt cộng đồng, lũ làng được mời đến để gặp gỡ nhau, cùng nhau trao đổi học hỏi kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Trong những lần sinh hoạt này, cũng như anh Ayun, nhiều hộ gia đình đã biết chuyển từ trồng cây lương

thực đơn thuần sang trồng các loại cây công nghiệp vốn là thế mạnh của đất Ea Tul. 3.234 ha cà phê, 445 ha cao su là những con số minh chứng cho sự chuyển đổi canh tác hiệu quả trên đất này. Theo thời gian, Ea Tul đã có sự đổi thay đến chóng mặt.

Từ việc chuyển đổi nhận thức, chuyển đổi tập quán canh tác này, vài năm gần đây Ea Tul đã có những bước đi khá dài trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo của mình. Hộ thiếu đói dứt bữa đã không còn, thay vào đó là 70% các hộ gia đình thuộc diện giàu và khá. Nhờ việc chuyển mình đến ngoạn mục này mà 100% các hộ gia đình ở 13 thôn, buôn đã mua sắm được các phương tiện nghe nhìn hiện đại. Riêng thôn Sah A, nơi sinh sống của 600 hộ gia đình công giáo với 3.133 tín đồ, ngoài tinh thần đoàn kết, sống tốt đời đẹp đạo thì hộ nghèo ở vùng đất vốn được coi là “rốn nghèo” chỉ còn lại trên 10%.

Theo đà phát triển mới này, chẳng mấy chốc mà 100% người dân nơi đây thoát khỏi cảnh nghèo khó và từng bước tiếp cận với sự giàu sang, phú quý. Mời bạn cùng đến với Ea Tul, đến với những thay đổi tiếp theo của vùng đất này.

(Theo *ĐT*)

GIÀU LÊN TỪ NUÔI NAI

Chị Nguyễn Thị Hòa là một trong những gương tiêu biểu trong phong trào phụ nữ hăng say phát triển kinh tế của thôn Hòa Phong, xã Đắc Sắk huyện Đắc Mil tỉnh Đắc Nông. Với tinh thần sáng tạo, cần cù, không ngại khó, ngại khổ, chị Hòa đã mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu sản xuất cây trồng, vật nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong đó, với mô hình nuôi nai kinh tế, mỗi năm gia đình chị đã thu về được từ 50 đến 55 triệu đồng tiền lãi sau khi bán nhung và nai giống. Cũng từ mô hình nuôi nai của gia đình chị Hòa mà rất nhiều hộ nông dân trong thôn đã chuyển đổi thành công cơ cấu sản xuất từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang nuôi nai, mang lại một nguồn thu nhập ổn định, giúp cải thiện cuộc sống gia đình.

Chị Hòa cho biết, trước khi chuyển sang nuôi nai gia đình chị chủ yếu là chăn nuôi heo (lợn), tuy nhiên nuôi heo vất vả nhưng lợi nhuận không cao. Đó là chưa kể đến những rủi ro, thậm chí là mất trắng khi heo bị bệnh hay giá cả thị trường bấp bênh lúc lên, lúc xuống.

Nhưng nếu không chăn nuôi thêm mà chỉ bám vào đồng ruộng, quanh năm sản xuất vài vụ lúa, màu thì cũng chỉ đủ ăn chứ không có tiền dư dả để cho con cái học hành, xây dựng nhà cửa hay phòng lúc đau yếu, bệnh tật. Suy đi tính lại, chị thấy chỉ có đầu tư vào chăn nuôi theo phương thức kinh doanh dịch vụ mới có thể sinh lời. Sau nhiều đêm trằn trọc suy nghĩ, chị vẫn không biết nên chăn nuôi con vật gì vừa dễ nuôi, ít bệnh tật mà vẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao. May mắn mỉm cười với chị, trong một lần tình cờ sang nhà hàng xóm chơi, được biết nhà họ chỉ nuôi 2 con nai mà bình quân hằng năm thu về đến 45 triệu đồng tiền lãi. Số tiền lãi đó là niềm ước ao bao năm nuôi lợn vất vả mà chưa bao giờ chị đạt được. Điều chị đặc biệt quan tâm là nuôi nai rất nhẹ nhàng, ít tốn công mà hiệu quả kinh tế thu về lại cao. Như vớ được vàng, về nhà chị bàn với chồng quyết định bỏ nghề nuôi heo, chuyển sang nuôi nai.

Sau khi thống nhất chuyển đổi hướng chăn nuôi, vợ chồng chị gom góp tiền bạc trong gia đình, sang nhà hàng xóm mua một con nai giống về nuôi thử, với giá 14 triệu đồng. Từ con giống ban đầu, chị vừa nuôi, vừa học hỏi kinh nghiệm trực tiếp từ người bạn nuôi hàng xóm, đồng thời tìm mua những sách báo hướng dẫn kỹ thuật nuôi nai về tham khảo thêm. Sau một

thời gian nuôi thử, thấy việc nuôi nai không phức tạp, nai ít bệnh tật, ốm đau, lớn nhanh lại sớm cho thu hoạch (nếu nuôi từ bé thì 2 năm là nai đực cho lấy nhung, nai cái sinh con). Để có thêm thu nhập và nhân đàn chị quyết định mua thêm 1 cặp nai giống nữa (1 cái + 1 đực) với giá 40 triệu đồng về nuôi. Một năm sau, nai đực cho nhung, chị bán được 10 triệu đồng/cặp nhung, đồng thời 2 con nai cái cũng đẻ được 2 con nai con. Chị chăm sóc nai con đến 3 tháng tuổi và xuất bán với giá 20 triệu đồng/con. Sau một năm nuôi nai, gia đình chị đã thu về gần đủ số vốn ban đầu mà trong chuồng vẫn luôn duy trì được 3 con nai giống. Theo tính toán của chị thì chi phí cho 1 con nai từ khi mới đẻ đến khi cắt nhung chỉ mất 1,2 triệu/con/đợt lấy nhung. Nai nuôi 2 năm tuổi thì có thể lấy nhung, nếu chăm sóc tốt thì một năm cắt nhung 2 lần. Mỗi năm một con nai đực có thể cho 7,2 kg nhung, bán được 64,8 triệu đồng.

Chị Hòa chia sẻ, nuôi nai có nhiều triển vọng vì nuôi nai không khó, ít tốn kém nguồn thức ăn. Thức ăn cho nai lại rất đa dạng. Ngoài các loại cỏ, lá cây còn có thể tận dụng các phế phẩm trong gia đình. Hằng ngày chị và gia đình thường cắt cỏ, lá cây, thu lượm bờ rưng và nhiều phụ phẩm khác trong gia đình để cho nai ăn. Đến giai đoạn sắp lấy nhung chỉ cần bổ sung

thêm cho nai một lượng thức ăn giàu chất dinh dưỡng như mầm giá đỗ, bột ngô, bột đậu tương và các loại vitamin tổng hợp (chi phí khoảng 1 triệu đồng/con/đợt lấy nhung).

Theo tính toán của chị Hòa, với 3 con nai giống, hằng năm gia đình chị thu về bình quân 50 đến 55 triệu đồng từ bán nhung và nai giống. Chị dự định sang năm sẽ nhân thêm đàn nai nuôi sinh sản để bán giống.

Ngoài nuôi nai, chị còn nhận thầu thêm 3 ha đất đồi để trồng cà phê tăng thêm thu nhập cho gia đình. Với diện tích 3 ha cà phê đó chị tận dụng nguồn phân nai để bón cây, đồng thời lại giữ gìn được môi trường trong sạch. Phân nai sau khi được ủ hoai mục đem bón cho cà phê góp phần giảm đáng kể lượng phân hóa học phải đầu tư vào sản xuất, nhờ đó mà chi phí đầu tư đã giảm khoảng 10 triệu đồng. Cà phê được bón nhiều phân hữu cơ nên năng suất cao mà lại ít sâu bệnh hại. Với giá bán tại thời điểm hiện nay là 40.000 đồng/kg cà phê, thì từ 3 ha cà phê mỗi năm gia đình chị thu được 120 triệu đồng, sau khi trừ chi phí còn lãi 75 triệu đồng/năm.

Thành công, chị đã đem kinh nghiệm chăn nuôi, trồng trọt của mình chia sẻ với bà con và những chị em trong chi hội phụ nữ có nhu cầu phát triển kinh tế để cùng nhau cải thiện đời

sống gia đình. Từ tấm gương của chị, rất nhiều điển hình phụ nữ làm ăn kinh tế giỏi xuất hiện tại thôn Hòa Phong, xã Đắc SẮk, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

(Theo Nguyễn Thị Minh Hương)

THU NHẬP HÀNG TRĂM TRIỆU ĐỒNG TỪ NGHỀ TRỒNG MAI

Sở hữu khoảng 2.000 gốc mai cảnh, 200 cây quất và một trang trại nuôi heo theo kỹ thuật mới, mỗi năm gia đình chị Nguyễn Thị Thủy ở thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa thu về khoảng 400 đến 450 triệu đồng tiền lãi. Để có được thành công như ngày hôm nay là cả một sự nỗ lực không mệt mỏi của người phụ nữ chân yếu tay mềm trước những biến động không ngừng của thời giá, kinh tế và khí hậu tự nhiên.

Buổi đầu chị Thủy đến với nghề trồng mai Tết chỉ đơn giản là niềm say mê, là một thú chơi. Trước đây vì kinh tế gia đình chưa dư giả nên chị Thủy chỉ dám mua những cây mai thanh lý sau tết về chăm sóc để chơi Tết năm sau cho nhà mình. Yêu thích sắc vàng của những cánh hoa mai, ngày ngày ngoài công việc đồng áng, vườn tược, dạy dỗ con cái, chăm lo cho gia đình, thời gian rảnh rỗi chị lại say sưa bên mấy chậu mai, hết tĩa cành nhặt lá, lại uốn tạo dáng, thế cho cây. Mỗi năm chị lại tạo theo những dáng,

thế khác nhau. Vì thế Tết năm nào nhà chị cũng có những chậu mai đẹp để trưng bày. Nhiều người bạn của gia đình đến chơi thấy chậu mai nhà chị đẹp, lại có tới mấy chậu liền đã khuyên chị đem cho người ta thuê chơi Tết. Đầu tiên chị không muốn, vì tiếc, nhưng được sự động viên của người thân trong gia đình nên chị quyết định chỉ giữ lại một chậu ưng ý nhất để chơi Tết còn lại thì cho thuê. Năm đó từ số tiền cho thuê mai, chị đã sắm sửa được một cái Tết thịnh soạn cho gia đình. Nhận thấy việc trồng mai đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với công việc đồng áng, lại thỏa được niềm đam mê, nên chị quyết định chuyển sang trồng mai bán Tết. Vợ chồng chị gom góp tất cả tiền bạc trong nhà để mua lại những chậu mai thanh lý sau Tết về chăm sóc. Và từ những chậu mai này mà cuộc sống gia đình chị đã dần khá lên. Có thể khẳng định đó là một hướng làm kinh tế rất hiệu quả của gia đình chị Thủy.

Trước kia, chị Thủy chăm mai theo cảm tính, không theo một kỹ thuật cụ thể. Nay chuyển sang trồng mai kinh doanh, chị đặc biệt chú trọng đến tính hiệu quả của nó. Việc chăm sóc mai không đơn giản mà đòi hỏi người chăm phải đầu tư rất nhiều công sức. Chị Thủy đã không ngại ngần bỏ công sức, thời gian tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm trồng và chăm sóc mai trên

sách báo, qua các phương tiện truyền thông. Khi biết Bình Định là nơi có những làng mai và nhiều nghệ nhân trồng mai nổi tiếng, chị đã tìm đến tận nơi học hỏi kinh nghiệm để áp dụng trực tiếp cho vườn mai nhà mình. Quy trình trồng, chăm sóc mai được gia đình chị thực hiện quanh năm. Chị thường xuyên theo dõi, phòng trừ bệnh cho mai, chọn thời gian thích hợp để bón phân, bón đúng cách, đúng loại... Theo kinh nghiệm của chị: “Cây mai không quá kén đất trồng. Bằng chứng cho thấy các loại đất thịt, đất cát pha, đất sét pha, đất phù sa, đất đỏ bazan, thậm chí đất có lẫn đá sỏi... vẫn trồng mai được. Cây mai chỉ kỵ đất bị úng thủy, đất thường xuyên bị ngập lụt”. Việc tưới nước cho mai cũng đòi hỏi sự kỳ công, chỉ nên tưới nước để giữ đủ độ ẩm cho đất chứ không được tưới quá nhiều. Bởi nếu tưới nhiều nước thì rễ mai sẽ bị thối, còn nếu tưới quá ít thì cây sẽ bị chết vì mai không có khả năng chịu hạn, đặc biệt chỉ được tưới vào buổi sáng sớm hoặc buổi chiều tối. Ngoài yếu tố nước, cây mai còn rất dễ bị nhiễm các bệnh sâu đục thân, rầy bông, sâu tơ, sâu nái. Vì vậy, trồng mai luôn đòi hỏi sự quan tâm và chăm sóc đặc biệt của chủ nhân. Bằng kinh nghiệm của mình, chị Thủy cho biết: “Bệnh trên cây mai rất khó biết, khi biểu hiện ra bên ngoài như thân khô, lá vàng cũng là “hết

thuốc chữa””. Vì sự đông đảo, khó tính của cây mai nên ngày ngày chị Thủy lặn lội nơi vườn mai, từ sự thay đổi của thời tiết cũng làm cho chị lo lắng đến mất ăn, mất ngủ. Để có được những cánh hoa vàng tươi rực rỡ, đầy đặn, rồi đến mùi hương, số lượng nụ hoa hay thời gian hoa tàn chị đều phải dựa vào sự thay đổi của thời tiết và vụ mùa để phân chia từng giai đoạn tỉa cành, nhặt lá, bón phân, canh bông một cách hợp lý, khoa học theo đúng chu trình.

Đó mới chỉ là khâu chăm sóc. Để có một cây mai đẹp còn khó hơn nhiều. “Trồng được mai đã là chuyện khó, nhưng tạo được dáng đẹp cho mai lại là chuyện khó hơn, đòi hỏi nhiều ở sự tỉ mỉ, chịu khó, dày công chăm sóc của người trồng” - chị Thủy chia sẻ. Theo chị Thủy, người chơi mai thích chọn mua những cây mai có dáng, thế đẹp, bông nhiều. Một cây mai đẹp phải hội đủ bốn yếu tố “nhất đế, nhì thân, tam cành, tứ nụ”. “Gốc phải thể hiện sự mạnh mẽ và gai góc; thân vươn thẳng thể hiện sự tràn đầy sức sống; cành vươn vừa đủ để khẳng định sự phát triển lại vừa dẻo dai để dễ tạo dáng; nụ tròn đầy với nhiều búp cho hoa đẹp, 5 cánh đều đặn và rực rỡ sắc vàng”. Muốn mai đẹp uyển chuyển, phải dùng kềm tạo dáng cong từ các cành. Hiểu được tâm lý người tiêu dùng, nhờ công tận tụy chăm sóc, Tết năm đó, gia đình chị

đã dành dụm được một số tiền kha khá từ việc bán và cho thuê mai. Trồng cây đã đến ngày hái quả. Nhờ vườn mai, chị Thủy không những đã cải thiện đời sống gia đình mà còn thỏa nguyện được niềm đam mê của mình.



Chị Thủy bên vườn mai của gia đình

Sau thắng lợi ban đầu, vợ chồng chị đã nhân giống mai trên toàn bộ diện tích đất canh tác của gia đình. Hiện nay, với diện tích 2.100m² đất hoa màu, gia đình chị đã có được trên 2.000 gốc mai lớn nhỏ, 200 cây quất. Ngoài ra, chị còn tìm mua thêm cây mới từ các vườn mai khác, kể cả những cây có hình dáng chưa đẹp, chưa đủ tuổi chị cũng mua về rồi ra công chăm sóc, áp dụng kỹ thuật để tạo lại dáng, thế để tăng thêm

giá trị của cây. Vì vậy, trong vườn mai của gia đình chị, có những cây đem lại nguồn thu rất cao, lên đến vài chục triệu đồng. Không chỉ tiêu thụ ở địa phương, chị còn tìm hướng để quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường, vì thế mai của chị còn được bán khắp các tỉnh, thành trong nước. Mỗi năm chị có thu nhập khoảng hơn 300 triệu đồng từ tiền bán và cho thuê mai chơi Tết.

Ngoài trồng cây cảnh, gia đình chị còn đầu tư chăn nuôi heo theo hướng công nghiệp. Mới đầu, mỗi lứa chị chỉ nuôi khoảng 3 đến 5 con. Về sau nhận thấy nuôi heo đem lại nguồn thu nhập khá cao và ổn định, chị quyết định đầu tư thêm con giống và nuôi heo nái. Nghe nói Đồng Nai là nơi có nhiều trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, chị đã mày mò tìm đến tận nơi để tham quan, học tập kinh nghiệm. Vận dụng vào thực tế nhà mình, chị làm chuồng trại theo kiểu công nghiệp, có hệ thống uống nước tự động, hệ thống làm mát, hệ thống hầm Biogas để xử lý phân thải vừa không gây ô nhiễm môi trường lại tận dụng được nguồn khí đốt. Bên cạnh đó, chị lập biểu đồ thức ăn hợp lý cho từng độ tuổi của heo. Ngoài thức ăn công nghiệp chị còn kết hợp làm thức ăn tự chế, tự có, tận dụng lượng thức ăn dư thừa thu gom từ các nhà hàng và của bà con trong xóm. Chuồng trại luôn được cọ rửa sạch sẽ, bảo đảm sự thoáng mát để heo

không bị nhiễm bệnh. Việc phòng bệnh cho heo được chị tuân thủ tuyệt đối. Khi có con heo nào bị bệnh chị cách ly sang khu vực riêng biệt. Để chữa bệnh lở mồm long móng, chị dùng phương pháp dân gian như giã nhỏ lá sấu đông cùng với muối và ít chanh đắp lên móng cho heo, nên chuồng rải cát hạt lớn, thậm chí chị còn truyền nước biển cho heo... Với quy mô chuồng trại và cách nuôi như vậy, hằng năm thu nhập bình quân từ nuôi heo của gia đình chị lên đến trên 100 triệu đồng.

Trồng hoa, cây cảnh hay chăn nuôi heo đều tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro. Để nắm được kỹ thuật chăm sóc cây cảnh, chăn nuôi heo đạt hiệu quả, chị Thủy rất tích cực tham gia các lớp tập huấn do Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư, Chi cục Thú y và các cơ quan khác tổ chức. Bên cạnh đó, chị còn thường xuyên liên hệ với các kỹ sư có chuyên môn để được tư vấn về kỹ thuật, về cách phòng, trị bệnh cho cây trồng và vật nuôi. Chị cho biết, tổng doanh thu hằng năm từ trồng trọt, chăn nuôi của gia đình chị đạt từ 400 đến 450 triệu đồng.

Không những sản xuất, kinh doanh giỏi, chị Thủy còn được bà con quý mến bởi sự nhiệt tình trong công tác xã hội. Hiện nay chị đang đảm nhiệm chức Phó Trưởng thôn - thôn Liên Trì 2, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa. Mặc dù vất

vả nhưng chị luôn vui vẻ, tận tâm với công việc. Đối với các phong trào chung của địa phương, gia đình chị luôn tích cực tham gia như thường xuyên ủng hộ gạo, quà giúp các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, gia đình chị còn hỗ trợ về vốn và giống cho các hộ còn khó khăn để họ cùng vươn lên làm giàu.

(Theo Trần Thị Hoàng Oanh)

LÀM GIÀU TỪ NUÔI LỢN RỪNG LAI

Sinh ra và lớn lên tại xã Hồng Phong - một xã vùng sâu, thiên nhiên không thuận lợi của huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, chàng trai Hà Văn Thanh sớm nhận thấy những khó khăn của quê hương. Vì thế anh luôn tích cực sản xuất, học hỏi kinh nghiệm từ người thân, bạn bè xung quanh để vươn lên làm giàu.

Từ một chàng trai bắt đầu lập nghiệp với hai bàn tay trắng nhưng ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội, anh luôn nỗ lực phấn đấu sản xuất, học hỏi và tiếp thu khoa học kỹ thuật từ trong sách báo và các phương tiện truyền thông đại chúng. Anh còn tham gia tích cực trong các phong trào đoàn, hội của địa phương. Nhờ tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, lại là người năng động, tháo vát, anh được cử tham gia vào lớp chuyển giao kỹ thuật, khoa học do Đoàn thanh niên huyện tổ chức. Sau khóa học, tích lũy được một số kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh, lại được tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi, anh đã mạnh dạn làm đơn vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội và

mạnh dạn đầu tư sản xuất, kinh doanh trên 7 ha diện tích đất nhà mình. Bước đầu đặt chân vào lĩnh vực này anh đã đạt được một số kết quả khả quan, đáng khích lệ. Đó là nhân tố, bước đệm để anh tiến sâu hơn vào lĩnh vực sản xuất, dịch vụ phát triển kinh tế.

Trong một chuyến đi Bình Dương, Hà Văn Thanh tình cờ gặp rất nhiều hộ dân ở đây đã thành công với các trang trại nuôi heo rừng lai. Lân la tìm hiểu, anh thấy so với các loại vật nuôi khác, heo rừng lai mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn hẳn. Với tính tò mò, sự đam mê làm giàu, anh bắt tay tìm hiểu về kỹ thuật nuôi heo rừng lai. Trong đầu anh chợt nảy ra ý tưởng, tại sao mình lại không đưa phương pháp nuôi heo rừng lai này về địa phương để nhân giống, trước hết để phát triển kinh tế cho gia đình, sau nữa là nhân rộng mô hình cho bà con và thanh niên trong thôn cùng nuôi. Nghĩ sao làm vậy, với số vốn tích lũy được, cùng với số tiền vay mượn từ họ hàng, anh đã quyết định đầu tư vào chăn nuôi heo rừng lai.

Anh cho biết, heo rừng là loài động vật hoang dã rất dễ nuôi, việc chăm sóc không khó, ít dịch bệnh, tỷ lệ hao hụt thấp, khi được chăm sóc tốt heo rất mau lớn. Chuồng nuôi heo rừng lai được anh thiết kế rất đơn giản bằng cách xây cột xi măng hay trồng cột gỗ cao khoảng 1m

trên một khoảng sân trống hình chữ nhật, bao quanh bằng lưới B40 và có cửa ra vào chắc chắn. Trong khoảng đất trống trước cửa chuồng anh trồng thêm một số cây to để tạo bóng mát cho heo. Anh bảo, càng trồng nhiều cây to rậm rạp càng tốt vì chúng thích hợp với đặc tính của heo rừng.

Anh cho biết thêm, heo rừng có thể đưa vào chuồng để nuôi nhốt như các dòng heo thuần, nhưng điều kiện sống tốt nhất để heo sinh trưởng ở môi trường thiên nhiên, có hồ nước để heo xuống tắm dễ dàng, có nhà trú mưa nắng, có “sân chơi” rộng cho heo chạy nhảy để tiêu bớt mỡ. Như vậy chất lượng thịt mới thơm ngon. Điều cần chú ý nhất đối với người nuôi heo rừng lai là khu chuồng nuôi phải cách xa khu dân cư và đường sá vì chúng luôn hoảng hốt bỏ chạy khi nghe có tiếng động. Nhờ biết áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi, đồng thời hiểu được tập tính, thói quen của heo rừng lai mà đàn heo rừng lai trong chuồng của anh vẫn duy trì được thói quen sinh hoạt như khi còn sinh sống trong rừng, hơn nữa lại tăng trưởng và phát triển tốt hơn do được chăm sóc chu đáo.

Nguồn thức ăn của heo rừng lai cũng là vấn đề được anh Thanh quan tâm. Là động vật ăn tạp nên thức ăn của heo rừng lai ngoài một ít thức ăn tinh là cám, gạo, hèm bia, bã đậu , anh

còn kết hợp cho chúng ăn thêm các loại củ mì, củ lang, bắp khô, thân cây chuối, cỏ và muối khoáng (tro bếp, đất sét, hỗn hợp đá liếm). Ngoài ra anh cũng thường xuyên dọn rửa chuồng trại, tiêm phòng dịch bệnh, tẩy giun định kỳ cho heo, vì vậy đàn heo trong chuồng nuôi nhà anh sinh trưởng và phát triển tốt, ít dịch bệnh, thịt lại thơm ngon. Chỉ sau mấy tháng, đàn heo trong chuồng nuôi nhà anh đã có thể xuất chuồng với trọng lượng tối đa chừng 40 đến 50 kg với heo cái, 60 đến 70 kg với heo đực. Lứa heo đầu tiên đó đã thu về cho anh được 65 triệu đồng tiền lãi sau khi đã trừ mọi chi phí đầu tư ban đầu.

Sau một thời gian nuôi thử nghiệm, thấy việc nuôi heo rừng lai này thu hồi lại vốn nhanh và cũng dễ nuôi, đầu năm 2009 anh đã đầu tư giống heo rừng lai này cho hai thanh niên trong thôn cùng nuôi và trực tiếp đi liên hệ với một số cơ sở trong và ngoài tỉnh về việc đặt mua con giống để đáp ứng nhu cầu trên địa bàn. Bằng việc đi đầu trong việc nuôi giống heo rừng lai mới, anh đã giúp kinh tế gia đình giàu lên một cách chính đáng, thu nhập bình quân hàng năm đạt từ 250 đến 300 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 4 đến 6 lao động/năm. Bên cạnh đó anh còn giúp đỡ cho các hộ nghèo trong thôn bằng hình thức cho mượn tiền không lấy lãi.

Với tinh thần cố gắng vươn lên làm giàu trên mảnh đất quê hương, anh Thanh vinh dự được Tỉnh đoàn tặng giấy khen “Thanh niên nông thôn sản xuất kinh doanh giỏi năm 2009” và đạt danh hiệu “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” năm 2009 cấp huyện. Bên cạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh làm giàu, anh còn tích cực tham gia sinh hoạt trong các đoàn, hội của địa phương. Anh luôn là tấm gương sáng đi đầu trong mọi hoạt động của đoàn, hội, góp phần không nhỏ vào sự lớn mạnh của chi đoàn thanh niên xã. Mới đây, anh vinh dự là một trong hai gương mặt tiêu biểu của tỉnh được Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn giới thiệu đề nghị Trung ương Đoàn trao tặng giải thưởng Lương Định Của năm 2009.

(Nguồn: Tỉnh đoàn Bình Thuận)

MỘT NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỎI VÀ SÁNG TẠO

Ông Nguyễn Thiện Phương ở ấp Long Quối, xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre không chỉ là một nông dân sản xuất giỏi mà ông luôn có những sáng tạo trong sản xuất, mỗi năm thu nhập hàng trăm triệu đồng, được ngành nông nghiệp huyện đánh giá cao.

Gia đình ông Phương có 2,5 ha, mỗi năm sản xuất 3 vụ, sản lượng thu về hàng chục tấn mỗi năm. Để giảm chi phí trong sản xuất và nâng cao chất lượng lúa gạo đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, ông luôn tìm tòi, học hỏi những tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất như chọn giống, kỹ thuật gieo sạ, cách chăm sóc, bón phân, việc bảo quản lúa sau thu hoạch. Hiện nay, sản xuất lúa của ông hầu như đều được cơ giới hóa ở tất cả các khâu từ gieo sạ đến thu hoạch. Theo ông Phương: “Nhờ cơ giới hóa mà chi phí sản xuất giảm đáng kể so với trước đây làm bằng thủ công, ví dụ như sạ lúa bằng dụng cụ sạ hàng giảm được 50% lượng giống, giảm phân bón và thuốc trừ sâu từ 20 đến 30% so với sạ bằng tay,

nhưng năng suất lại tăng lên đáng kể”. Đến khi thu hoạch ông sử dụng máy gặt đập liên hợp vừa nhanh vừa giảm được chi phí, bình quân 1 ha giảm trên 1 triệu đồng so với thu hoạch thủ công. Từ hiệu quả của việc cơ giới hóa ông đã mạnh dạn đầu tư mua 3 máy sạ hàng, 1 máy cày, 1 máy xới và 1 máy gặt đập liên hợp để chủ động trong sản xuất. Ngoài áp dụng cơ giới hóa, ông còn áp dụng kỹ thuật sử dụng giống có chất lượng cao, bố trí lịch thời vụ thích hợp và áp dụng chương trình “3 tăng - 3 giảm”, nhờ đó sản xuất luôn mang lại hiệu quả cao. Sau thu hoạch ông còn bảo quản tốt hạt lúa, ông đã chế tạo máy quạt lúa, sau khi lúa phơi khô, quạt sạch mồi cho vào kho nên lúa để lâu ngày vẫn bảo đảm được chất lượng tốt, vì vậy lúa của ông luôn bán được giá cao.

Ngoài áp dụng khoa học kỹ thuật cho đồng ruộng của mình, ông Phương còn tận tình giúp đỡ bà con nông dân ở địa phương như cho mượn máy sạ hàng, cung cấp giống mồi để nông dân sản xuất. Trong thời buổi kinh tế hội nhập, người nông dân không chỉ biết tạo ra sản phẩm mà đòi hỏi sản phẩm phải có chất lượng để cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Do đó việc sáng tạo trong sản xuất lúa của ông Nguyễn Thiện Phương là điều đáng trân trọng.

(Theo *Đông Ngâm*)

NGƯỜI NÔNG DÂN SÁNG TẠO TRÊN VÙNG NGỌT HÓA GÒ CÔNG

Dương Văn Thuận cư ngụ tại ấp Thạnh Yên, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là nông dân sản xuất giỏi cấp tỉnh nhiều năm liền, đã miệt mài sáng tạo ra giải pháp kỹ thuật “Bộ phụ kiện phun thuốc bảo vệ thực vật đa năng TY.03” mang lại hiệu quả cao trong việc trừ sâu rầy hại lúa, có khả năng phổ biến rộng rãi chẳng những trên vùng ngọt hóa Gò Công mà còn có thể triển khai áp dụng trên phạm vi cả nước.

Sinh ra và lớn lên trong gia đình làm nông, hằng năm gia đình anh Thuận thu nhập chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp trên diện tích 1,2 ha đất, luân canh lúa - màu. Những năm vừa qua, nhà nông thường phải đối mặt với dịch rầy nâu gây hại mang mầm bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá. Nhiều đêm trằn trọc suy nghĩ, anh Thuận nảy sinh ý tưởng chế tạo giàn phun thuốc để giảm chi phí thuốc và công phun thuốc nhưng mang lại hiệu quả diệt rầy cao nhất.

Qua theo dõi hoạt động của rầy nâu, anh Thuận nhận thấy: Rầy nâu chủ yếu sống dưới gốc và thân cây lúa, nếu phun theo cách cũ (phun đều trên bông) thì không diệt được hết rầy và phun phía trước dễ ảnh hưởng đến sức khỏe. Sau nhiều đêm thức trắng, anh kẻ vẽ sơ đồ giàn phun rồi chỉnh sửa, mang ra thợ hàn chế tạo đúng như bản vẽ. Sản phẩm thiết kế đầu tiên mang về nhưng chưa ưng ý, phải đến lần thứ 3 mới thỏa mãn được yêu cầu... Tháng 7-2008, giàn phun thuốc diệt rầy đầu tiên mang ký hiệu TY.01 (TY là tên viết tắt ấp Thạnh Yên, quê hương anh đang sinh sống) ra đời được áp dụng ngay trên diện tích ruộng nhà. Kết quả thật bất ngờ, rầy chết đặc ruộng, phun nhanh hơn kiểu thông thường rất nhiều.

Sản phẩm đầu tiên cấu tạo vẫn là bơm thuốc bằng tay, phía sau gắn giàn phun diệt rầy gồm bộ khung sắt được thiết kế dài 1,6m với 6 đầu phun (béc) trên một ống dẫn gắn vào thanh sắt. Thanh sắt này có tác dụng gạt thân lúa để đầu phun bơm thẳng vào thân và gốc lúa, nơi có nhiều rầy đeo bám. Toàn bộ trọng lượng của phụ kiện là 10kg với chi phí khoảng 500.000 đồng. Dùng giàn phun này, tỷ lệ diệt rầy trên 90%. Ưu điểm của thiết bị là người phun thuốc kéo phía sau, giàn phun tự động xịt thuốc nên ít bị nhiễm độc cho người sử dụng.

Tuy nhiên, anh Thuận vẫn chưa hài lòng với giàn phun ban đầu. Anh lại mày mò nghiên cứu, tìm tòi, tiếp tục cải tiến giàn phun rây thứ hai mang ký hiệu TY.02. Giàn phun mới với ống dẫn thuốc dài 2,5 m, gắn 8 đầu phun, giàn nặng 11 kg, sử dụng trên cả bình phun bơm tay và bình phun máy, chi phí khoảng 600.000 đồng. Qua thời gian sử dụng giàn phun TY.02, kết quả diệt rầy rất tốt, giảm chi phí 200.000 đồng/ha/một đợt phun. Nhưng khi lúa trở giàn, phun không đáp ứng được do khi thanh gạt đi qua, cây lúa vừa ngóc đầu lên thuốc xịt ngay vào bông lúa, trọng lượng nặng nề và chỉ phun diệt được rầy, không thuận tiện để phun xịt các đối tượng sâu bệnh khác.

Không nản chí, từ thử nghiệm, tham gia hội thảo, anh đúc kết những yếu điểm của giàn phun TY.02. Tháng 2-2009, anh cho ra đời bộ phụ kiện phun thuốc bảo vệ thực vật đa năng TY.03. Giàn phun lần này gọn, nhẹ hơn nhiều, chỉ nặng 3,5 kg, được thiết kế lắp trên thành máy phun, gồm có: hệ thống tay đẩy, bộ khung kèm cặp điều chỉnh ống thuốc lên xuống theo chiều dài thân cây lúa. Ống dẫn thuốc dài 2,6 m, đường kính 1 cm. Trên ống dẫn gắn 9 vòi phun. Mỗi đầu vòi có hàn 2 cái que gạt lúa hình chữ V dài 20 cm. Khi phun rầy, hệ thống tay đẩy sẽ điều chỉnh giàn que đưa xuống khỏi bông lúa,

áp lực máy phun sẽ phun thuốc đến thân và gốc lúa. Giàn phun kéo giảm chi phí khoảng 300.000 đồng/ha/một đợt phun. Đặc biệt, bộ phụ kiện này còn áp dụng phun xịt thành công cho tất cả các thời kỳ sinh trưởng và phát triển của cây lúa và phun xịt phòng trừ cho tất cả các loại sâu bệnh khác, hiệu quả đạt trên 98%.

Giải pháp kỹ thuật của anh Thuận như sau:

1. Cấu trúc:

Bộ phụ kiện TY.03 được thiết kế gọn nhẹ, gắn trực tiếp trên thành máy phun thuốc. Cấu tạo gồm có:

- 1 ống dẫn thuốc bằng inox có đường kính 1 cm, dài 2,6 m.

- Trên ống dẫn thuốc được chấm hàn chì, có 8 que inox đường kính 0,5 cm, mỗi que dài 20 cm trên đầu có gắn 1 béc phun và mỗi đầu béc có gắn râu bằng thép hình chữ V dài 10 cm, khoảng cách giữa mỗi que là 37 cm. Công dụng của que là đưa béc xuống dưới bông lúa để thuốc được phun xuống thân và gốc lúa.

- Một bộ khung được hàn bằng sắt la dẹp dùng để kẹp cặp và giữ thẳng bằng cho giàn béc phun, có hệ thống 2 tay đẩy để điều chỉnh chiều cao theo tuổi lúa và đối tượng phun xịt.

- Trọng lượng toàn bộ phụ kiện là 3,5 kg nên rất tiện lợi cho người sử dụng.

2. Vận hành:

- Bộ khung được kèm cặp cố định bằng ốc tán trên thành máy phun nên khi mang đi phun khỏi phải tháo gỡ.

- Bộ phận béc phun được tách ra làm 2 đoạn, khi phun kết nối lại nên không gây cản trở lúc di chuyển.

- Tùy theo đối tượng dịch hại mà điều chỉnh hệ thống béc phun theo hướng và độ cao khác nhau.

- Chỉ cần một người thực hiện. Tuy nhiên, nếu có 2 người thì việc thực hiện sẽ đạt hiệu quả cao hơn (một người phun, người kia pha thuốc đổ sẵn vào can 20 lít và luân phiên thay đổi để phun) do máy hoạt động liên tục không bị gián đoạn.

- Người phun chỉ cần điều chỉnh hệ thống tay đẩy, bộ phận giàn béc phun theo ý muốn và mang đi sử dụng. Do đó dễ dàng điều chỉnh lượng thuốc trải đều đúng theo lượng quy định của nhà sản xuất thuốc khuyến cáo.

- Ruộng phun nên làm đường băng, khoảng cách theo chiều ngang của đường băng là 2,8 m phù hợp với chiều rộng của phụ kiện.

Sau khi giàn phun thứ ba hoàn chỉnh ra đời, áp dụng có hiệu quả trên khắp các cánh đồng quê nhà, Ủy ban nhân dân xã, Hội Nông dân xã, Hội Nông dân và Khuyến nông tỉnh, huyện đã đến tham quan thực tế và mở nhiều cuộc hội

thảo công nhận sáng chế rất độc đáo này. Trong mô hình liên kết “4 nhà”, Công ty bảo vệ thực vật An Giang mời anh phun trên những diện tích thử nghiệm trong tỉnh và các tỉnh bạn. Qua kiểm chứng, tất cả đều công nhận hiệu quả giàn phun TY.03 của anh là hoàn hảo.

Các cơ quan chức năng tìm đến mời anh tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Tiền Giang và anh đã đạt được giải nhì vào cuối năm 2009. Sau đó, anh tiếp tục làm hồ sơ gửi dự thi “Sáng tạo kỹ thuật nhà nông” do Hội Nông dân Việt Nam tổ chức. Và tin vui đã đến, “kỹ sư chân đất” Dương Văn Thuận đã đạt giải cấp toàn quốc.

Thực tế qua hơn một năm bộ phụ kiện TY.03 hoạt động trên đồng ruộng đã cho thấy những tính năng ưu việt của nó là phun được tất cả các đối tượng bệnh hại trên lúa như: cỏ dại, bệnh đạo ôn, đốm vằn, nhện gié, đặc biệt là diệt được rầy nâu trên lúa trổ, ngoài ra còn phun được trên cây rau màu... Về tính năng sử dụng rất nhẹ nhàng, thoải mái, an toàn cho người sử dụng; trọng lượng và kết cấu gọn nhẹ, chỉ cần một người thực hiện khi phun, di chuyển dễ dàng và dễ nạp thuốc vào bình phun. Một ưu điểm nổi bật của bộ phụ kiện là nhờ thiết kế bố trí nhiều béc phun nên rút ngắn thời gian mang trọng lượng thuốc trên người và tiết kiệm nhiên

liệu cho máy phun, khả năng phun thuốc xuống gốc lúa nên diệt rầy nhanh 2-3 lần so với phun thông thường. Hiệu quả diệt rầy đến 98%, bình quân một máy phun khoảng 1,5 đến 2ha/ngày; do phun nhanh và đều nên tiết kiệm được lượng thuốc, nhiên liệu và công phun có thể đến 300.000 đồng/ha. Tiếng lành đồn xa, nhiều hộ nông dân trong và ngoài tỉnh điện thoại đến nhà anh đặt mua máy.

(Theo Nguyễn Văn Re)

"TÁC GIẢ" CỦA NHIỀU MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ

Sinh ra và lớn lên tại vùng khó khăn của huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, Huỳnh Văn Đủ Anh đã quen với nếp sản xuất nông nghiệp vào mùa khô và đánh bắt cá vào mùa nước nổi.

Suốt bao năm cùng gia đình anh vất vả mà vẫn không đủ ăn. Quyết tâm thoát nghèo từ chính mảnh đất của mình, Đủ Anh khăn gói khắp nơi để học hỏi các mô hình phát triển kinh tế. Thấy nuôi ếch theo hướng an toàn sinh học mang lại hiệu quả kinh tế cao, Đủ Anh tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm rồi tổ chức nuôi tại gia đình. Mô hình này bước đầu có hiệu quả, giúp gia đình anh có thu nhập trên dưới 100 triệu đồng/năm.

Bên cạnh đó, khi tham gia hoạt động trong phong trào Đoàn thanh niên của xã, thấy thanh niên trong xã chưa có việc làm ổn định, tụ tập ăn chơi gây mất trật tự, năm 2011, Đủ Anh mạnh dạn mở lớp dạy nghề nuôi ếch theo hướng an toàn sinh học cho 20 đoàn viên thanh niên.

Cùng với việc tận tình chuyển giao kinh nghiệm, Đủ Anh đứng ra vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội của huyện được 100 triệu đồng rồi giao lại cho 10 hộ thanh niên nghèo trong xã, giúp họ thành lập Tổ hợp tác nuôi ếch.

Đợt nuôi đầu tiên, mỗi hộ trong Tổ hợp tác thu lãi từ mô hình nuôi ếch từ 8 - 10 triệu đồng. Thấy khả quan, Đủ Anh cùng Tổ hợp tác mở rộng sản xuất, đầu tư thêm vốn, giống vào nuôi ếch. Đến nay tổ hợp tác nuôi ếch có 11 thành viên, một năm nuôi trung bình 4 lứa, mỗi lứa trên 60.000 con ếch; sau khi trừ chi phí lợi nhuận thu được hơn 200 triệu đồng/năm.

Để chủ động về con giống trong chăn nuôi, cùng với việc nuôi ếch thịt, Đủ Anh cùng các thanh niên trong tổ đã học hỏi kinh nghiệm, áp dụng thành công việc cho ếch sinh sản. Hiện tại, tổ hợp tác nuôi ếch đã trả hết nợ ngân hàng, từng bước xóa nghèo bền vững trong các hộ nuôi.

Không dừng lại ở đó, năm 2012, Đủ Anh đưa ra ý tưởng cho Đoàn thanh niên xã thành lập “Tổ hợp tác Cùng Tiến” thực hiện hoạt động thu hoạch lúa cho bà con trong toàn xã và vùng phụ cận. Tổ hợp tác với 8 thành viên góp vốn 520 triệu đồng mua máy gặt đập liên hợp. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ vốn của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (75 triệu đồng)

cũng giúp Tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, chủ động được việc gặt hái và giảm chi phí thuê máy cho bà con.

Hiện nay, mỗi vụ sau khi trừ chi phí, Tổ hợp tác thu lợi hơn 136 triệu đồng; tạo việc làm và thu nhập ổn định từ 6 - 8 triệu đồng/người/vụ cho 12 thanh niên nhàn rỗi trong xã.

Nói về hướng phát triển của Tổ hợp tác, Đủ Anh hào hứng: Trong thời gian tới Tổ hợp tác sẽ đầu tư thêm máy làm đất, máy gieo Sạ, xịt thuốc... phục vụ sản xuất cho bà con, tạo thêm việc làm cho thanh niên trong xã.

Không những hăng say lao động, tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật, Đủ Anh còn hăng hái tham gia công tác Đoàn thanh niên ở địa phương.

Trên cương vị Bí thư chi đoàn xã, Đủ Anh luôn đưa ra các chương trình hoạt động phong phú thu hút đoàn viên thanh niên trong xã tham gia. Anh cũng tích cực tổ chức các buổi tuyên truyền về an toàn giao thông, cảm hóa thanh niên hư trong địa bàn, hỗ trợ việc làm và giúp họ trở thành người có ích cho xã hội.

Thực hiện phong trào “Tuổi trẻ Đồng Tháp chung tay xây dựng nông thôn mới” do Tỉnh đoàn phát động, anh cùng thanh niên địa phương thành lập "Đội thanh niên xung kích xây dựng nông thôn mới"; tổ chức các tổ hợp tác kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và hỗ

trợ cho thanh niên trong xã vươn lên thoát nghèo bền vững.

Với nhiều đóng góp cho xã hội, hoạt động Đoàn tại địa phương, Huỳnh Văn Đủ Anh là một trong 5 thanh niên tiêu biểu của tỉnh Đồng Tháp vinh dự được nhận giải thưởng Lương Định Của năm 2013 do Trung ương Đoàn trao tặng. Đủ Anh tâm sự “Đây là niềm vinh dự của chung thanh niên xã Hòa Bình, có nó chúng tôi sẽ thêm nỗ lực trong các hoạt động phát triển kinh tế tại địa phương”.

(Theo Huỳnh Phúc Hậu)

GIÀU LÊN NHỜ TRỒNG MĂNG CẦU XIÊM

Chưa hề trải qua một khóa học chính quy nào, chỉ với lòng say mê tự học hỏi, Nguyễn Văn Tuấn đã cải tạo mảnh vườn tạp nhà mình thành vườn măng cầu xiêm và vườn nhãn trĩu quả. Với sự phấn đấu không biết mệt mỏi của bản thân, Tuấn đã đưa gia đình thoát khỏi đói nghèo và đang nỗ lực vươn lên làm giàu. Mới hơn 20 tuổi đầu, Nguyễn Văn Tuấn đã là ông chủ của một vườn măng cầu xiêm rộng lớn.

Là con út trong một gia đình nghèo, đông anh em ở xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, mới học hết lớp 9 Tuấn đã phải nghỉ học ở nhà phụ ba mẹ và các anh chị kiếm sống. Khi các anh chị lập gia đình và ra ở riêng thì chỉ còn một mình Tuấn sống cùng ba mẹ già, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn. Ý thức được trách nhiệm trụ cột trong gia đình của mình, Tuấn tự hứa phải cố gắng nỗ lực làm việc để ba mẹ yên tâm nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng tuổi già.

Mảnh đất quê Tuấn là một vùng đất khô cằn lại nhiễm phèn, mặn. Mặc dù một năm trồng hai vụ lúa nhưng vẫn không đủ ăn bởi năng suất bấp

bệnh lại thường xuyên phải đối mặt với “hạn mặn”. Không thể trông các loại cây nông nghiệp như lúa và hoa màu được, người dân nơi đây chuyển hướng sang trồng cây công nghiệp. Nhiều bà con trong xã trồng măng cầu xiêm vừa cho thu nhập cao lại không mất quá nhiều công chăm sóc. Nhận thấy loại cây trồng này thích hợp với vườn đất nhà mình lại phù hợp với điều kiện gia đình chỉ có một mình anh là lao động chính, Tuấn tự mày mò học hỏi kinh nghiệm từ sách báo và người dân trong xã cách trồng măng cầu xiêm. Trong quá trình nghiên ngẫm, tự học, vướng mắc đến đâu Tuấn đi hỏi đến đó. Tuấn còn trực tiếp đến trang trại của những người trồng măng cầu xiêm thành công để nhìn trực tiếp và học hỏi kinh nghiệm cụ thể đối với từng công đoạn chăm sóc và vun tưới. Khi đã nắm vững được những công đoạn cơ bản của kỹ thuật trồng và chăm sóc cây, Tuấn bắt đầu gom góp tiền bạc tiến hành cải tạo đất và nhập giống về trồng trên diện tích đất vườn của nhà mình.

Trước tiên Tuấn tiến hành cải tạo diện tích đất cần nhà mình bằng chính những phụ phẩm trong nông nghiệp và sinh hoạt như rác trâu, rơm rác được ủ mục cùng phân chuồng và tro bếp cho đất xốp sau khi đã được cuốc xới. Ngoài ra anh còn đi xúc những lớp bùn dưới ao lên phơi khô rồi rải lên trên diện tích đất vườn để

tạo độ màu mỡ cho đất. Khi công đoạn cải tạo đất đã xong, anh bắt đầu nhập giống cây về trồng. Từ mảnh đất nhiễm phèn, nhiễm mặn nặng, trong một thời gian ngắn Tuấn đã cải tạo thành vườn măng cầu xiêm xanh mát. Trong mỗi giai đoạn cụ thể của cây, anh lại có những biện pháp kỹ thuật chăm bón riêng. Măng cầu xiêm rất hay bị bệnh, loại sâu gây hại phổ biến nhất cho măng cầu xiêm là rệp sáp và các loại rầy miệng chích hút khác, làm giảm chất lượng, sản lượng của quả. Vì thế anh theo dõi sát từng giai đoạn của sâu để phòng trừ hiệu quả nhất những tác hại của chúng gây ra. Khi cây đã bắt đầu ra hoa, để trái đậu nhiều, to, canh đúng thời điểm đậu quả nhất anh tiến hành thụ phấn nhân tạo. Quả phát triển từ hoa được anh thụ phấn thường to và sai hơn. Đất không phụ công người, bằng sức lao động, sự cần cù chăm chỉ của anh, chẳng mấy chốc vườn măng cầu xiêm đã cho thu hoạch và đem lại cho anh một nguồn thu đáng kể. Thành công nhưng không tự đắc, trái lại anh càng ham mê, miệt mài, cặm cụi suốt ngày bên vườn cây trái. Để việc kinh doanh mang lại lợi nhuận cao, anh còn tiến hành trồng măng cầu xiêm trái mùa, thậm chí anh còn tận dụng nơi đất khô cằn, phèn mặn để trồng măng cầu xiêm theo hình thức ghép vào thân cây bình bát để cây mau lớn, cho trái sớm và nhiều trái,

chất lượng tốt hơn mà tuổi thọ của cây lại cao và ít bị sâu bệnh gây hại. Trung bình mỗi héc-ta măng cầu xiêm trong vườn nhà anh do được chăm sóc tốt cho thu hoạch khoảng 15 đến 17 tấn trái/năm. Anh chia sẻ kinh nghiệm: "Trồng măng cầu không khó, chủ yếu là chịu khó chăm sóc. Ngoài bón phân, tưới nước thì phải biết cách phát hiện các bệnh trên cây như rầy xanh, rệp xám để phun ngừa kịp thời".

Từ nguồn lãi thu được sau mấy vụ thu hoạch, anh Tuấn lại tiếp tục mở rộng sản xuất kinh doanh theo quy mô lớn hơn. Anh thuê thêm ruộng của hợp tác xã và bà con chòm xóm để mở rộng diện tích cây trái nhà mình. Đến nay, anh Tuấn đã phát triển lên 25 công vườn, vừa trồng măng cầu xiêm, vừa trồng nhãn xen thêm trồng dừa.



Anh Tuấn bên vườn măng cầu xiêm của mình

Vì khả năng chịu khô hạn của măng cầu xiêm kém, để có nguồn nước thường xuyên tưới cho cây, giữ độ ẩm cho vườn, anh còn đào ao vừa để cung cấp nước cho cây trái trong vườn vừa để thả cá và nuôi gà dưới những gốc cây để tăng thêm thu nhập. Mỗi năm từ đàn gà, ao cá ngoài việc cung cấp thức ăn thường xuyên cho bữa ăn gia đình, anh cũng thu được một khoản tiền kha khá. Sau những nỗ lực cố gắng, đến nay trang trại của anh đã cho thu nhập ổn định khoảng trên 100 triệu đồng.

Không chỉ giỏi làm kinh tế, Tuấn còn là một thanh niên tích cực, say mê trong các phong trào hoạt động Đoàn, Hội ở địa phương. Tuấn cho biết: "Tham gia các tổ chức Đoàn, Hội giúp cho mình năng động hơn và cũng giúp cho mình có điều kiện được gặp gỡ bạn bè để học tập kinh nghiệm; được chuyển giao khoa học kỹ thuật; được vay vốn...". Mỗi lần được biểu dương thanh niên sản xuất giỏi là một dấu ấn trong đời của Tuấn. Tuấn tâm sự: "Điều quan trọng là em cảm thấy tự hào vì đã chiến thắng được nghèo đói bằng chính sức lao động của mình trên mảnh đất quê hương".

Nói về mục tiêu phấn đấu trong thời gian tới, Tuấn cho biết: "Là một đoàn viên thanh niên, em luôn xác định tâm thế cho mình là phải xung kích trong phong trào "Lập thân lập nghiệp".

Những gì đã gây dựng được sẽ là cơ sở để chúng em thực hiện khát vọng làm giàu chính đáng trên mảnh đất quê mình. Khi điều kiện thuận lợi, gia đình em sẽ mở rộng trồng cây ăn trái và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Em rất mong muốn, bằng sức trẻ, lòng nhiệt huyết của mình, các bạn đoàn viên thanh niên sẽ tích cực lao động sản xuất, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp".

(Theo *Phương Mai*)

ĐI LÊN TỪ CÂY DỪA

Trong buổi lễ tôn vinh nông dân trồng dưa giải nằm trong khuôn khổ Festival Dừa Bến Tre lần III - năm 2012, một lão nông gần 80 tuổi đã gây ấn tượng mạnh với nhiều người tham dự. Bởi lẽ, ở độ tuổi gần 80 nhưng ông Trần Văn Thanh không những vẫn duy trì được sức khỏe dẻo dai mà còn tích cực, hăng hái tham gia sản xuất, góp phần làm tăng thu nhập cho gia đình.

Để có được thành công như ngày hôm nay, lão nông Trần Văn Thanh, sinh năm 1935, ngụ tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã phải trải qua rất nhiều lần thất bại, thậm chí là mất trắng. Trước đây, 2 ha đất của gia đình ông chỉ là ruộng phèn bị nhiễm mặn nên rất khó canh tác các loại rau màu hay cây trồng. Không thể để đất bỏ hoang, ông ra sức cải tạo diện tích đồng ruộng bị nhiễm phèn, mặn đó để trồng hồng xiêm (sapôchê), bưởi da xanh với hy vọng những giống cây đó sẽ phát triển được trên đồng đất quê mình. Nhưng mọi nỗ lực của ông đều không thành công. Bao mồ hôi, công sức ông bỏ ra cứ như muối bỏ bể. Khó khăn

thì cứ mãi đeo bám gia đình ông. Nhìn cảnh ruộng đất thì nhiều mà bỏ hoang không sử dụng được trong khi cả gia đình vẫn phải sống lay lắt, khổ sở, lòng ông quặn thắt.

Mặc dù tuổi cao lại liên tục thất bại trong sản xuất nhưng ông Thanh không buông xuôi, ông vẫn hăng hái tham gia sinh hoạt tại Câu lạc bộ Nông dân của xã để giao lưu và cùng chia sẻ kinh nghiệm làm ăn với bà con, hy vọng sẽ tìm được hướng sản xuất phù hợp. Và cơ may đã đến với ông khi xã Sơn Phú thực hiện chương trình khuyến nông thâm canh 1.000 ha dừa của tỉnh. Được nghe giới thiệu về đặc tính của cây dừa rất phù hợp với đất phèn, mặn quê mình, lại thấy việc trồng dừa không đòi hỏi quá nhiều công chăm sóc, ông Thanh đã mạnh dạn chọn cây dừa để chuyển đổi loại cây trồng không hiệu quả với hy vọng sẽ thành công. Quả thật, đất nghèo không phụ công khó nhọc của con người. Hiện nay, nhờ sự tận tụy, cần cù chịu khó, dám nghĩ, dám làm, ông Thanh đã sở hữu 2 ha dừa xanh tốt, trái xum xuê, cho thu hoạch quanh năm.

Ông Thanh cho biết, việc cải tạo đất để trồng dừa và để có được vườn dừa xanh tốt, trái xum xuê như ngày nay là cả một quãng thời gian dài vật lộn, gian nan, vất vả vô cùng. Đầu tiên, ông phải tiến hành cải tạo đất ruộng bị nhiễm phèn nặng. Sau đó, lên liếp cao hơn mặt ruộng 0,5m,

rộng 5 m, giữa liếp có một cái "khẽm" (con mương phụ) sâu 1,5 m để xả phèn. Hai liếp cách nhau bởi cái mương rộng 2,5 m. Vườn được thiết kế theo kiểu liếp đôi (hai hàng dừa mỗi liếp). Giống dừa được ông chọn từ những cây có năng suất cao, nước ngọt. Mật độ trồng 200 cây/ha đối với dừa ta và 300 cây/ha đối với dừa xiêm.

Ông Thanh chia sẻ kinh nghiệm: Việc bón phân cho vườn dừa phải tùy thuộc vào từng loại đất. Với vườn dừa nhà ông, vì ông tận dụng được nguồn chất thải biogas để bón cho dừa nên giảm được lượng phân hóa học đáng kể. Ông dùng 225 kg NPK (20:20:15) cho 2 ha, chia làm 2 lần bón chính vào tháng 11 và tháng 5 dương lịch. Mỗi cây dừa, một năm được bón khoảng 1,5 kg NPK, trong đó, 2 lần bón chính thì bón cách gốc 1m rồi lấp đất lại (mỗi lần bón 0,25 kg), số phân còn lại chia đều tưới vào 10 tháng còn lại trong năm.

Theo kinh nghiệm của ông, cách tưới phân NPK hằng tháng như sau: tưới cách gốc 1m, người đi trước vừa tưới xong, thì người đi sau tưới xả lại liền và ngày hôm sau tưới xả lại một lần nữa. Thời điểm tưới là một ngày sau khi thu hoạch dừa. Cây nào bị nứt hoặc rụng trái non thì tiến hành bón bổ sung 100 g kali/gốc, bón như thế vài lần đến khi hết triệu chứng nứt rụng thì dừng bón.

Ông nhấn mạnh, để có được trái dừa đạt chất lượng tốt, ngoài khâu bón phân ra thì khâu tưới nước cũng rất quan trọng. Trong mùa nắng hoặc hạn hán kéo dài phải tưới nước định kỳ từ 7 đến 10 ngày/lần. Ngưng tưới cho vườn dừa vào tháng 2 và tháng 3 âm lịch, vì thời gian này vườn dừa bị nước mặn xâm nhập. Đặc biệt, phải giữ ẩm cho đất bằng cách đậy gốc cây và mặt liếp bằng tàu dừa khô. Khi phát hiện bọ dừa hay sâu ăn bông có mật độ cao thì phải phun thuốc trừ sâu Abamectin (thuốc có nguồn gốc sinh học) để diệt trừ sâu bệnh.

Nhờ áp dụng tốt khoa học kỹ thuật trong việc chăm sóc dừa nên vườn dừa của gia đình ông Trần Văn Thanh luôn cho năng suất cao, mỗi tháng cho thu hoạch quả một lần. Năng suất bình quân 60 trái/cây/năm đối với dừa ta, 110 trái/cây/năm đối với dừa xiêm. Ngoài việc bán dừa uống nước, dừa khô, ông Thanh còn ươm dừa để bán dừa giống. Doanh thu hàng năm từ vườn dừa của gia đình ông dao động khoảng 100 đến 150 triệu đồng, trừ tất cả mọi chi phí, ông vẫn thu lãi khoảng 80 triệu/năm.

(Theo Ngọc Huệ)

LÀM GIÀU TỪ TRỒNG NẤM BÀO NGƯ

Tuổi còn trẻ, lại không được học hành đầy đủ nhưng đã sớm mang trong mình những ước mơ hoài bão lập thân. Sau rất nhiều năm mày mò nghiên cứu, thử nghiệm, đưa kỹ thuật trồng nấm bào ngư vào sản xuất, phát triển kinh tế, anh Nguyễn Sĩ Luận là một điển hình thanh niên làm kinh tế giỏi tại địa phương, với mức thu nhập trung bình một năm khoảng trên 100 triệu đồng nhờ phương pháp trồng nấm kết hợp với trồng gừng, ớt.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo không có ruộng đất sản xuất tại ấp Bình An I, xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên con đường học vấn của anh Luận sớm bị đứt gãy giữa chừng. Nghỉ học, ngày ngày anh lặn lội làm thuê, làm mướn kiếm miếng ăn, ai mướn gì làm đó. Cuộc sống cơ cực cứ tiếp diễn ngày nối ngày tưởng chừng như không thấy tương lai. Cơ may đến với anh khi anh cùng một số thanh niên khác trong thôn được chính quyền địa phương tạo điều kiện cho tham gia

các lớp học nghề do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện mở và tiếp cận nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội. Cơ hội mở ra, anh không ngừng học hỏi và suy nghĩ để tìm cho mình một hướng phát triển kinh tế phù hợp với nguồn vốn vay, tình hình khí hậu và tự nhiên của quê mình. Để tìm được một cách thức sản xuất phù hợp với khả năng của mỗi người là không đơn giản. Vì thế, trăn trở mãi mà anh Luận vẫn chưa tìm được hướng đi thích hợp với bản thân.



*Đoàn viên thanh niên tham quan xưởng
trồng nấm bào ngư của anh Luận*

Trong một lần xem ti vi, thấy chương trình giới thiệu kỹ thuật trồng nấm bào ngư. Nhận thấy trồng nấm bào ngư mang lại hiệu quả kinh

tế cao, kỹ thuật trồng đơn giản, ít vốn đầu tư, nhẹ công chăm sóc lại sớm được thu hoạch, phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình. Đặc biệt, sản phẩm này hiện rất được người dân ưa chuộng, giá cả lại ổn định, không sợ lỗ. Từ đó anh mày mò sưu tầm sách báo liên quan đến nấm bào ngư về tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm. Khi đã nắm vững được các kỹ thuật trồng và chăm sóc, anh tiếp tục tìm đến các trang trại ở Vĩnh Long để được nhìn tận mắt, nghe hướng dẫn kinh nghiệm và thực hành lại một lần cho chắc chắn sau đó mới mua meo giống để đem về áp dụng và trồng thử.

Với ý chí quyết tâm của tuổi trẻ, trở về anh Luận đầu tư xây dựng trại, lập kế rồi bắt đầu trồng thí điểm 1.000 bịch phôi. Sau khi thu hoạch vụ nấm đầu tiên, trừ tất cả chi phí, anh còn thu lãi khoảng 6 triệu đồng. Thành công bước đầu đã thôi thúc anh mạnh dạn đầu tư làm ăn lớn. Tuy nhiên khi bắt tay vào mở rộng sản xuất, anh Luận đã gặp không ít khó khăn, thách thức, đặc biệt là nguồn vốn để đầu tư do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Anh chạy vay vay mượn khắp nơi nhưng không được. Thế rồi từ số tiền lãi thu được, lại thông qua Đoàn thanh niên, anh làm đơn vay vốn hỗ trợ của Ngân hàng Chính sách xã hội. Khi đã có vốn, anh bắt tay ngay vào đầu tư xây dựng trại

theo quy mô lớn. Để công việc làm ăn hiệu quả và thuận lợi, anh vận động 25 thanh niên có cùng chí hướng lập thành hội trồng nấm rơm để nghị chính quyền địa phương hỗ trợ cán bộ kỹ thuật nông nghiệp về tập huấn kỹ thuật trồng nấm bào ngư. Sau khóa tập huấn, anh đi mua meo giống về để trồng trên toàn bộ diện tích 2 nhà trại mà anh mới đầu tư xây dựng với trên 4.300 bịch phôi. Sau hơn 3 tháng chăm sóc, 1 bịch phôi cho năng suất từ 280 - 300 gram nấm, bán cho thương lái với giá từ 35.000 - 42.000 đồng/kg, trừ chi phí, anh còn lãi trên 30 triệu đồng.

Ngoài ra, anh còn tận dụng xác phôi sau khi thu hoạch để trồng nấm rơm, cải mầm để tăng thêm thu nhập và giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường. Không những thế, anh còn tận dụng đất trống quanh nhà để trồng gừng, ớt trong chậu, với số lượng trên 500 chậu. Năng suất gừng mỗi chậu từ 250g-300g với giá 28.000 đồng/kg. Hàng năm, anh thu hoạch 3 đợt, sau khi trừ chi phí, thu lãi trên 9 triệu đồng/năm.

Hiện tại nhờ đưa kỹ thuật trồng nấm bào ngư vào trong sản xuất, anh đã góp phần giải quyết công ăn việc làm cho 12 lao động trong xã với mức thu nhập ổn định. Bên cạnh đó, anh còn nhiệt tình hướng dẫn một số thanh niên tâm huyết với nghề trồng nấm và có ý chí vươn lên cách xây dựng trang trại và kỹ thuật trồng nấm

bào ngư để phát triển kinh tế. Rất nhiều thanh niên trong ấp sau khi được anh hỗ trợ đã đạt được những thành công bước đầu.

Khi nắm bào ngư được trồng phổ biến trong toàn thôn, xã, để bảo đảm đầu ra sản phẩm cho các hộ dân trong xã, anh cùng với xã đoàn An Hòa liên hệ với siêu thị Coopmark Long Xuyên để thương lượng và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với số lượng cung cấp cho siêu thị trung bình 30kg/ngày với giá 40.000 đồng/kg.

Với thu nhập trên 100 triệu đồng/năm từ phương pháp trồng nắm bào ngư kết hợp trồng ớt, gừng trong chậu, anh là một điển hình tiêu biểu của thanh niên làm kinh tế giỏi của xã An Hòa và toàn huyện Châu Thành. Không chỉ làm kinh tế giỏi, anh còn tham gia tích cực vào các hoạt động Đoàn, Hội của địa phương, tích cực giúp đỡ, hỗ trợ kỹ thuật, truyền đạt kinh nghiệm làm ăn của mình cho những thanh niên địa phương có nhu cầu phát triển kinh tế từ sản xuất nắm bào ngư để cùng nhau sản xuất, có thu nhập ổn định, từng bước vươn lên thoát nghèo và làm giàu trên chính mảnh đất quê hương.

Nhờ những thành quả mà anh đạt được và những đóng góp của anh đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, năm 2013, anh Nguyễn Sĩ Luận

vinh dự được Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đề cử
xét trao Giải thưởng Lương Định Của của
Trung ương Đoàn năm 2013.

(Theo Lê Thanh Hải)

GIÀU LÊN TỪ NUÔI BÒ SỮA

Vốn là một người nông dân cần cù, chịu khó, những năm trước đây anh Nguyễn Văn Thanh ở ấp Thanh Vân, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre cũng như bao người nông dân khác chỉ biết đến trồng cây lúa và các loại cây màu ngắn hạn khác cho thu nhập không cao. Cuộc sống gia đình tuy đủ ăn nhưng không có tiền dư giả để đầu tư cho con cái học hành. Với tinh thần cầu tiến, bằng ý chí và đầu óc sáng tạo, anh mạnh dạn chuyển hướng sang sản xuất chăn nuôi theo mô hình kinh tế cao. Đến nay, anh đã trở thành ông chủ của một trang trại chăn nuôi bò sữa với thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm.

Sinh ra tại một vùng quê có truyền thống kiên cường, lại giáp ranh với con sông Mỏ Cày quanh năm cây trái xum xuê cùng với những cánh đồng lúa, những ruộng mía trải dài một màu xanh bất tận. Sự trù phú của thiên nhiên đã nảy ra trong đầu anh Thanh một ý định phải tận dụng nguồn tự nhiên vô tận ấy để tiến hành

sản xuất chăn nuôi phát triển kinh tế, từng bước vươn lên làm giàu. Nói là làm, sau khi bàn bạc đi đến thống nhất, anh cùng gia đình bắt tay ngay vào xây dựng chuồng trại, nuôi bò thịt. Thời gian đầu do chưa có kinh nghiệm chăn nuôi bò thịt nên hiệu quả mang lại không cao. Mặc dù bước đầu chưa thành công nhưng anh vẫn tin chăn nuôi sẽ giúp làm giàu bền vững, do đó anh vẫn luôn trăn trở để tìm một hướng chăn nuôi mới nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Để chăn nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao mà lại vẫn tận dụng được nguồn tự nhiên sẵn có là cả một vấn đề nan giải. Suy nghĩ trăn trở nhiều đêm, đến năm 2009 bằng sự nhạy bén, anh Thanh đã mạnh dạn chuyển đổi từ chăn nuôi bò thịt sang chăn nuôi bò sữa. Tuy nhiên, nuôi bò sữa không đơn giản như nuôi bò thịt. Nuôi bò sữa đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu khá lớn, bởi giá bò giống rất đắt, khoảng 25 triệu đồng một con; việc nuôi bò sữa lại yêu cầu người nuôi phải tinh ý trong khâu chọn bò sữa giống và các công đoạn chăm sóc. Song với quyết tâm làm giàu, vợ chồng anh đã gom góp toàn bộ vốn liếng trong gia đình cộng với 20 triệu đồng vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để đầu tư. Khi đã có tiền trong tay, anh tìm đến trang trại bò sữa ở Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh mua về 2

con bò sữa giống. Mua được bò về anh lại gặp khó khăn trong khâu chăm sóc vì việc nuôi bò sữa đòi hỏi người nuôi phải tuân thủ nghiêm ngặt về chế độ dinh dưỡng và thời gian cho ăn hàng ngày. Không biết thì học hỏi, anh quyết không lùi bước. Để có kinh nghiệm trong chăn nuôi bò sữa, anh thường xuyên tìm hiểu thông tin qua sách báo, đài, ti vi, trực tiếp đi thăm quan nhiều cơ sở và chịu khó học tập kỹ thuật chăm sóc từ các hộ chăn nuôi khác. Áp dụng những kiến thức học hỏi kết hợp với tình hình thực tế nhà mình, anh luôn chú ý giữ gìn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, khô ráo, thoáng mát, chia chuồng thành từng ngăn cho mỗi con, định kỳ rắc vôi bột để khử trùng chuồng trại và tiêm phòng dịch bệnh. Thức ăn cho bò luôn được anh cân nhắc tính toán cung cấp theo định lượng một cách khoa học. Ngoài cỏ tươi, các loại cây họ đậu, mía , anh còn ủ rơm chua để cung cấp thêm dưỡng chất cho bò và kích thích bò tiêu hóa tốt. Trong bữa ăn anh luôn kết hợp thức ăn tinh thô và các loại thức ăn tăng cường dinh dưỡng cho bò. Nhờ sự tận tụy, tỉ mỉ của anh và gia đình, chẳng mấy chốc 2 con bò giống của anh béo tốt, khỏe mạnh, hứa hẹn một nguồn sữa dồi dào trong tương lai không xa.

Kinh nghiệm chăn nuôi đã vững vàng, anh quyết định chuyển sang đầu tư chăn nuôi bò

sữa với quy mô lớn hơn. Khi hai con bò sữa giống ban đầu sinh trưởng và phát triển tốt, được 4 tháng sau, anh lại tiếp tục mua thêm 2 con nữa với giá 35 triệu đồng một con về để nuôi, nhân đàn. Để bảo đảm chi phí đầu vào và bảo đảm mức lãi, anh Thanh đã linh hoạt phối trộn nguồn thức ăn hỗn hợp gồm các phụ phẩm như xác bìa, bã đậu và thức ăn chăn nuôi. Mỗi ngày trung bình 1 con bò sữa anh Thanh cung cấp 12 kg hỗn hợp thực phẩm, ngoài ra còn kết hợp cho bò ăn thêm cỏ tươi với lượng bình quân 20 kg cỏ tươi mỗi con/ngày. Để bảo đảm nguồn thức ăn thường xuyên là cỏ tươi cho đàn bò, anh chủ động trồng một số giống cỏ có hàm lượng dưỡng chất cao và khả năng sinh trưởng phát triển tốt như cỏ voi VA06 trên diện tích đất canh tác nhà mình. Trồng cây đã đến ngày hái quả. Mọi nỗ lực của anh và gia đình đã thu được những thành quả xứng đáng. Chỉ với 2 con bò sữa giống mua đợt đầu, sau một năm anh đã có lãi. Thành công bước đầu trong chăn nuôi bò sữa đã mang lại cho anh và gia đình một nguồn thu nhập ổn định, hiệu quả.

Nói về hiệu quả kinh tế từ chăn nuôi bò sữa, anh Thanh rất phấn khởi: “Chăn nuôi bò sữa mang lại cho gia đình tôi nguồn thu nhập ổn định hàng ngày, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay giá sữa tăng cao và không còn bấp bênh

như những năm trước”. Có thể khẳng định bò sữa đang mang lại cho gia đình anh Thạnh mức thu nhập ổn định hơn hẳn so với chăn nuôi các loại con vật khác mà trước đây anh Thạnh đã đầu tư. Hiện tại, anh Thạnh đã phát triển thành công được 4 con bò sữa, trong đó có 3 con đang cho sữa. Mỗi ngày, bình quân 1 con bò sữa sản xuất được khoảng 20 kg sữa tươi với giá hiện tại 12.000 đồng/kg. Bình quân mỗi ngày từ nguồn sữa bò, gia đình anh Thạnh thu lãi trên 600 ngàn đồng sau khi trừ đi chi phí thức ăn.



Anh Thạnh đang chăm sóc đàn bò sữa

So với bò sữa, nuôi bò thịt không phải tốn nhiều chi phí mua con giống và tốn tiền mua thức ăn hằng ngày, chăm sóc đơn giản nhưng lợi nhuận mang lại không cao. Từ khi gia đình anh

chuyển sang nuôi giống bò sữa, tuy vất vả hơn, vốn đầu tư ban đầu nhiều nhưng hiệu quả kinh tế lại cao hơn hẳn. Bên cạnh việc lấy sữa hàng ngày, anh Thạnh còn tiến hành nhân giống bò sữa nhằm tăng thêm nguồn thu nhập. Từ năm 2009 đến nay, anh đã nhân giống và bán được 4 con bò sữa trị giá gần 100 triệu đồng.

Để chăn nuôi bò sữa thành công điều quan trọng là chọn con giống tốt, làm chuồng trại phù hợp, cung cấp nguồn thức ăn đủ dinh dưỡng. Đó cũng chính là lý do giúp anh Thạnh thành công trong chăn nuôi bò sữa. Đây là phương thức sản xuất mở ra hướng đi mới đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người nông dân.

(Theo Xuân Phương)

NỮ CHỦ TRANG TRẠI NĂNG ĐỘNG

Từ một cô gái không biết đến nắng mưa, vất vả, sau khi lập gia đình do gặp bất hạnh trong đời sống hôn nhân, chị Nguyễn Thị Thanh Nga một mình gồng gánh con thơ đến ấp Hòa Thịnh xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang mở trang trại chăn nuôi phát triển kinh tế. Bằng sự nỗ lực vượt lên chính mình của người phụ nữ giàu nghị lực, mọi khó khăn, cơ cực đã từng bước nhường chỗ cho những thành công hiện tại của chị với một trang trại chăn nuôi quy mô lớn và một cánh đồng lúa xanh tốt.

Sinh ra và lớn lên tại phố chợ sầm uất, năm 18 tuổi chị Nguyễn Thị Thanh Nga lập gia đình. Nhưng hạnh phúc chỉ mỉm cười với chị trong thời gian ngắn bởi sau hai năm lập gia đình, chồng chị bệnh nặng qua đời, để lại cho chị hai đứa con nhỏ một trai một gái. Ở cái tuổi 20 xuân sắc, đầy nhựa sống, một nách hai con lại không có nghề nghiệp trong tay giữa chốn phố phường, cuộc sống đơn thân nuôi con thật gian nan, vất vả, không kể sao cho hết. Quyết định rời bỏ chốn đô thị phồn hoa, người phụ nữ mảnh mai

đã gồng gánh con thơ vào vùng đất nhiễm phèn nặng mua đất lập nghiệp.

Với diện tích 15.000 m² đất mua được bằng số tiền chắt chiu trong những tháng ngày thất lưng buộc bụng một mình nuôi con, chị Nga đã nỗ lực hết mình vượt qua mọi gian nan thử thách để cải tạo mảnh đất nhiễm phèn nặng thành một mảnh đất màu mỡ, trù phú. Để có được những thành công như ngày hôm nay không phải là điều đơn giản với người phụ nữ chưa từng biết đến cảnh chân lấm tay bùn như chị. Từ một người con gái quen được cưng chiều không biết đến nắng gió, vất vả, chị nai lưng ra làm, suốt ngày phơi nắng, phơi mưa ngoài đồng để cày cuốc, gieo trồng kiếm miếng cơm, manh áo cho các con. Do chưa quen với công việc đồng áng, mảnh đất chị mua lại nhiễm phèn nặng, cây lúa khó sinh sôi phát triển, do đó lợi nhuận thu được không nhiều. Vốn ít, lại một thân một mình làm lụng, biết là khó có thể cải tạo ngay tức thì mảnh đất này, nhưng bao nhiêu vốn liếng đã đổ cả vào đó rồi, không làm không được. Chị ngày đêm suy nghĩ, tìm hướng sản xuất mới mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Đang túng quẫn vì chưa tìm được hướng sản xuất, kinh doanh phù hợp thì chị nghe nói ở ấp Mỹ Khánh kế bên có người muốn bán hai con lợn nái. Một niềm tin vụt sáng trong đầu, mặc

dù gom góp tất cả số tiền trong nhà chỉ đủ mua hai con lợn nái, nhưng chị vẫn quyết tâm mua với hy vọng nó sẽ cải thiện được cuộc sống của ba mẹ con chị.

Dắt hai con lợn nái về nhà, chị vừa cố gắng chăm chút chúng như chăm những đứa con của mình vừa học hỏi kinh nghiệm nuôi lợn nái từ bà con chòm xóm. Nhìn mẹ cực nhọc, vất vả, hai người con của chị mặc dù còn nhỏ nhưng ngoài việc học cũng đã biết hỗ trợ mẹ lấy bèo, nấu cám, nuôi lợn. Công sức của mẹ con chị được đổi bằng lứa lợn con đầu tiên với 18 con lợn con xinh xắn. Lúc này người em út của chị ngoài phố chợ cũng cho mẹ con chị vay thêm vốn để làm ăn. Có tiền, chị xây dựng, mở rộng chuồng trại, giữ lại lứa lợn đó để nuôi thành lợn thịt. Số tiền còn lại, chị mạnh dạn mua thêm 8 con lợn nái nữa về nuôi. Thời gian thấm thoát thoi đưa, chuồng lợn của chị chẳng mấy chốc đã lên tới 80 con. Những tưởng thành công, niềm vui thu hoạch đến gõ cửa nhà chị thì đúng lúc này thị trường tiêu thụ lại đóng cửa, giá lợn thịt xuống thấp, không tiêu thụ được. Thêm vào đó là 10 con lợn nái trong chuồng lại tiếp tục sinh sản thêm khoảng 100 con lợn con nữa. Khó khăn chồng chất khi vốn thì thiếu mà không có đầu ra cho sản phẩm. Nhớ lời dạy của các cụ ngày xưa: “Hãy nên chia trứng trong nhiều rổ chứ

không nên giữ trứng trong một rổ”, thế là chị lại cố gắng xoay xở đủ nghề từ nấu rượu để lấy bông cho lợn ăn mau lớn đến làm giá đỗ và nhiều nghề tiểu thủ công nghiệp khác để tận dụng phụ phẩm phục vụ cho chăn nuôi, nhằm giảm bớt chi phí. Chị tâm niệm, quy luật trong cuộc sống là cái gì xuống thấp quá thì cũng sẽ quay đầu trở lên, vì thế chị quyết tâm chạy vay vay mượn khắp nơi để có vốn duy trì cho gần 200 con lợn. Công sức bao tháng ngày lăn lộn, vất vả của mẹ con chị đã được đền bù xứng đáng. Trong khi chị đang quay cuồng vật lộn với đồng nợ nần thì cơ hội lại một lần nữa mỉm cười với chị.

Và rồi sau 3 năm nỗ lực đợi chờ với biết bao khó khăn chồng chất, điều ước mong của chị Nga cũng trở thành hiện thực. Heo có giá trở lại giúp cho công việc chăn nuôi của chị có hiệu quả hơn. Thế là khó khăn về đầu ra cho đàn heo con đã được giải quyết, theo đó nợ nần cũng trả xong. Trong kinh doanh chị Nga tâm niệm, mua bán phải lấy chữ tín làm đầu, nhờ đó mà dần dần chuyện làm ăn của gia đình ngày một phát triển. Chưa chịu dừng lại ở đó, với lợi nhuận thu được từ đàn heo, chị Nga bắt đầu mở rộng quy mô, diện tích chuồng trại nuôi thêm vịt, gà để tận dụng những thức ăn thừa, rồi vãi từ đàn lợn. Để tận dụng nguồn phân thải ra

trong chăn nuôi chị lại bắt tay qua trông trọt. Nhờ nguồn thải trong chăn nuôi mà chị từng bước cải tạo được mảnh đất nhiễm phèn của gia đình để tiến hành canh tác lúa và hoa màu. Mỗi năm từ diện tích đất canh tác không những cung cấp đủ lương thực và rau quả sạch cho gia đình mà còn cung cấp một phần thức ăn cho chăn nuôi.

Ngoài việc đào ao nuôi cá, chị Nga còn tận dụng đất trống quanh bờ để trồng xoài. Mới đầu vườn xoài nhà chị chỉ có vài chục cây, giờ phát triển lên 200 gốc với đủ loại từ xoài giống Thái Lan, Đài Loan, tứ quý cho đến xoài cát Hòa Lộc, cát Chu, đều có đủ. Xoài nhà chị Nga trồng không phân, không thuốc bảo vệ thực vật nên từ 2 năm nay khách đến nhà đặt mua từ khi quả còn trên cây với giá cao hơn giá thị trường, đem lại cho chị một nguồn thu đáng kể. Để tận dụng hết khoảng đất trống giữa 2 cây xoài chị kết hợp cho trồng xen vào một cây đu đủ, thậm chí dưới gốc của cây đu đủ chị còn trồng xen thêm cả ớt, mướp, bầu làm giàn cho bơi ra ao vừa mát ao, bảo vệ đàn cá vừa có quả để ăn và bán. Nhờ sự nhanh nhạy, sáng tạo trong sản xuất mà vườn của chị cho thu hoạch cây trái quanh năm. Chị Nga tâm sự: “Mình cứ chịu khó học hỏi, chịu khó nhẫn nại thì một thời thời gian sau sức lực mình bỏ ra sẽ được đền đáp, tuy nó không lớn

lắm nhưng mà cũng đủ để chúng ta tạo dựng cuộc sống tốt đẹp hơn”.

Với bản tính cần cù, chịu thương chịu khó, lam lũ tần tảo, chắt chiu, góp nhặt, tận dụng một số hoa lợi xung quanh nhà, “tích tiểu thành đại” của 3 mẹ con chị Nga, nên hàng năm mẹ con chị cũng thu được vài trăm triệu đồng tiền lãi. Và cứ thế, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. Kinh tế gia đình chị ngày càng khấm khá hơn, bước đầu đã có của ăn của để.

Không những thành công trong làm ăn kinh tế mà chị còn thành công trong việc chăm sóc con cái. Một mình gồng gánh gia đình thay chồng nuôi dạy con cái, chị luôn là một người mẹ mẫu mực, nhưng nghiêm khắc để rèn giũa hai con khôn lớn trưởng thành. Bằng tình yêu thương cao cả của mẹ hiền mà các con chị đều chăm ngoan học giỏi, chăm chỉ làm ăn. Giờ đây cả hai người con của chị đều thành đạt trong cuộc sống, là những công dân có ích cho xã hội. Bên cạnh đó, chị còn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện của địa phương, tích cực chuyển giao kinh nghiệm sản xuất cho bà con chòm xóm, hỗ trợ vốn cho những hộ gặp hoàn cảnh khó khăn từng bước vươn lên thoát nghèo. Ngoài ra, chị còn tham gia đóng góp tiền của để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội như cầu từ thiện, nhà tình nghĩa cho

người có công với cách mạng và các hộ nghèo trong ấp.

Sau 30 năm gian truân vất vả, cần kiệm tích cóp, từ 15.000m² đất nhiễm phèn giờ đây chị Nga đã làm chủ một trang trại vườn ao chuồng làm ăn hiệu quả bằng chính ý chí, nghị lực, sự quyết đoán, cùng với sự hỗ trợ tích cực của các cấp ngành, chính quyền địa phương. Trồng cây đã đến ngày hái quả, chị không những làm chủ một trang trại rộng lớn mà còn được đón nhận những tình cảm yêu mến của bà con chòm xóm và vui vầy với con cháu ngoan hiền. Người dân ở xã Hòa Bình Thạnh ai cũng cảm phục nghị lực vượt khó vươn lên làm giàu và tấm lòng thương người của chị. Có thể nói chị Nguyễn Thị Thanh Nga là một trong những tấm gương nông dân vượt khó điển hình, vươn lên làm giàu bằng chính mồ hôi, công sức của mình. Sự nỗ lực vượt khó vươn lên và tinh thần nhân ái của chị đáng được xã hội trân trọng, nêu gương.

(Theo *hoinongdan.org.vn*)

MỘT SỐ MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ

I. CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ Ở PHÍA BẮC

1. Sơn La: Mô hình trồng xen cây ngắn ngày trên đất trồng cao su

Việc trồng cây cao su ở Sơn La trong những năm gần đây là thực hiện chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển rừng, bảo vệ môi trường. Sơn La đã có nhiều chương trình dự án phát triển cây trồng trên đất dốc, trong đó một số chương trình đạt hiệu quả, hình thành một số vùng nông sản hàng hóa. Trong quá trình tìm hướng đi cho thấy phát triển cây cao su có thể sẽ mở ra nhiều cơ hội để Sơn La thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn tốt hơn.

Trồng xen canh trong diện tích trồng cao su những năm đầu đã được áp dụng phổ biến ở hầu hết các nước phát triển cây cao su. Ở Việt Nam

mô hình này đã được thực hiện tại Đắc Lắc, Gia Lai, Lai Châu... Ở Sơn La, cây cao su được đưa vào trồng năm 2007, đến nay đã có hàng ngàn hecta cao su được trồng tại các huyện Mường La, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mai Sơn, Yên Châu, Mộc Châu.

Trồng xen canh cây ngắn ngày trong diện tích đất trồng cao su vào thời gian cây cao su ở giai đoạn kiến thiết cơ bản đã phát huy hiệu quả nhất định tại một số địa phương của Sơn La. Với những người nông dân trồng cao su ở xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu, việc trồng xen cây bông hay các loại cây lạc, vừng, ngô, cỏ chăn nuôi vào vườn cây cao su được thực hiện từ năm 2011 đến nay đã được bà con gọi là cách “lấy ngắn nuôi dài”.

Nhiều hộ nông dân trồng cao su ở xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu đều yên tâm với mô hình canh tác trồng xen bông trong diện tích trồng cao su. Việc trồng xen canh giúp người nông dân phát huy được khả năng sản xuất ngay trên diện tích đất trống khi cây cao su chưa khép tán. Sau mỗi vụ thu hoạch bông có thêm phần thu nhập đáng kể (trừ các khoản chi phí đầu tư, mỗi hecta thu được từ 10-12 triệu đồng) ngay trong diện tích đã trồng cây cao su.



*Mô hình trồng bông xen cao su
tại bản Ngựa, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu*

Mô hình trồng ngô, lạc, đậu đen xen cao su tại xã Tông Lệnh, huyện Thuận Châu cũng cho những kết quả khả quan. Bà con nông dân đã trồng ngô và chăm sóc theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc, nên năng suất ngô xen canh trong diện tích trồng cao su cũng đạt kết quả cao với năng suất bình quân đạt 50 tạ/ha (trừ các chi phí đầu tư, các hộ nông dân thu về từ 20 - 25 triệu đồng/ha). Chị Quàng Thị Phụng ở Bản Lạnh cho biết: “Vụ xuân hè gia đình chị đã trồng ngô xen cao su, năng suất thu được 50 tạ/ha. Sau khi thu ngô gia đình chị tiếp tục trồng xen lạc và đậu đen, hiện nay chưa đến vụ thu hoạch nhưng lạc và đậu phát triển rất

tốt, chị rất yên tâm và hy vọng sẽ có thu nhập tăng thêm”.



*Mô hình trồng đậu xen cao su
tại Bản Lạnh, xã Tông Lệnh, huyện Thuận Châu*

Để tạo điều kiện cho bà con nông dân trồng cao su trồng xen canh trong diện tích đất trồng cao su, Công ty cổ phần Cao su Sơn La đã tạo điều kiện, hỗ trợ bà con triển khai. Trong quá trình triển khai thực hiện trồng xen canh, cán bộ kỹ thuật của công ty đã luôn tận tình, sát cánh cùng bà con nông dân để hướng dẫn kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, bón phân đúng quy trình, đem lại hiệu quả cho cả hai loại cây trồng để cây cao su và cây trồng ngắn ngày cùng phát huy lợi thế trên một diện tích canh tác. Ông Lường Văn Sương - Đội phó Đội Cao su Tông Lệnh - Công ty cổ phần Cao su Sơn La cho biết:

“Công ty đã phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc lựa chọn giống cây ngắn ngày đưa vào khảo nghiệm, sau khi khảo nghiệm thành công, với các quy trình kỹ thuật đã được xây dựng, Công ty đã hướng dẫn cho bà con nông dân canh tác đúng quy trình: Trồng các loại cây trồng xen cách hàng cao su 1,5 m; hướng dẫn chăm sóc, làm cỏ, bón phân theo quy trình kỹ thuật của từng loại cây trồng xen. Ngoài việc đem lại hiệu quả kinh tế cho các hộ trồng cao su, việc trồng xen còn tạo thảm tử cho cây cao su, ngăn ngừa cỏ dại, chống xói mòn”.



*Mô hình trồng lạc xen cao su
tại Bản Lạnh, xã Tông Lệnh, huyện Thuận Châu*

Với bà con nông dân ở Sơn La, việc gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch sản phẩm như ngô, bông,

đậu, lạc hay trồng cỏ chăn nuôi không phải những công việc quá xa lạ. Tuy nhiên, việc trồng và chăm sóc cây cao su với nhiều bà con nông dân ở Sơn La là một công việc hoàn toàn mới và cho đến nay hầu hết các diện tích cao su đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản, chưa có thu nhập cho các hộ trồng cao su, nên không ít người dân còn lúng túng với cách thức sản xuất mới, ngay cả việc trồng xen những cây trồng trước đây bà con đã sản xuất chuyên canh, giờ đây cũng trở nên ngỡ ngàng.

Bởi vậy, những lớp tập huấn hay những hội nghị đầu bờ giới thiệu cách làm, hướng dẫn kỹ thuật tới bà con nông dân luôn là sự cần thiết và kịp thời nhằm giúp họ định hình và đi vào sản xuất ổn định đối với hình thức canh tác mới này. Đặc biệt, các hộ nông dân trồng cao su được tham dự các buổi tập huấn hướng dẫn kỹ thuật tại cơ sở sẽ giúp họ lựa chọn cách thức sản xuất thích hợp ngay trên diện tích đất trồng cao su và tận dụng khai thác có hiệu quả trên đất trồng cao su (khi cây cao su chưa khép tán).

Thời gian kiến thiết cơ bản của cây cao su trong khoảng từ 7-10 năm. Khai thác trồng xen một số giống cây ngắn ngày trong diện tích đất trồng cao su trong quãng thời gian đó đến năm nào thì phát huy hiệu quả cao nhất về giá trị kinh tế, tránh được những rủi ro và

thiệt hại cần phải được định hướng kịp thời cho bà con nông dân tham gia trồng cao su khi tiến hành trồng xen canh. Theo Thạc sĩ Nguyễn Phi Hùng - Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông lâm nghiệp Tây Bắc: “Khai thác trồng xen hiệu quả nhất từ năm thứ nhất đến năm thứ 5, trong thời gian này cây cao su chưa khép tán, sự cạnh tranh dinh dưỡng giữa cây trồng xen và cây cao su chưa cao, nên hiệu quả kinh tế của các cây trồng xen cao, việc trồng xen không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây cao su mà ngược lại việc trồng xen đậu đen, đậu tương, lạc sẽ làm cho đất tơi xốp, ngăn ngừa cỏ dại, chống xói mòn ”.

Việc phát triển cao su vùng Tây Bắc nói chung và Sơn La nói riêng là vấn đề đã được Đảng, Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, các công ty, Tập đoàn cao su Việt Nam, các đơn vị nghiên cứu khoa học tham gia chỉ đạo, triển khai thực hiện. Ngoài các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của địa phương và của Công ty cổ phần Cao su Sơn La, thì việc tạo điều kiện cho người dân có thêm những khoản thu nhập từ việc trồng xen các cây trồng khác trong giai đoạn cao su kiến thiết cơ bản góp phần bảo đảm cuộc sống, yên tâm chăm sóc, phát triển vườn cây cao su.

2. Phú Thọ: Mô hình ươm giống cây lâm nghiệp ở Trạm Thản

Về xã Trạm Thản, huyện Phù Ninh vào đúng thời điểm tháng 11, các vườn ươm cây giống lâm nghiệp đều tắt bật vào mùa. Nghề này xuất hiện ở Trạm Thản cách đây hơn 10 năm và đến nay đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, cho thu nhập cao, tạo việc làm cho bà con nông dân.



Vườn ươm cây giống của hộ chị Nguyễn Thị Thắm, mỗi năm gia đình chị ươm khoảng 50 vạn cây giống

Cả xã hiện có khoảng gần 50 hộ làm nghề ươm cây giống, riêng khu 1 có khoảng 40 hộ. Từ năm 2008, theo chương trình của Hội liên hiệp phụ nữ huyện, nhóm ươm giống cây lâm nghiệp của khu 1 đã hình thành. Ban đầu nhóm mới chỉ có 15 hộ, trung bình mỗi năm nhóm có thêm từ 3 đến 4 hộ tham gia. Các loại cây được ươm

đều là giống cây lâm nghiệp phổ biến như: Bạch đàn, keo tai tượng, lát, xoan, mỡ. Khi mới bắt đầu làm, các hộ gặp không ít khó khăn do chưa có hiểu biết về kỹ thuật và cách phòng, chống sâu bệnh, chưa biết cách ủ và gieo hạt giống đúng cách nên tỷ lệ cây sống không cao, chưa nắm bắt được thị trường nên có tình trạng không xuất bán được cây. Từ khi nhóm ra đời, hàng tháng các thành viên trong nhóm trao đổi với nhau về kinh nghiệm sản xuất, cách tiếp cận thị trường, đặc biệt các thành viên còn đổi công và giúp đỡ nhau trong sản xuất. Nhờ vậy, khoảng 5 năm trở lại đây, ươm giống cây lâm nghiệp đã phát triển mạnh. Trung bình mỗi hộ ươm khoảng 50 vạn cây/năm, trong đó có khoảng 5 hộ tổ chức với quy mô lớn, ươm khoảng 400 vạn cây/năm. Sau khi trừ chi phí, mỗi hộ thu lãi được 30 đến 50 triệu đồng, có hộ thu được trên 100 triệu đồng/năm. Mỗi vườn ươm tạo việc làm thường xuyên cho khoảng 4 lao động với mức thu nhập bình quân 2,5 triệu đồng/tháng. Bà Lê Thị Long, Trưởng nhóm ươm giống cây lâm nghiệp cho biết: “Khi mới làm chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn, nhất là về thị trường và kỹ thuật. Nhưng sau này tự tìm hiểu qua sách báo và được sự hỗ trợ của dự án Quản lý và sử dụng đất có sự tham gia (PLUM) nên chúng tôi được tập huấn kỹ thuật ở tất cả

các khâu. Đến nay, tuy dự án đã kết thúc nhưng nhóm vẫn duy trì được sự bền vững của dự án, nghề ươm giống cây ngày càng phát triển. Chúng tôi bảo đảm chất lượng cây xuất bán theo đúng yêu cầu của khách hàng nên giữ được uy tín. Qua nhiều năm chúng tôi đã có khách hàng quen và thông qua họ chúng tôi dần tìm hiểu được nhu cầu thị trường để ươm giống cây. Nhu cầu về giống cây mỗi năm mỗi khác, vì thế trước khi vào vụ ươm cây, chúng tôi phải tham khảo kỹ thị trường để tránh tình trạng cây thừa phải bỏ đi”.

Từ mô hình này, các hộ nông dân ở Trạm Thản đã có thêm việc làm, biết áp dụng những kiến thức đã được tập huấn vào sản xuất. Các hộ đã bắt đầu làm chủ trong quy trình sản xuất cây giống với chất lượng tốt, chủ động áp dụng và đưa khoa học kỹ thuật vào ươm giống cây lâm nghiệp. Cây giống không chỉ tiêu thụ trong tỉnh mà còn tiêu thụ ở các tỉnh khác như Thái Nguyên, Yên Bái, Hòa Bình, Bắc Kạn... Ươm giống cây lâm nghiệp đã trở thành nghề cho thu nhập chính của nhiều hộ gia đình ở địa phương và tương lai mô hình này sẽ nhân rộng hơn nữa.

3. Vĩnh Phúc

*** Mô hình trồng giống mướp đắng CN0244**

Vụ hè thu năm 2012, Trung tâm ứng dụng

tiến bộ khoa học và công nghệ Vĩnh Phúc đã phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn giống cây trồng Chánh Nông xây dựng mô hình trình diễn và giới thiệu giống mướp đắng lai F1 CN0244. Giống mướp đắng F1 CN0244 thế hệ mới do Công ty Monsanto Hoa Kỳ lai tạo, nhập nội vào Việt Nam và được phân phối độc quyền bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn giống cây trồng Chánh Nông. Đây là giống mướp đắng có khả năng sinh trưởng, phát triển rất tốt, ít nhiễm sâu bệnh, sản lượng cao và khả năng cho nhiều lứa, nhiều quả hơn so với một số loại mướp đắng đang được trồng sản xuất tại địa phương. Giống mướp đắng CN0244 có thể trồng quanh năm, hai vụ chính là: vụ xuân (tháng 2 - 3) và vụ hè (tháng 6 - 7).

Bà Trương Thị Viên ở Trưng Trắc, Phúc Yên, Vĩnh Phúc cho biết, vụ hè năm 2012, gia đình bà được các cán bộ của Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Vĩnh Phúc tập huấn kỹ thuật trồng 3 sào mướp đắng F1 CN0244, kết quả cho thấy, đây là giống mướp đắng cho năng suất cao, hoa nhiều, tỷ lệ đậu quả cao, nếu được tưới nước bón phân đầy đủ sau trồng khoảng 30 - 35 ngày đã cho thu hoạch quả. Hình dạng quả ngắn, màu xanh đậm và đặc ruột được người tiêu dùng rất ưa chuộng. Với giá bán 7.000 - 8.000 đồng/kg, hiện nay mỗi sào trồng mướp đắng của gia đình bà cho sản lượng khoảng 1,6 - 1,8 tấn

quả, sau khi trừ chi phí, thu lãi 3,5 - 4,5 triệu đồng/sào, trong khoảng thời gian 70 - 75 ngày.

Trong thời gian tới, Công ty trách nhiệm hữu hạn giống cây trồng Chánh Nông sẽ tiếp tục hỗ trợ giống, phân bón và kỹ thuật trồng, giúp người nông dân phát triển sản xuất, xây dựng vùng sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

(Nguồn: Khuyến nông)

*** Mô hình trang trại chăn nuôi ở sông Lô**

Sông Lô là một trong những huyện miền núi của tỉnh, mới được thành lập nên gặp nhiều khó khăn. Để tập trung phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi huyện cần có những chính sách hợp lý, có những hướng đi mới, sáng tạo và vận dụng linh hoạt trong từng điều kiện cụ thể thì mới có thể thực hiện được thành công nhiệm vụ này.

Với diện tích chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhưng hàng năm thường chịu ảnh hưởng của mưa lũ gây ngập úng nên sản lượng chưa cao, chưa tạo được những đột phá đem lại hiệu quả kinh tế. Nắm bắt được đặc điểm này, huyện đã có chính sách tập trung phát triển các mô hình chăn nuôi, nhằm đưa tỷ trọng ngành chăn nuôi ngày càng chiếm phần lớn trong tỷ trọng cơ cấu kinh tế. Huyện định hướng phát triển các mô hình trang trại, gia trại tập trung, xa khu dân

cư, đối tượng vật nuôi chủ yếu là lợn, gia cầm và các đối tượng nuôi truyền thống của địa phương đã có kinh nghiệm... Bên cạnh đó các mô hình trang trại trồng trọt cũng được khuyến khích phát triển mạnh mẽ.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nhiều địa phương trên địa bàn huyện đã hoàn thành quy hoạch đất đai, xây dựng vùng, khu trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư. Kinh tế trang trại đã và đang góp phần không nhỏ vào việc nâng cao sản lượng của ngành nông nghiệp, phát triển chăn nuôi hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh. Nổi bật trong những năm qua là các xã: Đồng Quế, Đồng Thịnh và Lãng Công, Bạch Lưu, là đại diện cho những địa phương có những mô hình kinh tế trang trại được phát triển sâu rộng, ngày càng có hiệu quả.

Là địa phương nổi tiếng với nghề nuôi rắn từ lâu đời, Bạch Lưu đã tận dụng để mở rộng, phát triển các mô hình nuôi rắn, đưa sản phẩm rắn mở rộng ra thị trường trong và ngoài tỉnh. Toàn xã Bạch Lưu có 6 thôn dân cư với hơn 600 hộ dân thì có đến gần 1/2 số hộ (trên 250 hộ) làm nghề nuôi rắn. Trong đó, thôn Hùng Mạnh có tới 60 hộ, thôn Xóm Làng có 55 hộ. Hộ nuôi ít nhất cũng có đến 200 con. Hộ nuôi nhiều có tới 400 - 500 con, chủ yếu nuôi rắn sinh sản và rắn

thương phẩm. Trừ chi phí mỗi năm các hộ thu lãi trên dưới 100 triệu đồng. Mô hình nuôi rắn đã và đang được nhân rộng trong toàn xã, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Bên cạnh đó xã còn chú trọng đưa các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả như trồng cà chua ghép trái vụ, mở rộng diện tích trồng dưa chuột để người dân có thể phát triển kinh tế đa dạng.

Khác với Bạch Lưu, Đồng Quế có nghề truyền thống, nhưng những năm gần đây xã lại đi lên mạnh mẽ với những mô hình chăn nuôi, là địa phương chú trọng phát triển kinh tế hộ gia đình vào nghề chăn nuôi gia cầm, lợn rừng, nhím, hươu sao, cá sấu

Đồng Thịnh có 1.135,02 ha đất tự nhiên, chủ yếu là đất đồi. Để giúp bà con nông dân xóa đói, giảm nghèo, năm 1995, huyện Lập Thạch triển khai dự án hỗ trợ bà con nông dân đưa giống vải Thanh Hà (Hải Dương) về trồng. Sau 3 năm trồng thử nghiệm, thu lứa quả đầu tiên. Nhận thấy đây là giống vải có chất lượng tốt, quả mỏng vỏ, mọng nước, hương vị thơm mát, bà con nông dân đã chiết cành, trồng ra diện rộng. Giờ đây, Đồng Thịnh đã là địa phương nổi tiếng với diện tích trồng vải lớn nhất của tỉnh. Thích ứng được với đồng đất địa phương nên vải có chất lượng thơm ngon đã trở thành thương hiệu cho

nhiều thương lái trong và ngoài tỉnh đến thu mua tận nơi. Với khoảng 1.000 hộ trồng hiện nay, cây vải đã và đang đem hiệu quả kinh tế cho nhiều hộ gia đình.

Các mô hình kinh tế trang trại ở sông Lô đang có những bước đi tích cực và đúng hướng. Đó là việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi để nâng cao chất và lượng sản phẩm, thay đổi phương thức sản xuất, thay thế thói quen sản xuất manh mún sang sản xuất hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn. Kinh tế trang trại tiếp tục hứa hẹn là yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế ngành nông nghiệp nói chung và ngành chăn nuôi của huyện nói riêng.

4. Quảng Ninh: Mô hình “Mỗi xã, phường một sản phẩm nông nghiệp đặc trưng” cho hiệu quả kinh tế cao ở Đông Triều

Thời gian qua, các địa phương của huyện Đông Triều đã triển khai nhiều mô hình chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, mang lại thu nhập cao cho nông dân, trong đó, mô hình trồng dưa leo tại thôn La Dương, xã Hưng Đạo là một trong những mô hình tiêu biểu, giúp người nông dân ở đây phát triển kinh tế, từng bước vươn lên thoát nghèo và làm giàu.

Ban đầu, chỉ có vài hộ trong thôn chuyển đổi từ trồng lúa sang dưa leo, nhưng vài năm gần đây, do nhận thấy cây dưa leo cho thu nhập cao nên đến nay, thôn La Dương đã có nhiều hộ trồng theo hình thức này. Theo kinh nghiệm của các hộ dân nơi đây, dưa leo là loại cây trồng rất thích hợp với đồng đất, tập quán canh tác của người dân địa phương, chi phí đầu tư thấp và đưa lại nguồn thu nhập cao. Ban đầu người dân đầu tư khoảng gần 4 triệu đồng/sào để mua cây dóc làm giàn cho cây dưa leo. Nhưng số dóc đó có thể dùng cho từ 8 - 10 vụ dưa. Tiền mua cây giống và phân bón cũng không tốn kém.

Dưa leo là loại dễ trồng, thời vụ ngắn, từ ngày xuống giống đến khi thu hoạch chỉ hơn 1 tháng. Việc chăm sóc cũng khá đơn giản. Trước khi trồng bón lót bằng phân chuồng, sau khi xuống giống từ 10 - 15 ngày thì bón thêm lân, đạm. Trong quá trình chăm sóc nông dân chỉ cần thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh để có biện pháp phòng trị kịp thời bảo đảm năng suất.

Mô hình trồng dưa leo của thôn La Dương cho hiệu quả kinh tế cao. Bình quân mỗi sào cho thu nhập từ 5 đến 6 triệu đồng, có thể nói gấp 5 lần so với cấy lúa. Dưa cũng là loại quả dễ tiêu thụ. Vào thời điểm thu hoạch, nhiều tiểu thương ở

Hòn Gai, Cẩm Phả, thành phố Hải Phòng đã về đây thu mua tấp nập. Có những hôm, bà con nông dân trong thôn đã bán ra gần 4 tấn quả với giá dao động từ 5.000 đến 12.000 đồng/kg. Việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ cây lúa sang trồng dưa leo đã góp phần giúp người nông dân tăng thu nhập. Ngoài ra, cây dưa leo cũng được xã Hưng Đạo chọn đăng ký sản phẩm trong chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm nông nghiệp đặc trưng”.

Trước đây, ở thôn La Dương chỉ có từ 4 - 5 ha đất trồng dưa, nhưng từ khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, được sự khuyến khích phát triển của địa phương, nhân dân đã mở rộng diện tích lên đến trên 13 ha, trung bình cho thu hoạch từ trên 150 triệu đồng/ha/vụ. Hiệu quả cây dưa leo mang lại đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây cũng là mô hình điển hình cho việc xây dựng cánh đồng mẫu, cánh đồng sản xuất tập trung của địa phương.

Với việc chuyển đổi cây trồng đúng hướng, đây sẽ là điều kiện để bà con nông dân của xã Hưng Đạo và các địa phương trong huyện Đông Triều tiếp tục nhân rộng mô hình và mạnh dạn chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện, môi trường canh tác, góp phần tạo

thêm công ăn việc làm và đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Bắc Ninh: Mô hình sản xuất giống lúa nếp phu thê

Vụ Mùa năm 2013, Hội Nông dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh triển khai mô hình sản xuất giống lúa nếp phu thê, với quy mô 12 ha, tại 87 hộ nông dân Hợp tác xã Ngô Cương xã Nhân Thắng.

Ngay từ đầu vụ Hội Nông dân huyện đã phối hợp với hợp tác xã ký kết hợp đồng cung ứng giống, bao tiêu sản phẩm với Sàn kết nối cung - cầu có trụ sở tại Hà Nội theo thỏa thuận. Theo đó đơn vị này hỗ trợ 50% giá giống, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân và thu mua thóc tươi ngay sau khi thu hoạch, giá thành bằng 1,5 lần giá thóc Khang Dân cùng thời điểm. Hợp tác xã thực hiện quy hoạch thành vùng sản xuất tập trung, cung ứng vật tư, phân bón, tổ chức dịch vụ làm đất, phòng trừ sâu bệnh đến khâu thu hoạch. Do vậy nông dân rất yên tâm, tin tưởng khi triển khai thực hiện mô hình.

Toàn bộ diện tích được chỉ đạo gieo cấy xong trước ngày 15-2-2013, bảo đảm đúng kỹ thuật. Hiện nay, diện tích lúa nếp của mô hình đã thu

hoạch xong, năng suất đạt 230 - 250 kg/sào lúa tươi (có những ruộng năng suất đạt trên 260 kg), bán ngay tại ruộng có giá 7.800 đồng/kg, cho thu nhập từ 1,8 - 1,9 triệu đồng/sào, cao hơn các giống lúa thường từ 300 - 400 ngàn đồng/sào.

Qua thực tế sản xuất cho thấy, quá trình chăm sóc cũng như đối với các giống lúa thường, tuy nhiên giống lúa nếp kháng bệnh đạo ôn kém nên phải thực hiện tốt công tác phòng trừ sâu bệnh, còn các điều kiện khác hoàn toàn phù hợp với trình độ canh tác và điều kiện thổ nhưỡng của địa phương.

Bà Trần Thị Lan, xã viên hợp tác xã chia sẻ: Gia đình bà cấy 4 sào lúa nếp, năng suất thu được 230 kg/sào, thu hoạch tới đâu là bán ngay cho công ty tới đó, không phải phơi nên cũng đỡ vất vả, trừ chi phí mỗi sào có lãi gần 1 triệu đồng.

Ông Cát Văn Nam - Chủ nhiệm Hợp tác xã cho biết, từ kết quả khả quan của mô hình, hợp tác xã sẽ mở rộng diện tích cấy giống lúa nếp phủ lên 20 ha chiếm 60% diện tích gieo cấy của hợp tác xã.

Trao đổi thêm về vấn đề này, bà Trần Thị Hoa Chủ tịch Hội Nông dân huyện Gia Bình nói, Hội Nông dân sẽ làm cầu nối giới thiệu công ty với các hợp tác xã, bảo đảm hợp đồng được thực hiện đúng như đã thỏa thuận, đồng thời

tham mưu với Ủy ban nhân dân huyện quy hoạch thành vùng sản xuất tập trung và có những chính sách hỗ trợ về giá giống, tập huấn khoa học kỹ thuật, bảo đảm phòng trừ sâu bệnh cho các hộ nông dân.

Đối với huyện Gia Bình, sản xuất nông nghiệp vẫn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh những giống lúa thuần, huyện đang có chủ trương mở rộng diện tích lúa hàng hóa, nhằm tăng hiệu quả trong sản xuất. Từ thành công của mô hình sản xuất lúa nếp phủ thê tại Hợp tác xã Ngô Cương, Hội Nông dân huyện Gia Bình đã tổ chức cho cán bộ hội nông dân các xã, thị trấn đến tham quan, học tập kinh nghiệm để nhân rộng mô hình trên phạm vi toàn huyện.

(Nguồn: Đài Phát thanh Gia Bình - Bắc Ninh)

II. CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ Ở MIỀN TRUNG

1. Thanh Hóa: Mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến của Tiến Nông

Mô hình cơ giới hóa đồng bộ và áp dụng các quy trình kỹ thuật canh tác Tiến Nông không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao, mà còn giải phóng được sức lao động cho người nông dân,

giúp họ tiếp cận được với tiến bộ khoa học kỹ thuật mới. Đây là mô hình đang được áp dụng rất thành công tại một số vùng nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Mô hình cơ giới hóa đồng bộ và áp dụng các quy trình kỹ thuật canh tác Tiến Nông được thực hiện tại một số đồng ruộng của các huyện Triệu Sơn, Hoằng Hóa và Thọ Xuân, trên diện tích từ 5 ha trở lên để thuận tiện cho việc áp dụng cơ giới hóa vào tất cả các khâu chính trong quá trình sản xuất lúa như làm đất, gieo mạ, cấy và thu hoạch. Ngoài ra, các khâu kỹ thuật, chăm sóc, bảo vệ lúa cũng sẽ được khuyến cáo, hướng dẫn theo các quy trình kỹ thuật canh tác Tiến Nông. Áp dụng mô hình cơ giới hóa đồng bộ này đã cho năng suất cao hơn từ 15 đến 20%, trung bình đạt từ 63 đến 65 tạ/ha, chi phí giảm hơn, giải phóng được sức lao động của người nông dân; giúp người nông dân tiếp cận được với tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

Theo đánh giá chung của Trung tâm Khuyến nông các huyện Triệu Sơn, Thọ Xuân, Hoằng Hóa, mô hình cơ giới hóa đồng bộ và áp dụng các quy trình kỹ thuật canh tác Tiến Nông đã thể hiện tính năng ưu việt ngay từ khâu làm đất. Trước đây, phương thức làm đất thông thường của địa phương là sử dụng trâu, bò để cày bừa,

hoặc máy lồng nhỏ để lồng đập rạ, làm đất không kỹ, tầng canh tác nông dưới 10 cm, rơm rạ phân hủy không hết. Do đó rất nhiều diện tích sau khi cấy khoảng một tuần cây lúa bị nghẹt rễ, nhất là về vụ mùa, thời gian ngắn. Với việc áp dụng mô hình cơ giới hóa đồng bộ, làm đất bằng máy công suất lớn, độ sâu tầng canh tác đạt từ 15 đến 20 cm, rơm rạ phân hủy nhanh, đất nhuyễn hơn, cây lúa sinh trưởng và phát triển nhanh, thuận lợi.

Bên cạnh đó, khâu làm mạ được gieo trong khay (khay mạ theo yêu cầu của máy cấy), sản xuất tập trung trong nhà xưởng cho nên được chăm sóc đúng khoa học kỹ thuật, không bị tác động của sâu bệnh, khi gieo cấy, lúa nhanh bén rễ xanh tốt (thời gian từ 12 đến 15 ngày gieo cấy), trong khi gieo mạ thủ công sẽ gặp nhiều rủi ro (thời tiết, sâu bệnh, trâu, bò phá hoại...). Làm mạ khay nếu có rủi ro thì đã có hợp tác xã, doanh nghiệp đền bù thiệt hại. Người dân chỉ phải trả cho hợp tác xã mỗi sào mạ khay 70 nghìn đồng, chi phí công cấy bằng máy là 120 nghìn đồng/sào, giảm 50 nghìn đồng/sào so với canh tác cũ. Cấy bằng máy, nông dân tiết kiệm tới một nửa chi phí, mạ được cấy đúng tuổi, tiến độ nhanh, không lo chậm thời vụ. So với cấy bằng tay, cây mạ khi nhổ hoặc xúc thành từng tảng sẽ đứt rễ, như vậy sẽ ảnh hưởng đến sức

khỏe của cây lúa, dẫn đến thời gian sinh trưởng và phát triển chậm lại, khả năng chống chịu sâu bệnh kém hơn.

Qua bốn tháng thực hiện mô hình đã cho thấy hiệu quả máy cấy mang lại trên mạ khay cao hơn hẳn. Cùng trên một đồng đất, cùng một loại giống, nhưng cấy tay và cấy máy bằng mạ khay khác hẳn so với canh tác truyền thống, năng suất lúa chênh lệch từ 15 đến 20%, trung bình đạt từ 63 đến 65 tạ/ha. Đáng chú ý, chi phí của mô hình cơ giới hóa đồng bộ và áp dụng các quy trình kỹ thuật canh tác Tiến Nông so với mô hình sản xuất truyền thống là 110 nghìn đồng/sào (2.200.000 đồng/ha). Năng suất cao hơn so với cấy bằng tay, phần chi phí công cấy, công gặt, làm đất giảm, giải quyết được vấn đề thiếu hụt lao động trong lúc mùa vụ khẩn trương. Việc đưa cơ giới hóa đồng bộ vào sản xuất lúa góp phần tiết kiệm được giống, thời gian lao động, kiểm soát được mật độ thuận lợi cho chăm sóc và bảo vệ cây lúa, giảm giá thành nguyên liệu đầu vào, đồng thời nâng cao năng suất chất lượng, tránh được thất thoát sau thu hoạch và mang lại lợi nhuận cao cho nông dân khi bán sản phẩm nông nghiệp.

(Theo Lê Kiên)

2. Hà Tĩnh

*** Mô hình trồng chuối tiêu hồng cho thu nhập trên 90 triệu đồng/ha**

Thực hiện Đề án phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong tiến trình thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, sau hơn 1 năm triển khai Ủy ban nhân dân xã Kỳ Trung, huyện Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh đã xây dựng thành công mô hình trồng chuối tiêu hồng bằng phương pháp nuôi cấy mô, mở ra hướng đi mới cho người dân.

Với diện tích vườn đồi, vườn rừng khá lớn, ngoài việc triển khai trồng trên gần 150 ha chè, những diện tích còn lại không thích hợp với cây chè còn khá lớn (600 ha, song xây dựng mô hình nào để phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai và nâng cao hiệu quả thu nhập cho người dân luôn là trăn trở của Đảng bộ và chính quyền xã Kỳ Trung).

Từ những suy nghĩ đó, xã đã tổ chức các đoàn tham quan học tập kinh nghiệm phát triển kinh tế tại các địa phương trong và ngoài tỉnh. Qua nhiều lần du nhập, khảo nghiệm các loại cây trồng, người dân Kỳ Trung đã lựa chọn mô hình trồng chuối tiêu hồng bằng phương pháp nuôi cấy mô bởi đó là giống cây thích hợp

với nhiều loại đất, vốn đầu tư ít nhưng lại cho hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay toàn xã đã có gần 300 hộ dân tận dụng hết diện tích sản xuất để trồng chuối.

Anh Nguyễn Đình Thanh, hộ nông dân ở thôn Đất Đỏ tham gia trồng 10 sào chuối cho biết, giống chuối này có ưu điểm là dễ trồng, ít sâu bệnh, quả nhiều. Sau khi trồng từ 4 - 5 tháng bắt đầu cho thu hoạch; lúa thứ hai sau lúa thứ nhất là 1,5 tháng; lúa thứ ba là 1 tháng (trong vòng 7 - 8 tháng thu hoạch được 3 lúa). Bình quân mỗi buồng có 8 - 10 nải, mỗi nải có 12 - 14 quả; năng suất đạt từ 45 - 50 tấn/ha. Khi quả chín có màu vàng sáng, hương vị thơm ngon, mẫu mã đẹp. Đặc biệt khi chín, vỏ vẫn dày và cứng nên ít bị hư hỏng, thuận tiện trong vận chuyển đi xa. Theo giá thị trường hiện nay, mỗi hécta chuối tiêu hồng trừ chi phí cây giống và công chăm sóc, khi thu hoạch còn cho lãi ròng trên 90 triệu đồng.

Hiệu quả từ mô hình trồng chuối tiêu hồng bằng phương pháp nuôi cấy mô đã được khẳng định và mở ra hướng đi mới cho người dân xã Kỳ Trung. Đây sẽ là cây hàng hóa giúp nông dân thoát nghèo, góp phần nâng cao thu nhập, thực hiện bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Kỹ thuật trồng và hiệu quả từ chuỗi tiêu hồng

Cách trồng:

- 1 sào trồng 25 cây; cây cách cây 2m.
- Từ khi trồng đến khi thu hoạch lần đầu là 4-5 tháng.

Lúa thứ 2 sau lúa thứ 1 là 1,5 tháng. Lúa thứ 3 là 1 tháng (trong vòng 7-8 tháng thu hoạch được 3 lúa)

Chi phí đầu tư: 55.000đ/cây (giống: 20.000 đồng, phân bón các loại: 25.000 đồng, công đào hố và trồng: 10.000 đồng); công chăm sóc và thu hoạch khoảng 1,5 triệu đồng. Tổng chi phí khoảng 2,8 triệu đồng /sào.

Thu nhập: Tính trên 1 sào: 70 buồng x 8 nải x 20 quả/nải x 700 đồng/quả = 7.840.000 đồng. Trừ chi phí 2.800.000 đồng còn lãi ròng = 5.040.000 đồng/sào.

(Theo *Bá Tân*)

*** Mô hình phát triển kinh tế vườn đồi ở xã Bắc Sơn, huyện Thạch Hà**

Là một xã miền núi của huyện Thạch Hà, những năm qua Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn đã đề ra nhiều chủ trương, nghị quyết nhằm giúp người dân phát triển kinh tế vườn rừng, vườn đồi, nhờ vậy đời sống của người dân nơi đây dần được cải thiện, tình hình kinh tế của toàn xã có nhiều chuyển biến tích cực.

Nằm ở phía tây của huyện Thạch Hà, xã Bắc Sơn là xã miền núi với diện tích tự nhiên trên 3.310 ha, trong đó diện tích đồi núi chiếm 70%.

Xác định kinh tế vườn đồi, vườn rừng là một thế mạnh để phát triển kinh tế, nên trong những năm qua chính quyền xã đã đề ra những chủ trương, nghị quyết sát với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Bên cạnh đó, với sự hậu thuẫn của chính quyền các cấp đã tạo điều kiện tối đa để người dân bắt tay vào việc phát triển kinh tế vườn rừng, vườn đồi có hiệu quả. Đến nay trên toàn xã Bắc Sơn đã có nhiều trang trại, gia trại, hộ gia đình phát triển trồng trọt, chăn nuôi có hiệu quả, góp phần giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động. Nhờ vậy bộ mặt kinh tế của xã có những bước tiến rõ rệt, đời sống của người dân được cải thiện, nhiều hộ gia đình thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

Nghề trồng hoa từ lâu được biết đến là một trong những nghề mang lại thu nhập cao, làm giàu cho nhiều hộ gia đình. Riêng với xã Bắc Sơn, do có điều kiện tự nhiên đất đai phù hợp với việc trồng hoa, nên những năm gần đây người dân địa phương đã đưa vào trồng một số loại cây hoa được thị trường ưa chuộng như: hoa đồng tiền, hoa cúc, hoa đào, để thay thế dần những cây trồng khác kém hiệu quả hơn. Đặc biệt hiện nay đào đang là một trong những cây trồng được bà con quan tâm.

Xác định cây chè là cây kinh tế mũi nhọn giúp người dân xóa đói, giảm nghèo, chính quyền xã

Bắc Sơn luôn quan tâm, có định hướng nhằm phát triển cây chè. Nhờ đó, chè Bắc Sơn đã phát triển cả về chất lượng cũng như số lượng. Theo bà con cho biết, việc trồng và chăm sóc chè cũng không đến nỗi vất vả, còn đầu ra thì không phải lo vì đã có người tới tận vườn để mua sản phẩm.

Đối với lĩnh vực chăn nuôi, hiện nay xã đang chú trọng đẩy mạnh phát triển các vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao như trâu, bò, lợn, gà, hươu. Tận dụng lợi thế vườn rừng, vườn đồi ở Bắc Sơn, hầu như hộ gia đình nào cũng chăn nuôi gà thả vườn, hộ nuôi ít nhất cũng 100 con, nhiều nhất có đến 2.000 con. Gà nuôi theo hình thức thả vườn vừa lớn nhanh vừa có khả năng miễn dịch tốt; do tận dụng được thức ăn từ nhiều nguồn, đặc biệt phụ phẩm từ nông nghiệp, nên giá thành đầu vào thấp, sản phẩm đầu ra được thị trường ưa chuộng, vì vậy mà hầu hết các hộ chăn nuôi gà đều có thu nhập cao.

Nghề nuôi hươu là nghề còn khá mới mẻ với người dân Bắc Sơn nhưng cũng đã hứa hẹn mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2011 trong xã mới chỉ có 1 - 2 hộ nuôi hươu với số lượng 3 - 5 con/hộ, nhưng hiện nay đã có 20 hộ nuôi với tổng đàn hươu lên đến 60 con. Đa số bà con nuôi hươu ở đây đều cho rằng con hươu thích nghi tốt với điều kiện thời tiết tại địa phương, thức ăn lại rất dễ kiếm... Sau 2 năm một số hươu đực đã

cho thu hoạch nhưng, số còn lại đang trong thời kỳ lên nhưng. Được biết hiện nay trên thị trường nhu cầu lợn nhưng rất lớn trong khi lượng cung cấp chưa đáp ứng đủ nhu cầu, vì vậy nên bà con cũng rất yên tâm.

Nghề nuôi lợn từ lâu được biết đến như một nghề truyền thống khá quen thuộc với đại đa số bà con nông dân. Ở Bắc Sơn trước đây bà con chủ yếu nuôi với quy mô nhỏ lẻ theo hộ gia đình, hiệu quả thấp, dịch bệnh hay xảy ra, dễ gây ô nhiễm môi trường. Hiện nay bà con đã chuyển dần sang hình thức nuôi tập trung trong trang trại khép kín cách xa khu dân cư, nhờ vậy đã giảm thiểu được rủi ro dịch bệnh, cũng như bảo đảm vệ sinh môi trường, cho lợi nhuận cao.

Mô hình phát triển kinh tế trên vườn rừng, vườn đồi ở Bắc Sơn đã giúp cho đời sống của người dân đang ngày một cải thiện, nhiều hộ gia đình thoát nghèo, tình hình kinh tế của toàn xã có nhiều chuyển biến tích cực, vì vậy mô hình cần được nhân rộng ở nhiều địa phương.

*** Mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học tại xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên**

Nhằm tạo điều kiện cho bà con nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi gà theo phương pháp an toàn sinh học, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hà Tĩnh xây dựng mô hình chăn nuôi

gà an toàn sinh học tại xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên thành công, đạt hiệu quả cao.

Cẩm Hòa là một xã ven biển nghèo, chăn nuôi nơi đây chưa phát triển mang tính bền vững. Việc xây dựng mô hình này đã tạo điều kiện giúp bà con tiếp cận các biện pháp an toàn sinh học vào chăn nuôi nhằm ngăn ngừa dịch bệnh, bảo vệ môi trường, hướng tới an toàn thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế. Với quy mô 2.000 con gà tại 4 hộ, sau 4 tháng triển khai đã cho kết quả rất tốt. Bà con đã chuyển đổi được nhận thức từ tập quán nuôi thiếu kiểm soát đến nay đã biết sử dụng vắc xin, tuân thủ đầy đủ lịch chủng ngừa cho đàn gà; chủ động phòng ngừa các bệnh dịch thường gặp cho gà ở các độ tuổi, sự thay đổi thời tiết; kết hợp vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi với sử dụng chất sát trùng, vôi ủ phân gà để hạn chế mầm bệnh. Chính vì vậy, đàn gà phát triển đồng đều, tỷ lệ sống đạt cao trên 98%, hiệu quả tăng rõ rệt so với chăn nuôi truyền thống. Ông Hồ Xuân Hùng, một hộ tham gia nuôi gà theo mô hình này cho biết: “Trước đây, chúng tôi chỉ dám nuôi 100 - 200 con thôi, nay được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, được hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ dịch bệnh, chúng tôi rất yên tâm, tin tưởng có thể nuôi nhiều đến cả ngàn con vẫn được”.

Với những kết quả đã đạt được từ mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học tại xã Cẩm Hòa sẽ là tiền đề tiếp theo mở ra nhân rộng chăn nuôi theo hướng bảo đảm an toàn sinh học trên toàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, phát triển kinh tế cho người nông dân.

3. Quảng Trị

*** Mô hình nuôi tôm cộng đồng ở Vĩnh Sơn**

Năm 2012, Vĩnh Sơn (Vĩnh Linh - Quảng Trị) được đánh giá là địa phương nuôi tôm đạt năng suất và hiệu quả cao nhất tỉnh.

Năm 2012, toàn xã có 150 ha nuôi tôm sú, năng suất bình quân 45 tạ/ha; tổng sản lượng đạt 761 tấn; doanh thu từ tôm khoảng 77,38 tỷ đồng, đạt 198% kế hoạch. Một vụ tôm thành công đã tạo niềm tin để người dân đầu tư, triển khai kế hoạch nuôi tôm 2013. Đến nay, toàn bộ 160 ha nuôi tôm sú của xã đã được thả con giống.

Tinh thần đoàn kết từ mô hình nuôi tôm cộng đồng trở thành “bí quyết” nuôi tôm thành công ở Vĩnh Sơn. Mô hình nuôi tôm bắt đầu xuất hiện ở Vĩnh Sơn vào năm 2000 với một số hộ nuôi nhỏ lẻ nhưng cho thu nhập khá nên chỉ vài năm sau, phong trào nuôi tôm ở đây phát triển mạnh, người dân đua nhau chuyển đổi ruộng đất, đào ao thả tôm. Tuy nhiên, do mạnh

ai nấy làm nên dịch bệnh trên tôm hoành hành, nhiều gia đình lâm vào cảnh nợ nần do nuôi tôm thua lỗ.

Đứng trước tình hình này, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Ban quản lý các hợp tác xã kiện toàn các ban điều hành cộng đồng nuôi tôm và ban hành các quy chế cộng đồng về nuôi tôm sú một cách cụ thể ở từng hợp tác xã. Dưới sự quản lý của Ban điều hành cộng đồng nuôi tôm, 15 tổ nuôi tôm cộng đồng cũng được hình thành. Mỗi tổ chịu trách nhiệm quản lý từng khu vực nhỏ, đôn đốc, hướng dẫn người dân thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp và tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật về cải tạo ao hồ, chọn giống, khung lịch thời vụ, mật độ thả tôm giống, sử dụng các chế phẩm sinh học để ổn định môi trường nước

Ông Trần Đức Hữu, Bí thư Chi bộ, Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã Huỳnh Thượng cho biết: “Hợp tác xã Huỳnh Thượng có 44,5 ha nuôi tôm với 155 hộ, hiện nay toàn bộ diện tích nuôi tôm của hợp tác xã đều khép kín, rào lưới B40, cứ 2 - 3 hồ tôm thì chung một giếng khoan. Tất cả các xã viên đều tuân thủ quy ước nuôi tôm cộng đồng của hợp tác xã là chỉ bơm nước một lần ở sông Bến Hải (có sử dụng hóa chất diệt khuẩn) vào cải tạo ao hồ đầu vụ nuôi. Sau khi thả con giống chỉ dùng nước giếng khoan cấp bổ sung

cho hồ tôm chú không sử dụng nước sông. Ai vi phạm thì bị ngừng cấp điện thấp sáng và điện chạy mô tơ. Vì vậy đã hạn chế tối đa sự lây nhiễm của dịch bệnh từ nguồn nước ngoài sông mang vào”.

Với phương châm nuôi một vụ tôm sú ăn chắc, toàn bộ diện tích 160 ha nuôi tôm ở Vĩnh Sơn chỉ để nuôi tôm sú và người dân bắt buộc phải tuân thủ quy định này. Trường hợp tôm bị bệnh, hộ nuôi tôm phải kịp thời báo cáo với tổ nuôi tôm cộng đồng, ban quản lý các hợp tác xã, các đại lý cung cấp thức ăn, thuốc để cùng nhau tìm biện pháp điều trị. Đặc biệt, tôm từ 45 ngày tuổi trở xuống (chưa đủ điều kiện thu hoạch) thì phải dùng hóa chất xử lý và không được xả nước ra môi trường. Thành viên các tổ và Ban điều hành nuôi tôm cộng đồng đều là những người có diện tích nuôi tôm tương đối lớn, vì vậy để bảo đảm tài sản của mình, mọi người đều làm việc rất có trách nhiệm, khơi dậy tinh thần tự giác, ý thức tập thể của mỗi xã viên. Nhờ đó vụ tôm năm 2012, toàn xã Vĩnh Sơn có trên 10 ha tôm bị bệnh ở đầu vụ đã được khống chế và dập dịch kịp thời.

Tinh thần cộng đồng ở vùng nuôi tôm Vĩnh Sơn còn được thể hiện ở mối quan hệ giữa các chủ hồ tôm với các đại lý kinh doanh thức ăn và

thuốc phục vụ nuôi tôm trên địa bàn xã. Ngoài việc bảo đảm về giá cả, chất lượng sản phẩm thì hệ thống đại lý này đã góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn đầu tư cho nhiều hộ nuôi tôm bằng cách cho lấy nợ tiền thức ăn và thuốc đến cuối vụ thu hoạch tôm mới thanh toán.

Theo tính toán của người nuôi tôm Vĩnh Sơn thì trung bình một hồ tôm (diện tích 1.000 m²) cần khoản vốn từ 90 - 100 triệu đồng, gồm các chi phí: cải tạo ao hồ đầu vụ 7 triệu đồng; giống từ 18 - 25 triệu đồng (bình quân thả 25 con/m²); điện 5 triệu đồng; thức ăn 35 - 40 triệu đồng; các loại thuốc xử lý môi trường và thuốc bổ cho tôm 30 - 35 triệu đồng. Nhìn vào danh mục chi phí, mọi người đều hiểu khoản đầu tư lớn nhất trong nuôi tôm là chi phí thức ăn và thuốc. Vì vậy, hình thức cho nợ tiền thức ăn và các loại thuốc đến cuối vụ thanh toán của hệ thống đại lý ở Vĩnh Sơn đã thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, thắt chặt tình làng nghĩa xóm để phát huy sức mạnh tập thể.

Cũng vì lẽ đó, thành quả mà người dân Vĩnh Sơn gặt hái được trong mô hình nuôi tôm cộng đồng rất đáng trân trọng. Mong rằng các địa phương sẽ học tập, nhân rộng cách làm này trên nhiều mô hình kinh tế khác.

(Theo *Lâm Thanh*)

*** Mô hình sản xuất nông nghiệp cho thu nhập 50 triệu đồng/ha ở huyện Vĩnh Linh**

Đề án “Nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp có giá trị thu nhập 50 triệu đồng/ha” được huyện Vĩnh Linh thực hiện từ năm 2007, nhằm ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, xác lập công thức luân canh, xen canh, gối vụ, kết hợp giữa trồng trọt với chăn nuôi, kỹ thuật canh tác hợp lý, khai thác tiềm năng sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định và không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Đề án này tập trung thực hiện sản xuất nông nghiệp theo hướng đa dạng, chuyên canh, thâm canh, tăng hệ số sử dụng đất, cải tạo độ phì cho đất, sản xuất theo hướng tập trung...

Qua 4 năm thực hiện đề án, huyện Vĩnh Linh đã có trên 6.300 ha diện tích canh tác cho thu nhập cao, trong đó có trên 4.500 ha cây công nghiệp dài ngày như cao su, hồ tiêu, 1.800 ha đất canh tác cây hàng năm. Các mô hình được xây dựng như mô hình lúa - cá - lợn; mô hình thâm canh lúa chất lượng cao; mô hình trồng khoai môn xen khoai lang gối sắn dây; mô hình trồng lạc - khoai môn gối sắn dây... Việc thực hiện đề án đã góp phần tăng hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân, tăng hệ số sử dụng đất từ 2,5 - 3 lần so với trước đây.

4. Thừa Thiên - Huế: Mô hình sản xuất nông sản bằng phân hữu cơ vi sinh

Tại vùng đệm Vườn quốc gia Bạch Mã, Thừa Thiên - Huế, người dân địa phương đã được chuyển giao kỹ thuật của Dự án xây dựng mô hình sản xuất nông sản bằng phân hữu cơ vi sinh (vùng rừng đệm ở Thừa Thiên - Huế phân bố trải dài thuộc địa phận các huyện Phú Lộc, Phong Điền, A Lưới và Nam Đông).

Trước đây, phần lớn hộ dân ở vùng rừng đệm sinh sống bằng khai thác rừng bất hợp pháp vì có ít đất sản xuất; hơn nữa đất chỉ canh tác được một vụ do thiếu nước nên năng suất thấp... Việc chuyển giao mô hình sản xuất nông sản bằng phân hữu cơ vi sinh đã giúp người dân địa phương tự làm được phân hữu cơ vi sinh tại chỗ từ phế thải trong nông nghiệp như vỏ trấu, phân chuồng, cành cây, cỏ

Phân hữu cơ vi sinh có ưu điểm cải tạo đất, hạn chế sử dụng hóa chất nên tiết kiệm được chi phí. Các loại nông sản như rau, lúa, củ, quả được chăm bón bằng phân hữu cơ vi sinh là sản phẩm an toàn được người tiêu dùng ưa chuộng nên giá bán cao. Nhờ vậy, hàng trăm hộ dân ở vùng rừng đệm thuộc các huyện Phú Lộc, Nam Đông, A Lưới đã có thu nhập ổn định

từ mô hình sản xuất nông sản bằng phân hữu cơ vi sinh.

(Theo Vietnam)

5. Ninh Thuận: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập cho người dân

Bắc Phong là xã trọng điểm về cây lúa của huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận với diện tích trên 500 ha. Để đạt được tiêu chí về thu nhập trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, xã đang tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khuyến khích nông dân liên kết sản xuất theo hướng hàng hóa, tăng giá trị trên đơn vị diện tích.

Về trồng trọt, Gò Sạn là thôn đi đầu trong chuyển đổi cây trồng, chọn sản xuất lúa giống để từng bước giảm dần diện tích lúa thương phẩm. Trong vụ đông - xuân vừa qua, có 20 hộ “dồn điền” liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống cây trồng Thành Nông (Lâm Đồng) sản xuất lúa giống nguyên chủng Hương thơm số 1. Kết quả là lúa giống sản xuất theo kỹ thuật mới giảm được chi phí, năng suất ngang bằng lúa thương phẩm (7 tấn/ha). Sản phẩm làm ra được Công ty thu mua với giá 7.500 đồng/kg nên lãi suất cao hơn 18 triệu đồng/ha, tăng gần gấp đôi so với trồng lúa thương phẩm.

Đồng chí Nguyễn Văn Khoa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, cho biết: Mô hình sản xuất lúa giống đã góp phần nâng cao thu nhập cho bà con, nên địa phương sẽ triển khai nhân rộng ở các thôn trong những vụ tới.

Trạm bơm Mỹ Nhơn đưa vào sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho xã Bắc Phong thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, để giảm 20% diện tích cây lúa theo Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng của xã, chủ trương chung của địa phương trong thời gian tới là vận động bà con sản xuất luân phiên nhiều loại cây trồng trên cùng một diện tích. Một số cánh đồng sản xuất 3 vụ lúa/năm trước đây, chuyển qua làm 2 vụ lúa, 1 vụ bắp lai hoặc đậu xanh. Riêng 230 ha đất ở cánh đồng Suối Đế, Suối Chinh thuộc địa bàn thôn Mỹ Nhơn do gặp khó khăn về nước nên làm một vụ lúa đông - xuân, còn vụ hè - thu và vụ mùa trồng bắp, đậu xanh hoặc trồng cỏ phục vụ chăn nuôi. Đồng chí Phạm Thái Sơn, Chủ tịch Hội Nông dân xã, cho biết: Qua khảo sát những đồng đất ở các thôn, việc chuyển đổi như trên là phù hợp với điều kiện tự nhiên và trình độ canh tác của nông dân địa phương. Hội Nông dân xã đang có kế hoạch liên hệ nguồn giống cung cấp cho nông dân sản xuất trong vụ mùa tới, giúp bà con nâng cao thu nhập.

Về chăn nuôi, địa phương chọn cừu và bò là hai vật nuôi chính. Đặc biệt, trước tình hình đồng cỏ ngày càng thu hẹp, địa phương chú trọng chuyển dần từ nuôi dê sang nuôi cừu vì cừu dễ nuôi, không kén thức ăn, giá trị kinh tế lại cao. Theo đó, địa phương đề ra giải pháp xây dựng các mô hình điểm, tổ chức tổng kết và đánh giá hiệu quả mô hình; vận động nhân dân cải tạo đàn, mở rộng diện tích trồng cỏ; tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi, thú y, chế biến thức ăn gia súc. Với sự vào cuộc của các ban, ngành, đoàn thể trong việc vận động nông dân thực hiện chuyển đổi vật nuôi, hiện nay tại địa phương xuất hiện nhiều hộ chăn nuôi cừu trên quy mô lớn, mỗi năm cho thu nhập hàng trăm triệu đồng. Riêng bò, trước đây bà con có tập quán nuôi quảng canh, trong đàn tự do giao phối nên bị thoái hóa giống, chất lượng giảm. Hướng chuyển đổi của địa phương là nuôi bán thâm canh, sinh hóa đàn bò. Mô hình này đang được thực hiện rất thành công tại thôn Mỹ Nhơn.

Có thể nói, xã Bắc Phong bước đầu thực hiện có hiệu quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng thu nhập cho nông dân. Kinh nghiệm của địa phương trong thực hiện chương trình là chọn các loại giống phù hợp, từ đó xây dựng mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao

rồi nhân ra trên diện rộng. Khi sản xuất tạo ra khối lượng hàng hóa lớn thì liên kết với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Với cách làm này, tin rằng xã Bắc Phong sẽ đạt được tiêu chí thu nhập cho người dân địa phương trong xây dựng nông thôn mới.

III. CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HIỆU QUẢ Ở MIỀN NAM

1. Đồng Nai

*** Mô hình liên kết các trang trại để sản xuất**

Tuy là xã thuần nông Bảo Hòa ở huyện miền núi Xuân Lộc (Đồng Nai) chỉ có hơn 2.000 hộ dân, nhưng 3 năm lại đây, toàn xã có trên 60 trang trại chăn nuôi và trồng trọt theo mô hình khép kín, đem lại lợi nhuận khá cao, giúp nhiều hộ nông dân thoát nghèo, vươn lên làm giàu nhanh chóng.

Để giảm bớt rủi ro, nhiều trang trại ở xã Bảo Hòa đã liên kết với nhau thành lập các câu lạc bộ năng suất cao để chia sẻ kinh nghiệm nhằm hạ giá thành xuống mức thấp nhất. Ông Phan Thượng Hùng, chủ trang trại chăn nuôi ấp Hòa Hợp cho biết: Gia đình ông cùng hơn 10 trang trại kết hợp lại, phân bổ chăn nuôi theo sở trường. Hộ thì chuyên nuôi

heo nái, hộ chuyên nuôi heo thịt. Nhưng khi giá cả tăng giảm thất thường, các hộ cùng ngồi lại bàn tính để người nuôi heo thịt, heo nái đều có lời. Cụ thể như giá heo giống trên thị trường hiện khoảng 1,9 triệu đồng/cặp, nhưng các hộ nuôi heo nái trong câu lạc bộ chỉ bán cho các trang trại thành viên với giá 1,5 triệu đồng/cặp, vì heo thịt đang giảm giá. Và ngược lại, khi heo giống gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, các trang trại nuôi heo thịt sẵn sàng hỗ trợ để người nuôi heo nái vẫn có lời. Theo ông Nguyễn Văn Chúc, chủ trang trại ở ấp Hòa Bình, việc liên kết giữa các trang trại còn giúp họ thống nhất được giá bán, tránh trường hợp bán phá giá khi heo bị ế hàng. Ngoài ra, các trang trại còn hỗ trợ nhau vốn khi gặp khó khăn để giữ hàng đến thời điểm được giá sẽ bán ra. Do đó, lợi nhuận các trang trại thu được trên cùng một diện tích thường cao hơn 2-4 lần so với những hộ sản xuất nhỏ lẻ... Ông Nguyễn Văn Đến, Chủ tịch Hội Nông dân xã Bảo Hòa cho biết: 3 năm lại đây, trung bình mỗi năm xã có gần 10 hộ xin thành lập trang trại chăn nuôi, trồng trọt, giúp nông dân thuận lợi hơn trong việc quản lý dịch bệnh và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hiện xã đang vận động các hộ có nhiều đất lập trang trại, liên kết thành câu lạc bộ và tiến tới

là liên hiệp câu lạc bộ để hỗ trợ nhau tạo ra các sản phẩm bảo đảm về chất lượng và số lượng đủ sức cạnh tranh với thị trường".

*** Mô hình trang trại chăn nuôi lớn**

Tại khu vực ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh thuộc huyện miền núi Tân Phú, nhiều người đã mạnh dạn đầu tư chuồng trại chăn nuôi tập trung với quy mô lớn và nơi đây cũng đang được huyện quy hoạch thành vùng chăn nuôi rộng đến 250 ha. Trước đây, ông Nguyễn Văn Thái cũng như nhiều nông dân ở ấp Bàu Mây, chăn nuôi heo theo quy mô gia đình để cải thiện đời sống. Sau nhiều năm, nhận thấy cách nuôi đó chỉ cho thu nhập thấp, ông đã liên hệ nuôi gia công cho Công ty CP và đầu tư xây dựng chuồng trại với quy mô lớn. Ông Thái cho biết, đất vườn nhà khá rộng với hơn 4 ha, hồi trước cũng nuôi heo, nhưng với quy mô nhỏ lẻ nên hiệu quả không cao, phần vì dịch bệnh, phần do heo chậm lớn, đến khi xuất chuồng lại đựng giá hạ. Thông qua một số bạn bè rủ rê hùn vốn, ông đã ký hợp đồng nuôi gia công với Công ty CP. Trước đó, cán bộ kỹ thuật của CP xuống kiểm tra mặt bằng xem có phù hợp với điều kiện chăn nuôi lớn hay không hướng dẫn quy cách xây dựng chuồng trại, cùng các trang thiết bị kèm

theo. Chi phí xây dựng chuồng trại khoảng 300 triệu đồng với quy mô nuôi trên 520 con. Trong 3 năm hợp đồng nuôi gia công, công ty sẽ đầu tư heo giống, thức ăn, hướng dẫn kỹ thuật, thu lại toàn bộ số heo nuôi và trả tiền công chăn nuôi cho gia đình theo trọng lượng của heo. Đây là lứa nuôi đầu tiên, chỉ chưa đầy 3 tháng, nhưng bình quân đàn heo đạt khoảng 80kg/con, trong tháng tới, sẽ cho xuất chuồng. Ước tính lứa nuôi này, sau khi trừ chi phí, gia đình sẽ lời được 50 triệu đồng. Đó là chưa kể 2 ha ao cá, được nuôi từ phân và nguồn thức ăn dư thừa của heo mà không phải tốn tiền đầu tư thức ăn cho cá. Ông Thái cho biết: Nếu việc nuôi thuận lợi như hiện nay, chỉ trong vòng hai năm gia đình sẽ thu lại vốn và có lãi.

Hiện nay, ở Bàu Mây có khoảng 8 trang trại đã và đang được xây dựng để chăn nuôi heo, gà và hầu hết là nuôi gia công cho các công ty nước ngoài, trong đó, chị Võ Thị Ánh Tuyết là người đầu tiên thực hiện. Với hệ thống 5 dãy trại lạnh, mỗi năm xuất chị cho công ty từ 4 đến 5 lứa, mỗi lứa từ 60 đến 70 ngàn con gà. Sau khi trừ hết chi phí điện, nước và tiền công, mỗi lứa chị còn lãi được hơn 80 triệu đồng cùng với 2 tấn cá chim và 1 tấn cá trê, nuôi từ sản phẩm phụ của gà. Chị Tuyết cho biết: Vùng đất Bàu

Mây rất lý tưởng cho việc chăn nuôi vì thoáng mát, địa thế bằng phẳng, cách xa khu dân cư. Thấy được hiệu quả từ chăn nuôi tập trung theo quy mô lớn của chị Tuyết, đến nay đã có hàng loạt trang trại đang được xây dựng với quy mô hàng tỷ đồng. Điển hình như trang trại của anh Trần Quốc Dũng, Mai Quang Thái, Lê Mạnh Cường... với số tiền đầu tư từ 2 đến 4 tỷ đồng mỗi trang trại.

Để hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, mới đây huyện Tân Phú đã phối hợp với Viện Quy hoạch đô thị nông thôn tiến hành quy hoạch các vùng chăn nuôi ổn định. Trong đó, ấp Bàu Mây được quy hoạch 250 ha để xây dựng vùng chăn nuôi tập trung. Ông Nguyễn Hồng Phúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh cho biết: Việc hình thành các trang trại chăn nuôi với quy mô lớn ở Bàu Mây là phù hợp với xu thế. Hơn nữa, khu vực Bàu Mây là đất pha cát, đất xám bạc màu nên trồng cây khó khăn và kém hiệu quả. Ông Nguyễn Văn Hóa, Trưởng ấp Bàu Mây cho biết, từ khi hình thành một số trang trại chăn nuôi ở đây đã giải quyết nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương. Tuy đã có một số trại nuôi từ nhiều năm nay, nhưng do những chủ trang trại tập trung làm tốt công tác xử lý môi trường và phòng, chống dịch bệnh

nên chưa có người dân nào phản nản về tình trạng gây ô nhiễm môi trường.

(Theo báo điện tử

Đảng Cộng sản Việt Nam)

2. Cần Thơ: Mô hình liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ

Mô hình liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ lúa thông qua "cánh đồng lớn" ở Cần Thơ đạt được nhiều thành quả tích cực đang được nhân rộng. Cánh đồng lớn được đánh giá là mô hình tiên tiến trong việc tạo gắn kết giữa nông dân và doanh nghiệp hiện nay. Nông dân tham gia cánh đồng lớn không chỉ gia tăng lợi nhuận nhờ giảm các chi phí sản xuất đầu vào và bán sản phẩm đầu ra được giá cao, mà còn nâng cao ý thức cộng đồng trong việc phát triển sản xuất theo hướng tập trung, hiện đại gắn với bảo vệ môi trường. Ông Đoàn Đức Trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Vĩnh Thạnh, cho biết: "Năm 2012, mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn huyện thực hiện được 400 ha, sang năm 2013 đã phát triển lên 3.281 ha. Nông dân tham gia mô hình có lợi nhuận tăng thêm 4 - 5 triệu đồng/ha so với nông dân bên ngoài và môi trường cũng ít bị ảnh hưởng do nông dân đã ứng dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật vào sản

xuất, nhất là bón phân, xịt thuốc đúng cách. Cánh đồng lớn có ý nghĩa thiết thực đối với nông dân và doanh nghiệp, cần được tiếp tục nhân rộng để thúc đẩy phát triển "tam nông" bền vững".



Thu hoạch lúa thu đông 2013 tại mô hình "Cánh đồng lớn" của Tổ hợp tác sản xuất Khiết Tâm ở xã Thạnh Lợi, huyện Vĩnh Thạnh

Theo ngành nông nghiệp Cần Thơ, không chỉ trong sản xuất lúa mới hình thành được các mô hình sản xuất cho hiệu quả cao. Trong lĩnh vực chăn nuôi và các hoạt động trồng trọt khác cũng xuất hiện nhiều mô hình tốt. Cụ thể, các mô hình sản xuất luân canh, chuyển đổi từ canh tác lúa hè thu sớm kém hiệu quả sang trồng đậu xanh, đậu nành, mè đã cho hiệu quả kinh tế rất cao. Mô hình trồng đậu nành trên đất lúa

tại một số quận, huyện ở thành phố Cần Thơ đã giúp nông dân đạt lợi nhuận trên 17 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn 12 triệu đồng/ha/vụ so với trồng lúa. Mô hình sản xuất luân canh lúa với nuôi các loại thủy sản, nhất là trong mùa lũ cũng khẳng định hiệu quả hơn làm 3 vụ lúa/năm. Theo ông Lâm Minh Trí, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cờ Đỏ: "Huyện là một trong những địa phương phát triển mạnh các mô hình luân canh nuôi thủy sản trên chân ruộng lúa. Từ đầu năm 2013 đến nay, diện tích thả nuôi các loại thủy sản trên ruộng đạt trên 3.775 ha, chiếm 60% tổng diện tích nuôi thủy sản trên địa bàn. Năm nay, các mô hình nuôi cá trên ruộng lúa tiếp tục cho hiệu quả tốt, nông dân đạt lợi nhuận bình quân 5-8 triệu đồng/ha/vụ. Riêng mô hình nuôi tôm càng xanh lợi nhuận tới 60-70 triệu đồng/ha/vụ, nhưng mô hình này còn ít hộ tham gia do đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu lớn".

Các quận, huyện ven đô như: Cái Răng, Bình Thủy, Ô Môn, Phong Điền cũng hình thành nhiều mô hình nông nghiệp đô thị. Đáng chú ý là các mô hình trồng rau màu chuyên canh, trồng các loại nấm, hoa kiểng, phát triển vườn cây ăn trái gắn với du lịch sinh thái. Trong đó, mô hình chuyên canh các loại cây ăn trái đặc sản như vú sữa, dâu hạ châu, nhãn Ido, sầu

riêng ... có thể cho thu nhập 120 - 200 triệu đồng/ha/năm. Đây cũng là hướng phát triển phù hợp theo quy hoạch của ngành nông nghiệp để hướng đến nền nông nghiệp xanh, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích.

3. Long An

*** Mô hình liên kết 4 nhà sản xuất ở Mộc Hóa**

Trong vụ lúa đông xuân năm 2013, tại ấp Hương Trang, xã Bình Hòa Trung huyện Mộc Hóa có gần 230 ha đất sản xuất tham gia mô hình liên kết “4 nhà”, đây là mô hình có diện tích tập trung lớn nhất nằm trong chương trình “Cùng nông dân ra đồng” của Công ty cổ phần bảo vệ thực vật An Giang triển khai thực hiện.

Đến nay, toàn bộ diện tích sản xuất nằm trong mô hình đã được thu hoạch dứt điểm, với năng suất đạt từ 7-7,5 tấn/ha, tăng gần 1 tấn/ha so với vụ đông xuân trước, ước tính tổng sản lượng lúa trong mô hình khoảng 1.500 tấn. Theo bà con nông dân cho biết, nhờ tuân thủ các quy trình canh tác “1 phải - 5 giảm”, chọn giống cấp xác nhận, sử dụng phương pháp sạ thưa - sạ hàng, đồng thời quản lý và phòng trừ sâu bệnh theo đúng hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật, nên chi phí đầu tư giảm hơn 500.000 đồng/ha trong khi năng suất vẫn tăng lên.

Hiện nay Công ty Lương thực Long An cũng đang triển khai việc kiểm tra chất lượng lúa hàng hoá, tiến hành thu mua theo hợp đồng đã ký kết với bà con nông dân trong mô hình, với mức giá 4.800 đồng/kg đối với lúa VND 95-20, cao hơn từ 150-200 đồng/kg so với giá thu mua ngoài thị trường cùng thời điểm. Với năng suất và mức giá như hiện tại, mỗi hécta sau khi trừ chi phí nông dân có lãi từ 15-20 triệu đồng. Qua đây cho thấy, mô hình liên kết “4 nhà” đã phát huy hiệu quả, giúp nông dân an tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững.

*** Mô hình trồng đay phục vụ sản xuất bột giấy trên đất phèn**

Cây đay là loại cây trồng thích nghi tốt trên đất phèn, tuy nhiên từ trước đến nay, ở tỉnh Long An nông dân chỉ biết sản xuất giống đay thân trắng, lá xẻ thùi để lấy tơ cung cấp cho các nhà máy đay dệt bao.

Việc sản xuất đay lấy tơ có hai hạn chế là: đầu ra bấp bênh và gây ô nhiễm môi trường do phải ngâm giặt đay trong kênh, rạch. Mới đây, Nhà nước đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bột giấy Phương Nam tọa lạc tại Thạnh Hóa, Long An, với công suất 100.000 tấn bột/năm, mà nguyên liệu chính là từ cây đay, với tổng lượng nhu cầu cây đay tươi 600.000 tấn/năm. Như

vậy, với khoảng 15.000 ha diện tích trồng đay mới có thể đáp ứng đủ nhu cầu cho nhà máy sản xuất bột giấy nói trên.

Trước tình hình trên, từ tháng 9-2009 đến tháng 12-2011, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Đồng Tháp Mười - thuộc Viện Khoa học kỹ thuật miền Nam đã nghiên cứu thành công quy trình canh tác đay tại hai xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Hóa và xã Bình Hòa Đông, huyện Mộc Hóa để phục vụ cho vùng nguyên liệu sản xuất bột giấy ở địa phương này. Qua đó góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống cho người dân.

Thành công ban đầu của mô hình đã cho thấy đây là mô hình dễ làm, đạt hiệu quả kinh tế cao, phù hợp trên vùng đất phèn. Vì vậy mô hình này cần được nhân rộng để giúp cho bà con nông dân vùng Đồng Tháp Mười yên tâm mở rộng sản xuất, phát triển theo hướng hàng hóa bền vững.

Dưới đây, xin giới thiệu quy trình kỹ thuật trồng cây đay đã được nghiên cứu thành công:

1. Thời vụ trồng

Từ ngày 20-3 đến giữa tháng 4 dương lịch là tốt nhất (ngay sau khi thu hoạch lúa đông xuân) để tranh thủ độ ẩm đất vẫn còn đủ để gieo hạt.

2. Chuẩn bị đất

Xới đất và tạo líp rộng 4-5 m theo hướng dốc

của ruộng, tạo rãnh giữa các lớp rộng 30-40 cm để thoát nước kết hợp làm lối đi thuận lợi cho chăm sóc, bón phân, nhất là khi đay lớn. Nông dân có thể sạ chay (không làm đất), tuy nhiên cần tạo lớp và rãnh như trên.

3. Giống

Sử dụng giống đay Tainung, lượng giống gieo 14 kg/ha với tỷ lệ nảy mầm trên 85%.

4. Gieo hạt

Hạt giống được ngâm 4-5 giờ trước khi sạ. Sau khi sạ xong, bơm nước vào ngâm khoảng 5-6 giờ, sau đó tháo nước, giữ đất ẩm để hạt nảy mầm. Hạt giống được gieo đều trên lớp với độ sâu lấp hạt khoảng 1,5 cm. Cũng có thể gieo theo hàng trên lớp với khoảng cách 20 cm giữa các hàng.

5. Bón phân

Liều lượng và thời kỳ bón:

- Bón lót: 100% lân nung chảy (30 P₂O₅).
- Bón đợt 1 (10-12 ngày sau gieo): 25%N + 50% DAP + 50% KCl.
- Bón đợt 2 (30-35 ngày sau gieo): 40%N + 50% DAP + 50% KCl.
- Bón đợt 3 (50-55 ngày sau gieo): 35%N.

6. Phòng trừ cỏ dại

Dùng thuốc trừ cỏ Onecide với liều lượng 0,7-1,0 lít/ha để trừ cỏ và lúa cỏ.

7. Chăm sóc

- Tỉa dặm: Khi đang được 10-12 ngày tuổi, tiến hành tỉa dặm tạo quần thể đồng đều. Mật độ thích hợp: 35-40 cây/m².

- Chế độ nước: Giai đoạn cây con (dưới 30 ngày tuổi) chỉ cần giữ ẩm, không để đọng nước (cây kém phát triển hoặc bị chết). Trường hợp đất khô cần bơm nước tưới bổ sung kết hợp bón phân và tưới nước để nâng cao hiệu quả phân bón.

8. Sâu bệnh hại và biện pháp phòng trừ

- Sâu đất: Phá hoại lúc cây mới mọc, cắn ngang thân cây vào ban đêm, ban ngày ẩn dưới đất. Phòng trị: Xử lý đất trước khi gieo với một trong các loại thuốc sau: Basudin 10H: 20kg/ha, Diaphos 10G, Diazan 10H... hoặc phun xịt Fastac 5EC, Karate 2,5EC vào ban đêm.

- Sâu đo xanh, sâu đục ngọn: Thăm đồng thường xuyên, phát hiện sớm, phun xịt các loại thuốc đặc trị khi sâu non mới nở.

- Bệnh thối thân do nấm *Macropaomina phaseol.*: Trên lá và thân xuất hiện những đốm nâu đen da thân bị khô, sần sùi. Nấm có thể tấn công cả trái và hạt. Thời tiết ẩm ướt giúp bệnh lan truyền nhanh hơn. Thuốc hóa học: Zineb 80WP, Kitazin 50EC, Validacin 5SL.

- Bệnh thối rễ do nấm *Rhizoctonia violaceae.*: Trên rễ và cổ rễ xuất hiện một lớp nấm như tơ

màu tím đậm. Ít lâu sau xuất hiện các hạch màu nâu đen. Rễ cây bị thối, thân cây héo. Bệnh xuất hiện nhiều vào giai đoạn cây con. Phòng trừ: Xử lý hạt giống trước khi gieo bằng các loại thuốc Ceresan, Falisan hoặc sau gieo 7 ngày dùng thuốc Zineb 80WP xịt kỹ phần gốc. Gieo sạ vừa phải không nên gieo dày.

- Bệnh cháy lá do nấm *Phoma* sp.: Bệnh lan ra từ đầu lá trở xuống, lúc đầu như vết phỏng rồi chuyển sang màu xám tro có lốm tốm đen, lá tóp lại, cong, dễ rụng. Thuốc hóa học: Zineb, Kitazin, Validacin.

- Bệnh sưng rễ do tuyến trùng *Melodogyne* sp. Bệnh bắt đầu biểu hiện lá bị vàng úa, cây cằn cỗi, rễ bị sưng, cây khô chết dần. Phòng trừ: Tưới nước tràn vào ruộng, sau đó tháo nước hạn chế tuyến trùng phát triển. Xử lý đất trước khi gieo bằng thuốc Basudin 10H 20kg/ha. Có thể sử dụng thuốc trị như Mocap 10G, Nemagon, Furadan3G.

9. Thu hoạch

Thu hoạch sau gieo 150 ngày hoặc trước khi cây được khoảng 10 hoa (lúc vừa có trái non) sẽ cho năng suất sinh vật cao nhất.

10. Hiệu quả kinh tế

Sau 5 tháng trồng (150 ngày), năng suất đạt từ 62 - 73 tấn/ha (trung bình 65 tấn/ha), giá bán cho nhà máy 550 đồng/kg đạt tươi,

tổng thu 35 triệu đồng, trừ chi phí 15 triệu đồng, lãi bình quân là 20 triệu đồng/ha, cao hơn trồng lúa gấp đôi.

(Theo *Mai Thành*)

4. Vĩnh Long

*** Mô hình sản xuất lúa tập thể mang lại hiệu quả cao**

Thời gian qua, bà con nông dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện thành công nhiều mô hình sản xuất như “1 phải, 5 giảm”, “Sản xuất lúa 4 tốt”, “Cộng đồng sản xuất lúa bền vững”, “Cùng nông dân ra đồng” Đây được xem là những thành công trong việc vận động nông dân liên kết cùng nhau hợp tác sản xuất theo hướng tập thể, nâng cao năng suất và chất lượng lúa hàng hóa.

Tam Bình là một trong những huyện đi đầu trong phong trào sản xuất lúa tập thể ở tỉnh Vĩnh Long. Thời gian qua, toàn huyện có 74/132 ấp vận động nông dân tham gia mô hình cộng đồng sản xuất lúa bền vững gắn với sản xuất lúa chất lượng cao trên diện tích hơn 1.300 ha. Nhờ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, áp dụng phương pháp sạ hàng và quản lý tốt dịch hại nên nông dân vừa giảm được chi phí đầu tư trong canh tác, vừa tăng năng suất, chất lượng lúa hàng hóa.

Tùy theo điều kiện của từng địa phương, ngành nông nghiệp tỉnh đã xây dựng mô hình sản xuất lúa tập thể với quy mô từ 3 - 5 ha, thu hút từ 10 đến 20 hộ nông dân tham gia. Tại đây, nông dân đều áp dụng các biện pháp kỹ thuật như: Làm đất kỹ, trực trực trước khi gieo sạ, sử dụng giống tốt, gieo sạ hàng đồng loạt vào thời điểm né rầy, bón phân đạm theo bảng so màu lá và cân đối lượng phân bón kết hợp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo phương pháp “4 đúng, an toàn và hiệu quả”, đồng thời áp dụng quy trình canh tác theo chương trình “3 giảm, 3 tăng” kết hợp tiết kiệm nước, phòng trừ dịch hại IPM,

Đến nay tỉnh cũng đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất tập thể tại các huyện Trà Ôn, Mang Thít, Long Hồ. Đặc biệt mới đây, ngành Nông nghiệp tỉnh còn kết hợp với Công cổ phần bảo vệ thực vật An Giang xây dựng mô hình sản xuất lúa tập thể “Liên kết 4 nhà” tại các huyện trong tỉnh. Kết quả thu hoạch từ các mô hình sản xuất lúa tập thể cho thấy, so với ruộng canh tác đơn lẻ ngoài mô hình, bình quân chi phí sản xuất giảm từ 3 - 5 triệu đồng/ ha; năng suất lúa cao hơn gần 1 tấn/ ha, lợi nhuận thu thêm từ 3 - 4 triệu đồng/ ha.

Theo thạc sĩ Nguyễn Văn Liêm, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Vĩnh Long: Mô hình liên kết 4 nhà là mô hình lần đầu. Tuy nói là lần đầu nhưng những dạng mô hình cộng đồng sản xuất lúa theo hướng bền vững chúng ta đã thực hiện trong những năm qua. Mục tiêu là chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân quản lý đồng ruộng an toàn và hiệu quả, góp phần giảm giá thành, tăng lợi nhuận, bảo vệ môi trường...

Cái hay của các mô hình sản xuất lúa tập thể là nông dân sẽ cùng tham gia bàn bạc và đưa ra giải pháp xử lý có hiệu quả, đoàn kết trong sản xuất và vững tin trong việc quản lý đồng ruộng. Từ đó giúp họ nâng cao nhận thức, xóa bỏ tập quán sản xuất lạc hậu, tự phát, phân tán riêng lẻ, hướng tới làm quen với loại hình kinh tế tập thể vì lợi ích chung. Đây là mô hình sản xuất lúa khoa học, tiên tiến nhằm cải thiện môi trường và tăng thu nhập cho nông dân cần được nhân rộng trong toàn tỉnh.

(Theo *Lê Hải*)

*** Mô hình luân canh dưa hấu trên đất ruộng**

Nhằm khuyến khích nông dân tiếp tục đưa cây màu xuống ruộng, tiếp thu áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần thay đổi cơ cấu cây trồng, cải tạo môi trường sinh thái và tăng thu nhập cho người nông dân trên cùng diện tích canh tác, Trung tâm Khuyến nông

Vĩnh Long, trạm Khuyến nông Vũng Liêm thực hiện mô hình trồng luân canh dưa hấu (giống dưa hấu Thành Long 522 dạng hình oval, vỏ màu xanh, ruột đỏ, vỏ dày, ít sâu bệnh, thích hợp trồng mùa mưa, khâu vận chuyển và bảo quản tốt. Phẩm chất trái ngon ngọt và màu sắc đẹp) trên chân đất lúa ở ấp Rạch Nưng, xã Trung Hiệp. Thời gian thực hiện từ tháng 5 đến tháng 7-2012, quy mô 5 ha cho 14 hộ với hình thức hỗ trợ 100% hạt giống, 30% vật tư, còn lại là vốn đối ứng của nông dân.

Sau hơn 2 tháng dưa đã cho trái. Theo tính toán, 1 ha dưa hấu năng suất trung bình 20 tấn, giá bán 4000 đ/kg, cho tổng thu là 80 triệu đồng/ha. Sau khi trừ chi phí 40 triệu đồng/ha, bà con thu được lợi nhuận 40 triệu đồng/ha.

Nhìn chung mô hình đã đạt được nhiều hiệu quả tích cực về xã hội và kinh tế: Thay đổi tập quán sản xuất dưa cây màu xuống ruộng (từ sản xuất 3 vụ lúa/ năm chuyển đổi thành 2 vụ lúa và 1 vụ màu/ năm); góp phần tăng thu nhập cho người nông dân, tạo phong trào thi đua sản xuất ở địa phương; thân thiện với môi trường, cân bằng hệ sinh thái đồng ruộng; khuyến khích bà con áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt. Qua thực tế cho thấy bà con dưa cây màu xuống ruộng cùng vụ sẽ cho lợi nhuận gấp ba lần trồng lúa.

*** Mô hình trồng xen màu trong vườn cây ăn trái**

Được sự tư vấn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Long và sự hỗ trợ của Tổ chức hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) về xây dựng và cải tạo vườn cam sành ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, ở huyện Tam Bình, một số nông dân đã tham gia chương trình để cải tạo lại vườn cây ăn trái của mình. Trong số đó có hộ gia đình ông Võ Văn Lý ở xã Ngãi Tứ huyện Tam Bình. Diện tích vườn nhà ông gồm 1 ha. Khi tham gia chương trình ông được đầu tư cải tạo lại toàn bộ diện tích vườn, hỗ trợ 100% cam giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hướng dẫn kỹ thuật trồng. Đến nay cam đã được 3 năm, phát triển tốt. Ngay từ khi mới trồng, do cam còn nhỏ, khoảng cách trồng thưa (4 x 4 m) nên ông đã tận dụng diện tích đất trống giữa hai hàng cam để trồng xen các loại rau màu trên mặt liếp góp phần tăng thêm thu nhập cho gia đình giai đoạn cam chưa cho trái.

Thấy được hiệu quả của việc trồng màu trong vườn cây ăn trái, nên ông vẫn tiếp tục duy trì mô hình này cho đến nay. Trung bình mỗi vụ khoảng 3 tháng, trồng xen kẽ thêm các loại màu, ví dụ: Đầu vụ từ tháng 1 đến tháng 3 trồng bí đao, từ tháng 4 đến tháng 6 trồng khổ qua, tháng 7 đến tháng 9 trồng đậu que, cuối vụ

trồng dưa leo. Tính ra, mỗi năm ông thu nhập từ 4 vụ màu trên 200.000.000 đồng/ha. Trung bình mỗi vụ màu cho lợi nhuận từ 40.000.000 - 60.000.000 đồng/ha. Nhờ trồng xen mà ông có thêm thu nhập để chăm sóc vườn cam và lo cho cuộc sống gia đình. Nếu tính luôn thu nhập từ cây cam thì một năm gia đình ông thu trên 300.000.000 đồng/ha.

Đây là mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao cần được nhân rộng để người dân được tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật mới (chọn giống có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, trồng đúng kỹ thuật, quản lý sâu bệnh theo IPM) nhằm phục hồi, xây dựng thương hiệu trên thị trường, tăng thu nhập trên cùng một diện tích , góp phần ổn định kinh tế cho nông dân, đồng thời đó cũng là biện pháp lấy ngắn nuôi dài cho những hộ không có vốn ban đầu nhiều.

(Theo Ngọc Đông)

5. Đồng Tháp

*** Mô hình nuôi tôm càng xanh ở huyện Châu Thành**

Năm 2010 tổng diện tích nuôi tôm càng xanh toàn huyện là 7,7 ha, năng suất trung bình đạt 0,55 tấn/ha. Trong đó có 5 hộ thực hiện điểm trình diễn mô hình nuôi tôm càng xanh trên

chân ruộng lúa và ao hầm với diện tích 5 ha từ nguồn kinh phí khuyến nông của huyện bước đầu mang lại lợi nhuận khá cao so với trồng lúa.

1. Mô hình của ông Võ Văn Tám ở xã Hòa Tân, ông thả 50.000 con tôm post với diện tích 0,7 ha, sau 6 tháng nuôi thu hoạch được 200 kg tôm trứng với giá bán 100.000 đồng/kg và 300 kg tôm thịt giá 160.000 đồng/kg, thu được 68 triệu đồng, trừ chi phí ông còn lãi 28 triệu đồng. Theo ông Tám việc nuôi tôm không tốn nhiều công sức như trồng lúa, đây là đối tượng dễ nuôi, dễ tiêu thụ, giá bán ổn định, mang lại lợi nhuận cao. Tuy nhiên đòi hỏi người nuôi phải hiểu kỹ thuật nuôi, phải kỹ lưỡng trong từng khâu như: Cải tạo ao, chọn con giống, cho ăn, xử lý môi trường..., nếu quản lý tốt thì tỷ lệ thành công mới đạt cao.

2. Mô hình của hộ ông Phan Phước Lộc (xã An Hiệp) thả 60.000 tôm post với diện tích 0,5 ha. Sau 7 tháng ông thu được 300 kg tôm trứng giá 100.000 đồng/kg và 437 kg tôm thịt giá 170.000 đồng/kg, thu được 104 triệu đồng, sau khi trừ chi phí ông còn lời được 45 triệu đồng.

3. Mô hình hộ ông Ung Ngọc Thuận ở xã Tân Bình đạt hiệu quả cao nhất do ông đã có kinh nghiệm nhiều năm trong ương cá, nắm bắt được tiến bộ khoa học kỹ thuật và được sự hướng dẫn của cán bộ Trạm Thủy sản. Trước khi thả nuôi,

ông cải tạo ao theo đúng kỹ thuật, số lượng thả 50.000 tôm post với diện tích 0,5 ha. Sau 7 tháng nuôi, ông thu 250 kg trứng với giá bán 100.000 đồng/kg và 424 kg tôm thịt giá 180.000 đồng/kg, trừ chi phí, ông còn lời 59 triệu đồng.

4. Mô hình hộ ông Nguyễn Quốc Tuấn và Nguyễn Hữu Danh, áp dụng phương pháp nuôi tôm càng xanh luân canh với lúa nhằm tăng hiệu quả kinh tế trên cùng một đơn vị diện tích. Sau khi thu hoạch vụ lúa hè thu, ông Tuấn thả 81.000 tôm post với diện tích 1,4 ha và ông Danh thả 100.000 con post với diện tích 1,9 ha. Từ những kiến thức tham dự lớp tập huấn do Trạm Thủy sản tổ chức và kinh nghiệm qua nhiều năm nuôi thực tế (đối với hộ ông Tuấn) nên hộ nuôi đã áp dụng quy trình nuôi tương đối thuận lợi. Sau khi thu hoạch, trừ chi phí thì hộ ông Tuấn còn lời được 30 triệu đồng, hộ ông Danh lời 9,5 triệu đồng.

Như vậy, các hộ nuôi thực hiện mô hình nuôi tôm càng xanh trong ao và trên chân ruộng lúa năm 2010 đều đạt lợi nhuận cao.

Qua quá trình thực hiện mô hình, các hộ nuôi đã rút ra một số kinh nghiệm thực tế như sau:

- Việc chọn lựa con giống là khâu đặc biệt quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ lệ sống và năng suất tôm nuôi. Cho nên khi mua giống thả nuôi phải biết được nguồn gốc tôm

giống, chọn lựa những cơ sở sản xuất tôm giống có uy tín, giống tốt không mang mầm bệnh, giống phải có giấy kiểm dịch của cơ quan chức năng.

- Cải tạo ao nuôi thật kỹ, diệt tạp, thu dọn và xử lý rơm rạ thật sạch, tránh tình trạng phân hủy các chất hữu cơ gây ô nhiễm môi trường nước.

- Ao nuôi phải có cống cấp, cống thoát riêng, nước cấp vào ao nuôi giai đoạn đầu phải qua lưới lọc để ngăn cá tạp và địch hại vào.

- Môi trường nước phải ổn định về các chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, oxy hòa tan, độ trong, độ kiềm,

- Khi tôm giống được mang về, trước khi thả nên ngâm bao tôm trong ao khoảng 15 - 20 phút, sau đó thả tôm từ từ ra ao.

- Thức ăn cho tôm phải bảo đảm đúng độ đậm theo từng giai đoạn phát triển, thường tôm ở giai đoạn nhỏ cần độ đậm cao 40%.

- Cần bổ sung vào thức ăn các loại khoáng, vitamin nhằm làm tăng sức đề kháng cho tôm nuôi và giúp tôm tăng trưởng nhanh.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của tôm, những biến đổi đột ngột về thời tiết cũng ảnh hưởng đến khả năng bắt mồi của tôm mà điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp, hạn chế thức ăn dư thừa trong ao gây lãng phí và ô nhiễm nền đáy.

- Định kỳ bón vôi ổn định môi trường, kích thích tôm lột vỏ. Có thể định kỳ dùng các loại chế phẩm sinh học tạo ra các loại vi sinh vật có lợi cho môi trường nước, hấp thu khí độc từ đáy ao, giảm nguy cơ dịch bệnh xảy ra.

- Sau 3 tháng nuôi nên thu tỉa tôm trứng bán dần để tránh lãng phí thức ăn và giúp tôm được tăng trọng nhanh.

Qua mô hình nuôi tôm càng xanh của các hộ nuôi bước đầu cho hiệu quả kinh tế khá cao, Ngành Nông nghiệp huyện có kế hoạch nhân rộng mô hình trên một số xã có điều kiện thuận lợi như: Hòa Tân, Tân Bình, Tân Nhuận Đông, Tân Phú Trung, nhằm đa dạng hóa và chuyển đổi vật nuôi để đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng thu nhập cho nông hộ.

(Trạm Thủy sản Châu Thành)

6. An Giang: Mô hình nuôi lươn thương phẩm

Lươn đồng hiện đang là đối tượng thủy sản được nuôi khá phổ biến ở thị xã Tân Châu - An Giang. Nuôi lươn trong bể xi măng hay bể lót bạt nylon là một mô hình rất dễ thực hiện, nhất là đối với các hộ không có đất sản xuất nông nghiệp. Ưu điểm của mô hình này là người dân có thể tận dụng các khoảng đất trống xung

quanh để thiết kế bể nuôi và tận dụng thời gian nông nhàn để chăm sóc.

Trạm Khuyến nông thị xã Tân Châu đã tiến hành khảo sát các hộ nuôi lươn ở Tân An vào tháng 3-2013 cho thấy, năng suất thu hoạch trung bình của các hộ là $6,01 \text{ kg/m}^2$. Hộ có năng suất thu hoạch thấp nhất là $1,6 \text{ kg/m}^2$ và hộ có năng suất thu hoạch cao nhất là $12,5 \text{ kg/m}^2$. Về hiệu quả kinh tế, 97,15% hộ đều thu được lợi nhuận sau khi thu hoạch. Hộ có lợi nhuận thấp nhất là 4 triệu đồng/hộ/năm. Hộ có lợi nhuận cao nhất là 48 triệu đồng/hộ/năm. Nếu tính mức lợi nhuận trung bình trên một diện tích nuôi thì các hộ có mức lợi nhuận trung bình là 313.600 đồng/ m^2 . Hộ có lợi nhuận cao nhất là 625.000 đồng/ m^2 và thấp nhất là 87.500 đồng/ m^2 .

Theo tính toán thống kê, chi phí lưu động trên diện tích bể nuôi của các hộ nuôi trung bình là 407.500 đồng/ m^2 và chi phí lưu động để nuôi được 1 kg lươn thương phẩm là 68.600 đồng/kg. Như vậy, theo các số liệu điều tra về năng suất và chi phí thì với giá bán lươn thịt dao động từ 108.000 đồng/kg đến 124.000 đồng/kg như hiện nay, các hộ nuôi lươn có thể có lợi nhuận từ 39.400 đồng đến 55.400 đồng khi thu hoạch 1 kg lươn thương phẩm.

Từ đó cho thấy mô hình nuôi lươn thương phẩm là một trong những mô hình mang lại hiệu quả

kinh tế. Mô hình này còn có ý nghĩa trong việc giải quyết việc làm và góp phần nâng cao thu nhập cho đời sống hộ gia đình ở nông thôn. Tuy nhiên, mô hình này còn tiềm ẩn nhiều rủi ro như: Con giống còn phụ thuộc rất lớn vào nguồn giống khai thác từ tự nhiên; giá lươn giống tăng do nhu cầu tăng nhưng nguồn cung ngoài tự nhiên có chiều hướng khan hiếm; tỷ lệ hao hụt cao trong thời gian đầu thả giống và việc tiêu thụ cũng như giá cả đầu ra còn thiếu ổn định vì hiện nay tất cả các hộ nuôi đều bán lươn thương phẩm cho thương lái và giá bán lươn thịt hiện nay hạ trong khi giá các loại nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là giá thức ăn lại gia tăng. Để mô hình này tiếp tục phát triển trong thời gian tới thì cần có những nghiên cứu tìm ra giải pháp kỹ thuật để chủ động tạo ra nguồn giống lươn nhân.

Ngoài ra, cần có sự liên kết chuỗi giá trị từ cơ sở cung cấp lươn giống nhân tạo, cơ sở kinh doanh thức ăn - thuốc thú y đến người nuôi và cơ sở thu mua lươn thương phẩm để duy trì và phát triển một mô hình nuôi thủy sản đang có hiệu quả nhằm góp phần đa dạng hóa các giống loài nuôi thủy sản và cũng nhằm thực hiện thắng lợi tiêu chí 11 về tăng thu nhập bình quân đầu người/năm của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

7. Bến Tre: Mô hình trồng ca cao xen bưởi

Mô hình trồng ca cao xen bưởi của ông Hồ Văn Cao ở ấp An Thanh, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre có thể coi là một trong những mô hình sản xuất bền vững. Ông Cao có 8.000 m² trồng 600 gốc ca cao xen với bưởi da xanh được trồng từ năm 2004. Theo ông cho biết, cây ca cao từ lúc trồng đến khi thu hoạch là 18 tháng, mỗi năm thu hoạch 2 vụ, vụ thứ nhất thu hoạch vào khoảng tháng 6 - 7, vụ thứ hai thu hoạch vào khoảng tháng 11-12. Bình quân mỗi vụ cho thu hoạch khoảng 9 tấn ca cao, trừ chi phí, còn được lãi gần 32 triệu đồng/vụ. Việc trồng xen bưởi da xanh cho thu nhập khoảng 50 triệu đồng/năm, vì vậy cuộc sống của gia đình ông đã được cải thiện hơn khi còn để vườn tạp.

Do mô hình đạt hiệu quả cao, nên xã An Khánh đã có trên 400 hộ nông dân áp dụng trồng ca cao xen bưởi da xanh trên diện tích 330 ha. Thực tế cho thấy đã có trên 40% số hộ chuyên canh đạt kết quả khả quan.

(Nguồn: danviet)

8. Sóc Trăng: Mô hình trồng xen canh đậu xanh trong ruộng mía

Mô hình này được thực hiện tại xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng không chỉ giúp bà con nông dân ở đây có thu nhập kép mà còn

giúp tiết kiệm thời gian chăm sóc hoa màu và cải tạo đồng đất.

Khi cây mía còn nhỏ, nông dân thực hiện việc gieo đậu xanh giữa những hàng mía. Việc xen canh này giúp bà con chỉ cần tưới nước, bón phân một lần cho đậu xanh đồng thời cũng là bón phân tưới nước cho cây mía hoặc ngược lại. Với mô hình trồng xen này, cả cây đậu xanh và cây mía cùng phát triển tốt. Là cây màu ngắn ngày, đậu xanh chỉ trồng hơn 2 tháng là cho thu hoạch nên rất thích hợp khi trồng xen trong ruộng mía giai đoạn đầu để lấy ngắn nuôi dài.

Hiện xã Long Phú có khoảng 200 ha đất trồng mía xen canh với các loại rau màu khác, trong đó chủ yếu là cây đậu xanh. Những năm gần đây, giá mía ổn định và giá đậu xanh cũng ở mức cao, thu nhập của bà con tăng đáng kể. Theo một số hộ trồng đậu xanh, với chi phí đầu tư thấp, mau cho thu hoạch, nguồn thu nhập từ đậu xanh có thể gần ngang bằng với thu nhập từ cây mía trong cùng một diện tích.

Đậu xanh là loại cây ngắn ngày, thời gian từ khi gieo hạt đến thu hoạch khoảng 70 ngày và dễ trồng trên hệ thống đất lúa khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Thực tế cho thấy, sau mỗi vụ trồng đậu xanh, đất thường màu mỡ thêm nhờ xác lá thân rễ để lại trên đất, nên trồng đậu xanh còn là cách để cải tạo đất.

Mô hình trồng mía xen canh với đậu xanh là hướng đi mới mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho những ruộng mía. Mía xen đậu sẽ giúp bà con tận dụng hết tiềm năng đất đai, tiết kiệm chi phí sản xuất, nhân công lao động, mang lại lợi nhuận kép. Đây có thể xem là hướng phát triển cây trồng bền vững ở những vùng có diện tích mía lớn của tỉnh Sóc Trăng.

(Theo Trung Hiếu, Bảo Trân)

9. Bạc Liêu: Mô hình trồng bầu ngót ở Bạc Liêu

Mô hình trồng bầu ngót (một loại rau sạch) đang được nhiều nhà nông ở Bạc Liêu đầu tư sản xuất cho thu nhập cao so với các loại rau khác, ước tính 1 công (1.000m²) rau bầu ngót cho lợi nhuận gần 100 triệu đồng/năm.

Bầu ngót là loại rau dễ trồng, ít tốn công chăm sóc, không bị sâu hại hay bệnh chết yểu. Ưu điểm của loại rau này là trồng một lần cho thu hoạch cả năm, năng suất cao. Khi trồng cũng rất dễ, vì trồng bằng cắt nhánh găm xuống đất, không sâu bệnh, ít sử dụng phân bón.

Tỉnh Bạc Liêu có diện tích trồng rau bầu ngót thương phẩm khoảng 10 ha. Phần lớn diện tích trồng bầu ngót không trồng tập trung, chủ yếu người dân tận dụng đất vườn tạp để trồng đan

xen dưới tán dừa, vườn cây ăn trái. Rau búp ngót dùng để nấu canh, vừa bổ dưỡng vừa giải nhiệt, nhu cầu tiêu dùng lớn nên luôn hút hàng và bán được giá cao. Gần đây một số loại rau trên thị trường tiêu thụ chậm, trúng mùa thì rớt giá nên nhiều nhà nông đang có xu hướng chuyển sang trồng rau búp ngót. Chính quyền địa phương cho biết: mô hình trồng rau búp ngót thương phẩm là một trong những loại rau sạch được địa phương đưa vào quy hoạch sản xuất lâu dài. Mô hình này rất thích hợp cho hộ nghèo, ít đất, ít vốn, nhất là đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Để sản xuất có hiệu quả, ngành nông nghiệp Bạc Liêu khuyến khích bà con tận dụng diện tích vườn tạp, bờ ruộng, trồng xen canh dưới tán cây. Cùng với việc mở rộng diện tích trồng rau búp ngót, địa phương còn chủ động liên kết với các chợ đầu mối, hệ thống siêu thị, cửa hàng bán rau sạch , tạo đầu ra ổn định cho người sản xuất, thêm thu nhập cho bà con nhà vườn, góp phần cùng địa phương thực hiện tốt công tác xóa đói, giảm nghèo...

(Theo Trung Hiếu, Bảo Trân)

10. Cà Mau: Sản xuất lúa VietGAP - hướng mở cho cánh đồng mẫu lớn

Mô hình sản xuất lúa theo hướng VietGAP từ dự án thuộc Đề án nâng cao năng suất và

hiệu quả tôm lúa của Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh Cà Mau góp phần thay đổi cách nghĩ, cách làm của bà con nhằm hạn chế những nhược điểm còn tồn tại từ trước đến nay như chi phí đầu tư lớn trong khi năng suất không cao; giá lúa bấp bênh, bị thương lái ép giá; thậm chí nhiều hộ mất trắng cả vụ do mưa bão, hạn hán .

Hiệu quả của mô hình mang lại là giảm được chi phí sản xuất, tăng năng suất lúa, đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó việc người dân chủ động vệ sinh thu gom lọ, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật làm giảm thiểu sự ô nhiễm về môi trường. Việc thường xuyên kiểm tra đồng ruộng cũng giúp họ phát hiện sớm sâu bệnh và phun thuốc đúng loại. Ngoài ra, việc chọn giống tốt, mật độ sạ thưa, giảm phân bón sẽ tạo ra sản phẩm lúa sạch, chất lượng làm tăng tính cạnh tranh của lúa gạo Việt Nam trên thương trường và tăng thu nhập cho người trồng lúa.

Do những hiệu quả thiết thực đó nên mô hình được nhiều bà con nông dân tích cực tham gia. Theo ông Nguyễn Trần Thúc - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Cà Mau: Đây là bước đi tiên đề để mở rộng quy mô sản xuất, ban đầu là nhiều cánh đồng mẫu nhỏ, sau đó ráp lại thành cánh đồng mẫu lớn. Từ 100

ha năm 2011, năm nay Trung tâm dự kiến tăng lên 600 ha và sẽ tiếp tục tăng trong những năm sau để tiến tới xây dựng cánh đồng mẫu lớn theo chủ trương xây dựng nông thôn mới của Đảng và Nhà nước.

(Nguồn: danviet)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Trần Việt Dũng - Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội: *Giải pháp đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn*.
2. Nguyễn Văn Hiếu - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy - Trưởng ban Tuyên giáo huyện ủy Nghi Xuân: *Một số giải pháp để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người nông dân Nghi Xuân*.
3. Minh Phương: *Phát huy hiệu quả của các mô hình tổ chức sản xuất mới trong nông nghiệp*.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, vấn đề trọng tâm trong xây dựng nông thôn mới	7
- gương nông dân sản xuất giỏi	21
- Một số mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả	199

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
ThS. NGUYỄN MINH

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
LƯU XUÂN LÝ

Biên tập nội dung:	HỒ DIỆU THÚY TRẦN PHƯỢNG TRINH
Trình bày bìa:	NGUYỄN PHƯƠNG MAI
Chế bản vi tính:	PHẠM THU HÀ
Sửa bản in:	ĐỖ THANH HOÀNG
Đọc sách mẫu:	DIỆU THÚY

TÌM ĐỌC

■ BÍ QUYẾT LÀM GIÀU TỪ CHĂN NUÔI

Hội Nông dân Việt Nam

■ CÁC GIẢI PHÁP SÁNG TẠO KỸ THUẬT CỦA NHÀ NÔNG (Gồm 3 tập)

TS. Nguyễn Duy Lượng (Chủ biên)
Phạm Hữu Văn, Lê Văn Khôi, Đỗ Phương Mai

■ NHỮNG TÂM GƯƠNG NÔNG DÂN ĐIỀN HÌNH TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH GIỎI GIAI ĐOẠN 2007-2011

ISBN:978-604-57-0465-3



9 786045 704653